



TẠP CHÍ

thủy sản

CƠ QUAN
NGÔN LUẬN
CỦA
BỘ THỦY SẢN

ISSN 0866 - 710



NĂM 1998, ĐƯA NGÀNH THỦY SẢN

PHÁT TRIỂN NHANH HƠN, TỐT HƠN

Kinh tế thủy sản - Một chặng đường

Cá rô phi đơn tính

hiện trạng và hướng phát triển

Năm Hồ nói chuyện tâm hồn

HÃY BẢO VỆ NGUỒN LỢI VÀ MÔI TRƯỜNG THỦY SẢN

1
1998

ĐƯA NGÀNH THỦY SẢN PHÁT TRIỂN NHANH HƠN, TỐT HƠN

LTS: Trong 2 ngày 16 & 17/1/1998 Bộ Thủy sản tổ chức Hội nghị bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ năm 1998, Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Tấn Dũng đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng. TCTS lược ghi giới thiệu bạn đọc. Đã bài do TCTS đặt.

Thưa các đồng chí

Hôm nay tôi rất vui mừng đến dự Hội nghị bàn biện pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1998 của ngành thủy sản, trước hết thay mặt Thủ tướng Chính phủ tôi gửi đến các đồng chí lời chúc mừng tốt đẹp và thân ái.

Thưa các đồng chí,

Nhìn lại tình hình năm 1997, trong khi chúng ta chưa khắc phục xong hậu quả thiên tai của các năm trước, chúng ta phải chịu thiệt hại hết sức nặng nề về người và của do cơn bão lớn chưa từng có trong gần 100 năm nay ở các tỉnh ven biển Nam Bộ, giữa năm phải ứng phó với cơn khủng hoảng tài chính tiền tệ bắt đầu từ các nước trong khu vực có xu hướng lan rộng ra. Mặc dù có những khó khăn to lớn không lường trước được như vậy, nhưng với sự cố gắng nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, nền kinh tế nước ta đã đạt được kết quả đáng mừng. Tổng sản phẩm xã hội GDP vẫn đạt mức tăng khá cao 9% so với

năm 1996, nông nghiệp phát triển ổn định và khá toàn diện với nhịp độ tăng trưởng 4,8%, lương thực qui thóc đạt sản lượng 30,6 triệu tấn, bằng mức phấn đấu đề ra cho đến năm 2000, sản lượng công nghiệp tăng 13,2%, các hoạt động dịch vụ tăng 9,5%, kim ngạch xuất khẩu đạt gần 9 tỉ USD tăng 22%, nhập khẩu đạt 11 tỉ USD, chỉ tăng 0,5% thấp nhất từ trước tới nay, lạm phát được kiềm chế ở mức 3,6% cũng là mức thấp nhất từ trước đến nay, các hoạt động đối ngoại được tăng cường và mở rộng tăng thêm thể và lực của nước ta trên trường quốc tế, ổn định chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Trong các lĩnh vực văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật có nhiều chuyển biến tích cực. Trong thành tích chung của cả nước, ngành thủy sản đã đóng góp một phần rất quan trọng. Trong năm qua mặc dù cơn bão số 5 đã cướp đi hàng ngàn lao động, hàng ngàn tàu thuyền đánh cá và làm

thiệt hại hàng vạn hecta diện tích nuôi trồng thủy sản, nhưng ngành thủy sản cả nước đã nỗ lực vươn lên khắc phục khó khăn, mất mát, tiếp tục phát huy truyền thống 17 năm liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch, đã khẩn trương khắc phục thiệt hại và tích cực khai thác hải sản trên biển, tiếp tục đẩy mạnh việc nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là phát triển các giống loài thủy sản có giá trị kinh tế cao với một số mô hình thích hợp, đã tích cực triển khai thực hiện chương trình đánh cá xa bờ, từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường, tăng được giá trị kim ngạch xuất khẩu, diện tích nuôi trồng thủy sản năm 1997 đã đạt 600.000 ha, tổng sản lượng khai thác đã đạt

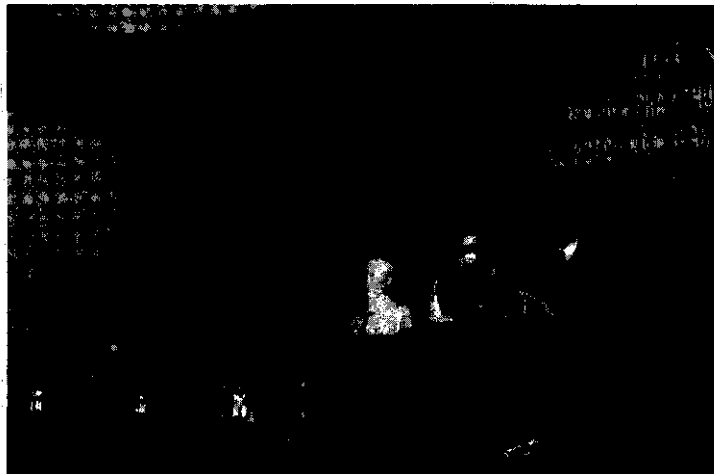
được 1.570.000 tấn, vượt kế hoạch cả năm 3,47% và so với năm 1996 đã tăng 15,82%, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 776 triệu USD, vượt 3,47% so với kế hoạch và tăng 19,71% so với năm 1996. Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đã bằng 80% giá trị xuất khẩu gạo của cả nước.

Thay mặt Thủ tướng Chính

phủ tôi nhiệt liệt biểu dương thành tích đã đạt được của ngành thủy sản năm 1997 và mong rằng ngành thủy sản sẽ tiếp tục phấn đấu phát huy những mặt mạnh để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1998.

Thưa các đồng chí,

Như đã biết, năm 1998 là năm có ý nghĩa rất quan trọng đối với đất nước ta trong quá trình tiếp tục đổi mới và phát triển, là năm thứ ba và cũng có thể nói là năm bản lề trong thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, và là năm khởi đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) với tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương lần thứ 4 là: "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế xã hội đến năm 2000".



Trong chiến lược phát triển kinh tế chung và kinh tế biển nói riêng, Đảng và Nhà nước hết sức coi trọng việc phát triển nhanh và đồng bộ ngành thủy sản nhằm phát huy nguồn nội lực to lớn và cũng là lợi thế so sánh lớn của đất nước ta trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tại hội nghị cán bộ chủ chốt các ngành và địa phương trong cả nước họp ngày 12/01 vừa qua Thủ tướng Chính phủ đã nhấn mạnh việc thực hiện các giải pháp lớn đối với ngành thủy sản trong năm 1998 là *"Phát triển thủy sản theo hướng hạn chế đánh bắt ven bờ, chuyển mạnh sang đánh bắt ngoài khơi và nuôi trồng thủy sản thâm canh cao, thực hiện có hiệu quả chương trình tín dụng cho ngư dân đóng tàu thuyền, mua sắm ngư cụ, tổ chức tốt hơn dịch vụ trên bờ, công nghiệp chế biến bảo quản, cải tạo và nâng cấp hệ thống cơ sở nghề cá, khắc phục nhanh hậu quả của cơn bão số 5"*.

Thưa các đồng chí,

Trước đòi hỏi khẩn trương xây dựng đất nước, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị ngành thủy sản cần cụ thể hóa những chủ trương cơ bản, những định hướng cơ bản của Thủ tướng Chính phủ, phát huy những thuận lợi và tiềm năng, phải đánh giá đúng thực trạng của ngành và có nhận định xu thế phát triển thủy sản của các nước trong khu vực và thế giới để từ đó mà đề ra nhiệm vụ giải pháp thật cụ thể, thật phù hợp để phát triển ngành trong năm 1998 và những năm tiếp theo; phải khai thác bằng được các nguồn lực trong ngành, trong nước và tranh thủ tối đa sự hỗ trợ quốc tế để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản, kinh tế biển để xứng đáng với vị trí là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

Tôi đã nghiên cứu báo cáo tình hình năm 1997 và kế hoạch năm 1998 của các đồng chí đề ra, nghe lãnh đạo Bộ báo cáo ý kiến các đồng chí phát biểu hôm qua và hôm nay nghe một số đồng chí phát biểu, tôi nhất trí với báo cáo nhận định tình hình và phương hướng nhiệm vụ các đồng chí đề ra. Ở đây tôi chỉ xin phát biểu trao đổi thêm với các đồng chí một số vấn đề, với mong muốn là chúng ta cùng nhau bàn để phát triển nhanh hơn, tốt hơn kinh tế biển, nhất là ngành kinh tế thủy sản trong năm 1998 và những năm sau, trước hết tôi đề nghị các đồng chí trong năm 1998 tập trung vào mấy lĩnh vực sau đây:

Thứ nhất: Phải trên cơ sở qui hoạch, tiếp tục hoàn thiện qui hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá ven biển, ven bờ và tại các đảo lớn, xây dựng các trọng điểm hậu cần chế biến dịch vụ thương mại nghề cá, tăng năng lực thông tin liên lạc, cảnh báo, cứu nạn đối với nghề đánh bắt hải sản, tổng kết kinh nghiệm để tiếp tục thực hiện tốt hơn các dự án nuôi trồng thủy sản theo chương trình 773, đầu tư cho nuôi thủy sản ở biển và vùng ven biển, qui hoạch lại các vùng nuôi,

đẩy mạnh nuôi thâm canh và bán thâm canh bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong lĩnh vực đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm và đồng bộ, có ưu tiên cho những mũi nhọn, lấy hiệu quả kinh tế xã hội, mục tiêu tăng trưởng của ngành để quyết định đầu tư không tùy tiện, bất chợt, phải khắc phục việc đầu tư dàn trải, phân tán, kém hiệu quả.

Thứ hai: Tích cực chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng gần bờ có cơ sở khoa học và thực tiễn, tiếp tục tìm kiếm tốt và sửa chữa nhanh số tàu thuyền bị thiệt hại trong cơn bão số 5 để nhanh chóng khôi phục sản xuất, khuyến khích tiếp tục đóng tàu thuyền lớn đi khai thác xa bờ trên cơ sở tổng kết việc triển khai vốn tín dụng 400 tỉ đồng để đóng tàu đánh cá xa bờ năm 1997. Để triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả hơn chương trình phát triển đội tàu đánh cá xa bờ trong năm 1998, phải sát thực tiễn, sát ngành nghề truyền thống của dân, khắc phục bằng được những chủ trương, những quyết định, những thủ tục phiền hà, quan liêu để nhanh chóng phát triển đội tàu đánh cá xa bờ.

Thứ ba: Phải tiếp tục việc qui hoạch lựa chọn vùng nuôi, nuôi phục vụ xuất khẩu và giải quyết nguồn thực phẩm tại chỗ cho các tỉnh trung du, miền núi với mục tiêu năng suất cao và phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu này phải giải quyết đồng bộ các vấn đề về giống, thức ăn, công nghệ nuôi, phòng trừ dịch bệnh, thu hoạch bảo quản, tiêu thụ, nhất là tiêu thụ trong mùa thu hoạch, bảo đảm khối lượng và chất lượng nguyên liệu chế biến và bảo đảm lợi ích của người sản xuất, phải cùng với ngành nông nghiệp có sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất vùng ruộng trồng lúa sang nuôi cá có hiệu quả kinh tế hơn.

Thứ tư: Tiếp tục đẩy mạnh việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động phối hợp với các ngành và các địa phương có liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản, phải tuyên truyền giáo dục, đồng thời gắn với kiểm tra xử lý nghiêm hành vi phá hoại môi trường và nguồn lợi.

Thứ năm: Trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, về chế biến xuất khẩu phải khẩn trương đổi mới thiết bị và công nghệ, đa dạng hóa mặt hàng và nâng cao chất lượng hàng thủy sản xuất khẩu; tăng cường công tác tiếp thị để ổn định thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, đồng thời phải coi trọng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước ngày càng có đòi hỏi cao về chất lượng và đa dạng về chủng loại; phải tiếp tục xây dựng chiến lược thị trường và sản phẩm của ngành thủy sản; đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại và hợp tác của ngành từ Bộ đến các địa phương và cơ sở; tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ là nhân tố

có ý nghĩa rất quyết định đối với sự phát triển toàn bộ ngành thủy sản nước ta trong năm 1998.

Thứ sáu: Kịp thời rút kinh nghiệm về công tác phòng chống bão của năm 1997, nhất là qua tình huống cơn bão số 5 để có chương trình kế hoạch phòng chống thiên tai đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt dự báo và cứu nạn trên biển. Khẩn trương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ trong quý I năm nay. Nghị định về bảo đảm an toàn trên biển cho khai thác hải sản.

Thứ bảy: Phải nhanh chóng sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 và chương trình công tác của Chính phủ nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đồng thời tiếp tục hướng dẫn chuyển đổi và thành lập hợp tác xã kiểu mới, vừa phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ nông dân, ngư dân, vừa phát huy tính ưu việt của tập thể cộng đồng trong sản xuất kinh doanh, chú ý tập trung xây dựng một số doanh nghiệp hàng đầu về công nghệ và chất lượng có sức cạnh tranh cao. Các doanh nghiệp nhà nước cần chuyển mạnh sang làm dịch vụ hậu cần cho nghề khai thác hải sản xa bờ. Hướng mạnh các nghiên cứu và hoạt động khoa học công nghệ đã có, nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhất là công nghệ trong chế biến để có sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ và công nghệ về con giống cho nuôi trồng thủy sản. Phải tăng cường công tác

quản lý nhà nước đối với ngành thủy sản, phải tiếp tục cải cách hành chính trong ngành, đồng thời phải triển khai xây dựng dự thảo Luật Nghề cá. Cần làm tốt việc rà soát lại các văn bản pháp quy trong ngành theo kế hoạch chung của Chính phủ, đề nghị các đồng chí là cải cách hành chính phải trên tinh thần phân cấp mạnh cho địa phương, chuyển nhanh việc điều hành của Bộ sang phương thức điều hành vĩ mô bằng thể chế, bằng chiến lược phát triển, bằng qui hoạch kế hoạch và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống buôn lậu, bảo vệ môi trường sinh thái. Trên cơ sở đảm bảo luật pháp phải phấn đấu đơn giản hóa các thủ tục về cấp giấy phép về kiểm tra chất lượng, về đăng kiểm tàu thuyền.

Vừa là trách nhiệm Đảng và Nhà nước giao, vừa là tình cảm của mình với ngành tôi xin phát biểu một cách thẳng thắn và chân thành với các đồng chí.

Nhân dịp năm mới, một lần nữa thay mặt Thủ tướng Chính phủ tôi xin chúc ngành thủy sản vượt qua mọi khó khăn trở ngại, đoàn kết nhất trí, đề cao trách nhiệm trước nhân dân trước sự phát triển của đất nước vươn lên đạt được nhiều thắng lợi trong năm 1998.

Xin chúc các đồng chí khoẻ mạnh, thành đạt và hạnh phúc ■

NHỮNG MỤC TIÊU CỦA NGÀNH THỦY SẢN NĂM 1998

1. Những chỉ tiêu chủ yếu

Tổng sản lượng thủy sản : 1.575.000 tấn;

Trong đó, khai thác hải sản 1.000.000 tấn, nuôi trồng thủy sản 480.000 tấn, nhuyễn thể vỏ cứng 115.000 tấn..

Kim ngạch xuất khẩu: 850 - 900 triệu USD..

Các sản phẩm chế biến : tôm đông lạnh 79.000 tấn, sản phẩm đông khác 83.400 tấn, sản phẩm khô 30.860 tấn, nước mắm 170 triệu lít, bột cá 18.000 tấn.

Tổng số thuyền máy 71.800 chiếc, tổng công suất 1.880.000 CV. Cơ sở chế biến đông lạnh 200.

Diện tích NTTS 600.000 ha, trong đó diện tích mặt lợi 295.000 ha. Nhu cầu đầu tư với tổng mức vốn 3.681.000 triệu đồng.

2. Triển khai một bước CNH, HĐH, thay đổi cơ cấu ngành theo hướng tăng xuất khẩu và phát triển bền vững

Tập trung vào chương trình đánh bắt hải sản xa bờ, điều chỉnh sắp xếp lại cơ cấu nghề cá, hoán đổi nghề cá gần bờ. Đầu tư có trọng điểm cho nghề cá xa bờ nhiều hình thức các tổ hợp đánh cá xa bờ mạnh, hiện đại nhất vùng Trung và Nam Bộ.

Đổi mới cơ chế đầu tư, tập trung xây dựng chiến lược sản phẩm, xây dựng vùng nguyên liệu xuất khẩu, từng bước hiện đại hóa NTTS theo hướng bán thâm canh và thâm canh. Có chính sách thu hút đầu tư trong và ngoài nước để phát triển, bên cạnh đó ưu tiên cho việc tập trung mở rộng thị trường. Khẩn trương đầu tư hiện đại hóa CBTS đi liền với nâng cao năng lực quản lý và tiếp thị.

3. Triển khai thực hiện Nghị quyết TƯ 4 (khoá VIII)

Tập trung đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá ven bờ và các đảo lớn, xây dựng các trọng điểm hậu cần chế biến dịch vụ, thương mại. Tăng cường phương tiện thông tin liên lạc, cảnh báo, cứu hộ đối với nghề cá. Đầu tư NTTS biển và ven biển. Đổi mới cơ cấu đầu tư để phát triển các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh. Chấm dứt đầu tư cát khúc trong quá trình sản xuất sản phẩm xuất khẩu.

Đẩy mạnh XKTS: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho XK, trên cơ sở phát triển mặt hàng xuất khẩu có tính cạnh tranh, cần tích cực và chủ động thâm nhập thị trường thế giới, tạo thị trường ổn định cho các mặt hàng và nâng cao kim ngạch xuất khẩu.

Tiếp tục đóng tàu khai thác hải sản xa bờ, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp vùng gần bờ, hạn chế các tàu thuyền nhỏ, khuyến khích đóng tàu thuyền lớn ra khơi.

Đổi mới hoạt động của doanh nghiệp, tăng cường các hoạt động phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp.

Xây dựng các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, tăng cường hỗ trợ nghề cá nhân dân phát triển, xây dựng các HTX kiểu mới trong nghề cá.

NĂM 1998, NGÀNH THỦY SẢN PHẢI ĐẨY MẠNH KHAI THÁC, NUÔI TRỒNG, CHẾ BIẾN...

Kết luận của Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tân tại buổi làm việc với Bộ Thủy sản ngày 13/2/1998

1. Năm 1997 mặc dầu gặp một số khó khăn, đặc biệt là những thiệt hại về người và phương tiện do cơn bão số 5 gây ra, nhưng ngành thủy sản đã có nhiều cố gắng, phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước, giữ vững nhịp độ tăng trưởng hàng năm, nhất là về xuất khẩu.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, chúng ta chưa khai thác tốt mặt nước, lao động, tài nguyên và cơ sở vật chất kĩ thuật hiện có, vùng biển xa bờ chưa được khai thác, diện tích mặt nước mặn, lợ, ngọt còn để hoang hóa nhiều, chưa được tận dụng để nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là chưa có nhiều mô hình nuôi thâm canh cao, phục vụ cho xuất khẩu, các cơ sở chế biến chưa tận dụng hết công suất..., năm 1998 cần phấn đấu để khai thác tốt hơn nguồn tiềm năng này.

2. Mục tiêu của ngành thủy sản năm 1998 là phải đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng và chế biến để đạt cho được giá trị kim ngạch xuất khẩu từ 850 - 900 triệu USD, giải quyết tốt được mục tiêu này, Nhà nước sẽ tăng được nguồn thu ngoại tệ, người lao động tăng được thu nhập và giải quyết cho hàng vạn ngư dân, nông dân hiện đang không có việc làm, đây là hướng cần phát triển mạnh để khắc phục tình trạng dư thừa lao động ở nông thôn hiện nay và trong thực tế ngành thủy sản đang có đủ điều kiện để thực hiện.

3. Để phát triển nhanh xuất khẩu thủy sản, đạt mục tiêu đã đề ra, Bộ Thủy sản phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương, tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Coi trọng việc tổ chức triển khai thực hiện chương trình khai thác hải sản xa bờ, bao gồm cả việc đóng tàu, khắc phục hậu quả cơn bão số 5, xây dựng cơ sở hạ tầng, đào tạo nghiệp vụ, nghiên cứu điều tra nguồn lợi, hậu cần dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp để hạn chế đánh bắt xa bờ.

Đòi hỏi với việc tổ chức tốt chương trình đánh cá xa bờ, phải hết sức coi trọng nuôi trồng thủy sản cả ở trên biển, ven biển, nước lợ và nước ngọt, nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu thực phẩm cho tiêu dùng nội địa và cho xuất khẩu, vì khai thác, dù là khai thác xa bờ cũng chỉ là có hạn, còn nuôi trồng là nguồn tái sinh vô hạn, mà tiềm năng mặt nước cho nuôi trồng thủy sản của ta lại đang rất lớn.

3.2. Phải gắn việc khai thác, nuôi trồng thủy sản với chế biến và tiêu thụ, vì đây là khâu rất quan

trọng để nâng cao giá trị hàng hóa, và cũng không loại trừ việc nhập nguyên liệu từ nước ngoài về và đưa vào chế biến xuất khẩu, các nước cũng làm như vậy và ta cũng nên làm như thế để vừa tạo được việc làm có thu nhập cho người lao động và tăng ngoại tệ cho nền kinh tế.

3.3. Nhanh chóng hiện đại hóa ngành thủy sản cả trong khai thác, nuôi trồng và chế biến. Trong khai thác phải tiến tới có các đội tàu công suất lớn đi khai thác ở các vùng biển xa bờ, xây dựng hệ thống cầu cảng, kho tàng trên tuyến đảo và ven biển, qui hoạch và nâng cấp hệ thống các nhà máy chế biến, đảm bảo hàng thủy sản xuất khẩu có chất lượng cao và giữ được uy tín trên thị trường thế giới. Trong nuôi trồng phải hướng tới lập các khu nuôi tập trung, có đầu tư, nuôi công nghiệp và thâm canh cao để tạo ra hàng hóa xuất khẩu. Trước mắt chỉ đạo xây dựng một số mô hình để làm thí điểm.

4. Những vấn đề cần tập trung xử lý:

4.1. Bộ Thủy sản chuẩn bị ngay Nghị định về an toàn trên biển, làm việc với các ngành có liên quan và trình Chính phủ ban hành trong quý I năm 1998.

4.2. Về các chính sách khuyến khích phát triển ngành thủy sản, Bộ Thủy sản cần chủ động phối hợp với các Bộ có liên quan nghiên cứu và xây dựng từng chính sách cụ thể để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Trước mắt Bộ Thủy sản phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ chính sách về thuế xuất khẩu thủy sản.

4.3. Về vốn: Vốn ngân sách cấp đã được phê duyệt. Riêng về vốn vay, ưu tiên cho vay đóng tàu đánh cá xa bờ, Bộ Thủy sản làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước về nguồn vốn cho vay và sửa lại những qui định không phù hợp trong Quyết định số 393/TTg ngày 09/6/1997 của Thủ tướng Chính phủ để trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

Vốn vay cho chế biến và nuôi trồng thủy sản theo chương trình 773, Bộ Thủy sản và các địa phương chỉ đạo xây dựng các dự án cụ thể và làm việc với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý. Riêng về vốn vay của ADB để nuôi trồng thủy sản, về nguyên tắc là đồng ý, Bộ Thủy sản làm việc với các ngành liên quan để trình Chính phủ.

4.4. Trong năm 1998 Bộ Thủy sản cần làm tốt một số việc sau:

- Khẩn trương xây dựng chương trình đồng bộ về khai thác hải sản xa bờ và làm việc với các Bộ, ngành có liên quan để trình Chính phủ. Trước mắt sơ kết việc vay vốn đóng tàu đánh cá xa bờ năm 1997 để có biện pháp chỉ đạo sát sao công tác này năm 1998.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương triển khai có hiệu quả thiết thực Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản, nhằm bảo vệ tốt nguồn lợi thủy sản đang bị xâm hại.

- Chỉ đạo tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ở cả trên biển, ven biển, nước lợ và nước ngọt; bàn với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để có kế hoạch nuôi cá ruồng và sử dụng số ruồng trống canh tác kèm hiệu quả chuyển sang nuôi thủy sản; chỉ đạo xây dựng một số mô hình nuôi một số con có giá trị xuất khẩu như cá rô phi, tôm sú, tôm càng xanh, cá bóp và cua ở các tỉnh phía Bắc, cần giao cho Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I thị điểm mô hình này.

- Chủ động phối hợp với các Bộ Thương mại, Ngoại giao và các ngành có liên quan, các địa phương và chỉ đạo các Tổng công ti trong việc tìm

kiếm thị trường, cố gắng để giữ vững thị trường truyền thống và mở rộng sang thị trường Mĩ và Đông Âu; coi trọng thị trường Trung Quốc là thị trường gần sát ta và có thể tiêu thụ số lượng lớn.

4.5. Về khoa học - công nghệ, Bộ Thủy sản cần chỉ đạo các Viện nghiên cứu tập trung vào hướng phục vụ sản xuất, điều tra dự báo ngư trường khai thác, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm và đi sâu vào các đặc sản để chiếm lĩnh lợi thế so sánh; cần tăng cường đưa cán bộ khoa học đi nghiên cứu, học tập ở các nước để tiếp thu nhanh tiến bộ khoa học của thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực.

4.6. Về phát triển cơ sở hạ tầng: Bộ Thủy sản chỉ đạo khẩn trương thi công các công trình thi công dở dang và công trình đã được duyệt, xây dựng và trình duyệt các công trình ghi trong kế hoạch năm 1998 để sớm đưa công trình vào phục vụ sản xuất. Ngoài phần vốn đã được cấp theo kế hoạch, cần tranh thủ các nguồn tài trợ và giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, để cải tạo, nâng cấp các cơ sở vật chất kĩ thuật của ngành.

4.7. Về quỹ hỗ trợ cho xuất khẩu thủy sản như Bộ Thủy sản đề nghị, giao Bộ Tài chính xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ.

CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CỦA NGÀNH NĂM 1998

ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

Nghiên cứu phương pháp chẩn đoán và phòng trị bệnh tôm cá.

Nghiên cứu công nghệ di truyền và điều khiển gen tính một số loài cá tôm nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Điều tra tổng hợp nguồn lợi sinh vật biển quần đảo Trường Sa.

Lưu giữ giống gen và giống gốc các loài cá kinh tế.

Hoàn thiện công nghệ chế tạo vỏ tàu cá bằng vật liệu composite.

Nuôi thành thực tôm sú bố mẹ ở biển.

Sản xuất và nuôi giống trái quýt *R. maxima* ở Phú Quốc.

Tiếp tục thực hiện các đề tài nuôi biển về sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá giò, cá hồng.

DỰ ÁN KINH TẾ XÃ HỘI CẤP NHÀ NƯỚC

Tiếp tục điều tra nguồn lợi, môi trường các vùng trung du, miền núi phục vụ chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp cho các tỉnh trung du, miền núi trọng điểm phục vụ ưu tiên phát triển lâu bền ngành thủy sản.

Tiếp tục điều tra các yếu tố môi trường sinh thái, điều kiện kinh tế xã hội, nhằm xác định cơ cấu NTTS hợp lí, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông thôn ven biển. Xây dựng các khu bảo tồn biển.

ĐỀ TÀI CẤP BỘ

Về khai thác: Tổng kết kinh nghiệm khai thác xa bờ đạt hiệu quả trong các thành phần kinh tế. Xác định cơ cấu và cỡ loại tàu thuyền, ngư cụ đánh bắt của nghề cá xa bờ phù hợp với nguồn lợi và điều kiện tự nhiên của một số vùng trọng điểm.

Về nuôi biển: Hợp tác với nước ngoài nghiên cứu sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá bơn, bào ngư, cầu gai, ngêu, sò huyết, ... Nghiên cứu cho tôm hùm đẻ bằng phương pháp sinh sản nhân tạo.

Nuôi vùng triều, nước lợ: Nghiên cứu mô hình nuôi tôm công nghiệp khép kín, không bệnh tật.

Nghiên cứu chọn giống rong biển có giá trị kinh tế.

Các lĩnh vực khác: Nghiên cứu chọn giống cá rô phi có năng suất cao. Điều tra nghiên cứu biện pháp bảo vệ và phục hồi một số loài cá hoang dã, quý hiếm như cá anh vũ, cá chọi, cá lăng.

Phổ biến kĩ thuật: Xây dựng một số mô hình đưa đồng bộ tiến bộ KHKT vào sản xuất ở một số huyện nghề cá phát triển.

BỘ TRƯỞNG TẠ QUANG NGỌC THĂM MỘT SỐ CƠ SỞ NGHỀ CÁ VÀ LÀM VIỆC VỚI UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trong hai ngày 10 và 11/2/1998, Bộ trưởng Bộ Thủy sản đã đi thăm và làm việc tại Hải Phòng, cùng đi có Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ trưởng Vụ nghề cá và lãnh đạo Văn phòng Bộ Thủy sản.

Bộ trưởng đã thăm đội tàu mới đóng để khai thác hải sản xa bờ, một cơ sở đóng mới tàu cá và cùng với lãnh đạo UBND thành phố, Giám đốc Sở Thủy sản có buổi tiếp xúc để trao đổi ý kiến với ngư dân, chủ tàu, các doanh nghiệp thủy sản, đại diện Hội Nghề cá thành phố, lãnh đạo các huyện, thị, UBND xã có nghề cá biển về những vướng mắc và nguyện vọng của bà con ngư dân trong việc tiếp tục tham gia Chương trình khai thác xa bờ cũng như một số vấn đề phát triển của ngành thủy sản.

Tại buổi làm việc với Chủ tịch và lãnh đạo UBND cùng lãnh đạo các ban, ngành hữu quan của thành phố về việc xây dựng và phát triển kinh tế thủy sản Hải Phòng, trong những năm tới, Bộ trưởng đề cập 6 vấn đề:

1. Việc xây dựng công nghiệp nghề cá Hải Phòng không chỉ phục vụ cho đời sống kinh tế - xã hội của thành phố mà còn phục vụ cho sự phát triển nghề cá của các địa phương tại các tỉnh phía Bắc. Lãnh đạo thành phố luôn rất quan tâm đến sự phát triển của nghề cá vùng với những yếu tố về truyền thống, tiềm năng trong khai thác, nuôi trồng và hệ thống hạ tầng vốn có là những điều kiện thuận lợi để xây dựng nghề cá xứng đáng là vùng kinh tế thủy sản trọng điểm. Một yếu tố rất quan trọng là phải xây dựng hệ thống hậu cần dịch vụ đủ mạnh để đảm bảo cho công nghiệp nghề cá phát triển, vì thế đề nghị UBND thành phố phối hợp cùng Bộ Thủy sản có kế hoạch rà soát lại toàn bộ các cơ sở vật chất hiện có từ các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở hậu cần, các doanh nghiệp thủy sản... với tình thần kinh tế thủy sản trên địa bàn Hải Phòng là một thế thống nhất. Công việc này cần làm ngay, sau đó Bộ và thành phố sẽ họp cùng xem xét để sắp xếp, bố trí hợp lý các nguồn lực vật chất phù hợp với qui hoạch và định hướng phát triển của thành phố cũng như của ngành.

2. Qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố đến năm 2010 là định hướng rất tốt cho công tác qui hoạch ngành thủy sản trên địa bàn, từ xây dựng, củng cố các làng cá truyền thống đến xây dựng các bến cá, cơ sở hậu cần dịch vụ cho nghề cá nhân dân tại Cát Bà, Cửa Cấm, Bạch

Long Vĩ và trong nội thành Hải Phòng, sử dụng hợp lý các mặt nước cho nuôi trồng thủy sản, nâng cấp các cơ sở chế biến... Do đó cần nghiên cứu, xây dựng các đề án khả thi để có cơ sở đầu tư tập trung và huy động, phối hợp các nguồn lực cho phát triển thủy sản.

Sở Thủy sản cần làm tốt công tác tham mưu để công việc triển khai của ngành ăn khớp với các định hướng trong qui hoạch của thành phố. Viện NC hải sản bám chắc kế hoạch phát triển thủy sản của thành phố để triển khai các hoạt động của Viện phục vụ cho sự phát triển chung của ngành, của thành phố cũng như của Viện.

3. Tiếp tục triển khai tốt chương trình khai thác hải sản xa bờ là nguyện vọng chung của bà con ngư dân, phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước. Qua một năm thực hiện, cần có sự nhìn nhận những mặt làm được và chưa được để phát huy và khắc phục.

Cho vay tín dụng ưu đãi thuộc chương trình này hiện còn bị cản trở, làm thủ tục phiền hà. Vì thế, phải xem xét để có sự thay đổi phù hợp, tạo thuận tiện cho việc triển khai chương trình.

Đóng mới tàu khơi phải chú ý các qui định về phân máy, thiết kế, trang thiết bị an toàn và phải mua bảo hiểm tàu.

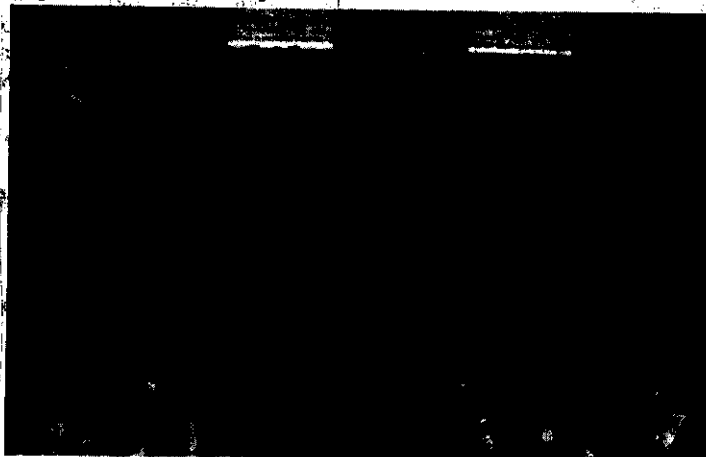
4. Hải Phòng có thế mạnh về nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi trồng phục vụ xuất khẩu. Các khó khăn về giống, công nghệ nuôi thì Viện nghiên cứu hải sản phải có nghiên cứu, xử lý, cần thiết trình Nhà nước cho phép nhập công nghệ về giống, phải chọn được mô hình nuôi thâm canh có hiệu quả cao.

5. Về chế biến xuất khẩu, cần thiết có sự nâng cấp, đổi mới công nghệ, bảo đảm thu hút được nguyên liệu

thủy sản từ đánh bắt, nuôi trồng, phục vụ chương trình khai thác xa bờ và xuất khẩu thủy sản cũng như các chỉ tiêu kế hoạch của thành phố. Vì thế, đề nghị UBND thành phố xem xét và tạo điều kiện để Công ti chế biến thủy sản đông lạnh có vốn để sản xuất và nâng cấp cơ sở sản xuất. Sở Thủy sản phải giúp Công ti xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cấp thiết bị, đổi mới công nghệ.

6. Theo đề nghị của Sở Thủy sản về thuê chuyên gia nước ngoài trong khai thác hải sản, cần rút kinh nghiệm trong việc mua tàu cá trả chậm trước kia, nếu thật sự cần thiết thì có xem xét như cầu thuê chuyên gia để chuyển giao công nghệ đánh bắt trên 04 tàu cá vừa được đóng mới. Nếu được UBND thành phố đồng ý cần có văn bản gửi các cơ quan thẩm quyền để giải quyết. Từ đó các tàu này phải học được công nghệ đánh bắt này để có thể đáp ứng được nhu cầu công nghệ đánh bắt cho các tàu sẽ được đóng mới trong thời gian tới mà không phải thuê chuyên gia nước ngoài nữa.

PV



Bộ trưởng làm việc với Chủ tịch UBND tp. Hải Phòng

KINH TẾ THỦY SẢN MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

◆ PTS. NGÔ ANH TUẤN

Năm 1997 đã đi qua, mặc dù bị thiệt hại nặng trong cơn bão số 5, nhưng ngành thủy sản vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch trên những chỉ tiêu chủ yếu:

Tổng sản lượng thủy sản đạt: 1.570.000 tấn.

Trong đó: - Khai thác hải sản: 1.078.000 tấn.

- Nuôi trồng thủy sản: 492.000 tấn.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu 776 triệu USD.

Thủy sản là một ngành kinh tế kỹ thuật phụ thuộc nhiều vào các yếu tố tự nhiên, việc liên tục hoàn thành kế hoạch 17 năm liền với các chỉ tiêu ngày càng cao là một

hiện tượng kinh tế cần suy nghĩ.

Trở lại với lịch sử những năm cuối thập kỷ 70, thủy sản là một ngành kinh tế yếu kém, sa sút. Trong môi trường bao cấp thời kỳ 1976 - 1980 Nhà nước đã đầu tư cho ngành khá lớn; với tổng số vốn 2 tỉ VNĐ (giá 1982), 235 triệu USD, 29 triệu rúp; trang bị trên 16 vạn CV, mỗi năm cung cấp 6-9 vạn tấn nhiên liệu, 1500 - 1900 tấn lưới sợi... nhưng sản xuất vẫn sa sút kéo dài; tốc độ giảm bình quân về tổng sản lượng là - 7,2% về kim ngạch xuất khẩu là -11,4%. Số liệu cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1976	1980
Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	810.000	558.660
Trong đó: Khai thác biển	Tấn	610.000	398.660
Nuôi trồng thủy sản	Tấn	200.000	160.000
Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	21,3	11,2

Năm 1981 ngành thủy sản đã có những chuyển biến hết sức cơ bản. Từ thực tiễn sản xuất và đặc thù của nghề cá Việt Nam, ngành đã chủ động đề xuất và được Nhà nước chấp thuận cho phép áp dụng cơ chế quản lý mới. Nội dung tổng quát của cơ chế là "Nhà nước giao nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch, nhưng Nhà nước không can thiệp, cho phép ngành thủy sản lấy xuất khẩu để tự lo, tự liệu, tự cân đối, tự trang trải, nhằm duy trì, phát triển sản xuất và làm nghĩa vụ với Nhà nước trung ương, địa phương dưới sự giám sát của Nhà nước và nằm trong quỹ đạo xã hội chủ nghĩa", gọi tắt là "Cơ chế tự cân đối, tự trang trải".

5 năm 1981 - 1985, mặc dù vốn đầu tư của Nhà nước cho ngành giảm chỉ còn 41,5% so với kế hoạch trước, nhưng tổng sản lượng thủy sản năm 1985 đã đạt 808 ngàn tấn, giá trị kim

ngạch xuất khẩu xấp xỉ 100 triệu USD. Trong 5 năm 1981 - 1985 tốc độ tăng bình quân tổng sản lượng thủy sản là 7% năm, giá trị xuất khẩu tăng bình quân 105,2% năm.

Như vậy, "có thể nói rằng đổi mới cơ chế quản lý và chính sách là nguyên nhân chính" đã chặn đứng sự sa sút của nghề cá vào cuối thập niên 70, dẫn đến thành công trong kế hoạch 1981 - 1985 và những năm tiếp theo. Phát huy những thành quả đã đạt được, hoà nhập với công cuộc đổi mới của đất nước, từ 1986 đến nay, nghề cá đã không ngừng phát triển và lớn mạnh, trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn.

Các chỉ tiêu chủ yếu trong 12 năm thực hiện chính sách đổi mới như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1986	1990	1995	1996	1997
Tổng sản lượng TS	Tấn	830.523	978.880	1.344.140	1.373.500	1.570.000
+ Khai thác hải sản	Tấn	597.717	672.180	928.860	962.500	1.078.000
+ Nuôi trồng TS	Tấn	242.806	306.700	415.280	411.000	492.000
Giá trị kim ngạch XK	Tr. USD	102,235	205,000	550,100	670,000	776,000

Trong thời kỳ đổi mới tốc độ tăng trưởng về tổng sản lượng vẫn giữ mức bình quân 4,6 - 5,5% năm, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 21 - 22% năm. Nếu so với năm 1980, tổng sản lượng thủy sản năm 1997 đã tăng gần 3 lần và giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng gần 70 lần. Hiện nay nghề cá Việt Nam đứng thứ 19 về tổng sản lượng, thứ 30 về kim ngạch xuất khẩu và thứ 5 về sản lượng tôm nuôi trong nghề cá thế giới.

Những thành tựu của ngành thủy sản trong 17 năm qua đã được khẳng định. Từ một lĩnh vực kinh tế nhỏ bé, sản xuất thủ công manh mún, lệ thuộc vào tự nhiên, thủy sản đã thực sự trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, hứa hẹn đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu 1-1,1 tỉ USD vào năm 2000. Đây là những thành tựu rất đáng tự hào.

Vậy, những nguyên nhân cơ bản nào dẫn đến những kết quả trên ?

Để trả lời đúng và đầy đủ câu hỏi này, có lẽ cần những cuộc khảo sát, tổng kết thực tiễn, những hội thảo khoa học với sự tham gia của nhiều cán bộ quản lý và các nhà khoa học. Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi mạnh dạn đưa ra những suy nghĩ bước đầu của mình về những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm của thời kì đã qua.

Thứ nhất: Toàn ngành thủy sản đã vận dụng sáng tạo quan điểm, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, táo bạo dám đi đầu trong việc gắn liền sản xuất với thị trường, tạo ra cú đột phá quyết định vào đầu thập niên 80 bằng "Cơ chế tự cân đối, tự trang trải".

Trong tổng kết ngành thủy sản 1976 - 1985 và phương hướng nhiệm vụ 1986 - 1990 đã khẳng định: "Đổi mới cơ chế quản lý và các chính sách là nguyên nhân chính dẫn đến những thành công".

Nhưng vì sao vào thời điểm đó khi môi trường bao cấp đang bao trùm, một ngành nhỏ bé và yếu kém như thủy sản lại cả gan đi thẳng vào kinh tế thị trường, đi thẳng vào "lãnh địa cấm" của lí luận về CNXH kinh điển?

Hôm nay thì mọi việc đã rõ ràng. Nhưng vào thời điểm 1980, 1981 thì quyết định đó thật không dễ dàng. Bấy giờ khi mọi người đã khẳng định đó là cú đột phá ngoạn mục, đã tháo gỡ và đưa ngành vào con đường phát triển, nhưng có ai đó nghĩ lại, vào thời điểm ngặt nghèo, với quyết định đó biết đâu đã là sự "khai tử" của những số phận con người? Bài học về cơ chế khoán trong nông nghiệp chẳng đã phải trả giá như vậy sau ?

Trở lại với lịch sử, suy nghĩ về một thời điểm sinh tử để đánh giá lại một

sự kiện, từ đó thấy rõ bản lĩnh và sự dũng cảm của một thế hệ cán bộ. Như vậy bài học được rút ra cho ngày hôm nay phải chăng là "Bài học về công tác tổ chức cán bộ".

Cơ chế quản lý đã cởi trói cho sự phát triển. Nhưng cơ chế lại là sản phẩm sáng tạo của con người. Đội ngũ cán bộ trẻ, đủ năng lực quyết đoán, dám làm, dám chịu trách nhiệm đã tạo ra sự chuyển đổi mạnh mẽ mang tính bước ngoặt trong lịch sử phát triển ngành.

Thứ hai: Xác định đúng vai trò, vị trí quyết định của nghề cá nhân dân, mạnh dạn đổi mới cơ chế quản lý, giải phóng sự kìm hãm đối với quản hệ sản xuất, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong tất cả

các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến và hậu cần dịch vụ nghề cá.

Vào những năm cuối của thập kỉ 80, cùng với việc sắp xếp lại các doanh nghiệp quốc doanh, việc chuyển đổi sở hữu trong các HTX nghề cá ven biển đã tạo nên sự chuyển mình quan trọng trong toàn ngành thủy sản. Hàng ngàn HTX bao cấp kiểu cũ bị xóa sổ, nhường chỗ cho những hình thức kinh tế hợp tác mới phù hợp với đặc điểm sản xuất nghề cá ra đời. Trong nuôi trồng thủy sản, quyết định táo bạo cho phép các thành phần kinh tế tư nhân tham gia sản xuất giống, nhất là giống tôm sú đã mở bung khả năng cung ứng giống thủy sản cho tất cả các vùng nuôi, bảo đảm cho việc mở rộng và phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung trong cả nước. Chính bằng các quyết sách đúng đắn đó, lực lượng sản xuất nghề cá đã phát triển mạnh cả trong khai thác lẫn trong nuôi trồng thủy sản, tạo nên tiềm năng lớn về cung cấp nguyên liệu cho chế biến thủy sản. Đối với chế biến và tiêu thụ thủy sản, trong nội bộ ngành từng bước đã thừa nhận vai trò chủ vựa và cho phép tư nhân mở các xí nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu tạo nên cục diện mới trong môi trường SXKD nghề cá. Trong 776 triệu USD xuất khẩu năm 1997 của toàn ngành, có nhiều xí nghiệp tư nhân đạt doanh số trên dưới 10 triệu USD và có xí nghiệp tư doanh đã đạt doanh số tới 30 triệu USD.

Có thể nói rằng bài học xác định đúng vai

trò, vị trí quyết định của nghề cá nhân dân và coi trọng sự phát triển của cá các thành phần kinh tế là bài học lớn nhất trong thời kì qua của nghề cá.

Thứ ba: Lấy xuất khẩu làm mũi nhọn, phát triển hệ thống công nghiệp chế biến thủy sản đông lạnh mở đường cho sản phẩm thủy sản hội nhập với thị trường khu vực và thế giới,

không ngừng nâng cao giá trị sản phẩm vì lợi ích của người lao động, của ngành và đất nước.

Khác với người nông dân sản xuất ra lúa với mục đích trước hết là tự túc, tự cấp, người ngư dân đánh cá để bán. Cá sau khai thác phải được bán càng nhanh càng tốt vì chất lượng là độ tươi. Đây là một đặc điểm hết sức cơ bản của nghề cá. Vì thế, khi xóa bỏ cơ chế bao cấp, đưa nghề cá tiếp cận thị trường, thì kinh tế thủy sản đã có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng. Mặt khác thủy sản là thực phẩm giàu đạm mà không tích mỡ, nên sản phẩm thủy sản rất được ưa chuộng và ngày càng có giá trị cao trên thị trường, nhất là ở các nước kinh tế phát triển.



Nhận thức đầy đủ các đặc điểm đó và thấy rõ lợi thế của sản phẩm thủy sản Việt Nam, ngành thủy sản trong 17 năm qua đã đẩy mạnh chiến lược xuất khẩu và xuất khẩu đã thực sự là nguồn cân đối và tái đầu tư lớn nhất, chủ yếu nhất cho sản xuất thủy sản phát triển.

Thứ tư: Xác định đúng chiến lược phát triển dài hạn với định hướng rõ ràng trong từng thời kỳ, đổi mới mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, đưa NTTS trở thành một hướng cân đối chiến lược ngang tầm khai thác biển.

Sau thời kỳ dồn sức khai thác thị trường xuất khẩu (1981-1985) từ 1986 - 1990 toàn ngành đã tập trung đổi mới mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 1980 đạt 160.000 tấn, chiếm 28,6%, đến 1997 đạt 492.000 tấn, tăng hơn 3 lần, chiếm 31,3% trong tổng sản lượng thủy sản. Việc phát triển mạnh nghề nuôi trồng thủy sản trên cả 3 vùng nước, với các hình thức nuôi phong phú đã tạo ra nguồn nguyên liệu với số lượng lớn khá ổn định phục vụ công nghiệp chế biến. Tính chung trên toàn quốc, 80% sản lượng tôm nuôi đã được đưa vào chế biến xuất khẩu. Tuy hiện nay nuôi trồng thủy sản đang đứng trước những thách thức to lớn và chương trình đánh bắt hải sản xa bờ đang tiếp tục định hướng chuyển đổi cơ cấu khai thác từ lộng ra khơi, nhưng cần phải khẳng định rằng trong 12 năm thực hiện chính sách đổi mới quản lý kinh tế, thì việc đổi mới cơ cấu kinh tế bằng việc đưa nuôi trồng thủy sản trở thành hướng cân đối chiến lược ngang tầm khai thác là một trong những quyết sách hết sức đúng đắn, là thành quả giúp cho ngành liên tục hoàn thành kế hoạch 17 năm liền.

Thứ năm: Khoa học công nghệ (KHCN) bước đầu khẳng định vai trò then chốt trong phát triển kinh tế thủy sản, bằng việc nghiên cứu, du nhập những công nghệ mới được áp dụng trong khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản đã nâng cao năng suất, sản lượng, giá trị sản phẩm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh nghề cá.

Thể hiện rõ nét nhất là công nghệ sinh sản nhân tạo tôm sú, công nghệ chế biến hải sản đông lạnh, đặc biệt là chế biến các mặt hàng có giá trị cao IQF, sashimi..., công nghệ câu cá ngư đại dương.... Trong những năm gần đây các công nghệ tin học, điện tử, điều khiển từ xa đã xâm nhập và từng bước nâng cao chất lượng SXKD trong toàn ngành. Sự xuất hiện của máy tính điện tử trong tất cả các cơ quan, công sở, xí nghiệp, trong nhiều hộ gia đình tư nhân sản xuất kinh doanh nghề cá, cùng với sự xuất hiện của những thiết bị điện tử trên những con tàu đánh cá của nhiều hộ gia đình ngư dân là tín hiệu của sự chuyển đổi tất yếu trong thời kỳ mới.

Tuy việc đầu tư cho nghiên cứu phát triển KHCN chưa tương xứng với tốc độ phát triển của kinh tế thủy sản trong 17 năm qua, và trình độ khoa học kỹ thuật trong nghề cá nước ta còn rất khiêm tốn so với các nước trong khu vực và quốc tế, nhưng với những kết quả đã đạt được có thể nói rằng KHCN là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp phát triển ngành

thời kỳ qua. Hôm nay trong những năm cuối cùng của thế kỷ 20, khi nghề cá đứng ở đôi đường, hoặc tiếp tục "hải lưm" để lui tàn, hoặc chuyển hướng tạo nguồn lực phát triển mới mặc những thách thức to lớn của sự cạn dần tài nguyên nguồn lợi thủy sản, sự cạnh tranh gay gắt của qui luật kinh tế thị trường... thì bài học đầu tư cho KHCN càng có ý nghĩa sâu sắc.

Thứ sáu: Công tác chuyển giao trách nhiệm quản lý ngành đã được thực hiện thận trọng, nghiêm túc, có hiệu quả từ trung ương tới địa phương trong tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, sự nghiệp, sản xuất kinh doanh... Đội ngũ cán bộ kế cận đã vững vàng phát huy truyền thống, tiếp tục cùng ngư dân cả nước hoàn thành vượt mức kế hoạch 1997, tạo nên sự tiếp nối thành công trong sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành.

Đứng trước những bộn bề công việc của đất nước, của ngành trong quá trình chuyển đổi, công tác tổ chức cán bộ phải đương đầu với những thách thức lớn, buộc phải giải quyết những mâu thuẫn hết sức phức tạp. Chủ trương giảm mạnh biên chế khối hành chính sự nghiệp và phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh là chủ trương đúng đắn trong tổ chức bộ máy và xây dựng cơ chế quản lý, nhưng lại là một khó khăn lớn trong công tác qui hoạch, đào tạo, tuyển chọn, sử dụng cán bộ. Cơ chế thị trường tác động, phân chia rõ năng lực và phẩm chất cán bộ. Sự điều chuyển cán bộ giữa địa phương với trung ương, giữa các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, sự nghiệp hành chính với quản lý nhà nước đã không thể thực hiện đơn giản bằng mệnh lệnh như thời bao cấp. Sự hụt hẫng cán bộ đã nhìn thấy ở mọi cấp và vẫn tồn tại như một lo ngại lớn trong toàn ngành cho tới hôm nay và còn tiếp tục trong một vài năm tiếp theo.

Trong bối cảnh đó, từ đầu những năm 90, việc qui hoạch, sự lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý đã được thực hiện từng bước thận trọng trong toàn ngành. Trong khối doanh nghiệp, hầu hết các giám đốc công ty, xí nghiệp đã được thay thế bằng đội ngũ mới trẻ, khỏe, năng động. Nhiều xí nghiệp không chỉ giữ vững thành quả mà còn có bước phát triển vượt bậc như: xí nghiệp 12, xí nghiệp 3, xí nghiệp 22, Angfish... Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước ở các tỉnh cũng được chuyển đổi có hiệu quả, thể hiện qua hầu hết các Sở Thủy sản như: Quảng Ninh, Nam Định, Nghệ An, Quảng Bình, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bến Tre, Kiên Giang... Tại cơ quan Bộ, sự chuyển giao quản lý ở cấp cao nhất đã được thực hiện với đầy đủ trách nhiệm, đã tạo dựng những nhân tố mới. Trong các năm 1994 - 1996 đã thay đổi và bổ sung trên 20 cán bộ quản lý cấp vụ, 100% cán bộ lãnh đạo ngành. Đây là sự chuyển đổi rất mạnh mẽ mà vẫn giữ được ổn định mang tính kế thừa là một thành công lớn. Trong bộn bề nan giải của công tác tổ chức, bình tĩnh để suy ngẫm sẽ giúp mỗi cán bộ nhân viên có đầy đủ trách nhiệm với ngành rút ra được nhiều điều bổ ích.

(Xem tiếp trang 9)

Việc cần làm ngay

CHẤM DỨT HIỆN TƯỢNG ĐƯA TẠP CHẤT VÀO NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN

◆ ĐÚC TRUNG

17 năm qua (1981-1997), xuất khẩu thủy sản (XKTS) đóng vai trò đòn bẩy tạo nên động lực mạnh mẽ thúc đẩy ngành thủy sản phát triển, từ 5,19 triệu USD năm 1981 lên 670 triệu USD năm 1997. Trên thị trường quốc tế XKTS Việt Nam xác lập được vị thế có ý nghĩa chiến lược, đứng thứ 30 về giá trị kim ngạch xuất khẩu, đứng thứ 5 về sản lượng tôm nuôi và đứng hàng đầu về tốc độ tăng trưởng xuất khẩu, sản phẩm xuất khẩu đã có uy tín tại một số thị trường quan trọng.

Song từ năm 1994 trong khâu thu mua nguyên liệu và chế biến hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu ở các tỉnh Nam Bộ đã xảy ra hiện tượng, do chạy theo lợi ích cá nhân mà không ít đại lý và người thu mua tôm nguyên liệu đã ghim dính, bơm agar và một số chất khác vào tôm, ngâm mực, tôm cho trương nước... để giam dối sản lượng nên chất lượng nguyên liệu chế biến ở một số địa phương đã đến mức báo động.

Để bảo đảm an toàn chất lượng và vệ sinh thủy sản, tháng 6/1995 Bộ Thủy sản đã ban hành Chỉ thị 13 CT/KHCN, nhiều địa phương cũng có những triển khai cụ thể để chấn chỉnh hiện tượng trên, một số doanh nghiệp đã có những đầu tư thỏa đáng như mua thiết bị rà kim loại trong sản phẩm thủy sản nên các hiện tượng trên, đặc biệt là đưa kim loại trong sản phẩm thủy sản đã giảm rõ rệt.

Tuy nhiên, thời gian gần đây những hiện tượng trên lại có chiều hướng phát triển, một mặt những vụ việc được phát hiện do không được xử lý hoặc xử lý không nghiêm, thêm vào đó một số doanh nghiệp thiếu nguồn hàng vẫn mua những nguyên liệu có tạp chất lạ để chế biến. Tình trạng này gây hư hại chất lượng sản phẩm, làm thiệt hại người tiêu dùng, làm giảm uy tín sản phẩm thủy sản Việt Nam trên thị trường thủy sản thế giới, đang có nguy cơ Việt Nam mất thị trường tôm nguyên liệu trước tình hình cạnh tranh gay gắt với các nước trong khu vực. Và thực tế đã có nhiều cơ quan kiểm tra chất lượng nước nhập khẩu, công ti nước ngoài có quan hệ buôn bán hàng thủy sản với ta phản ứng rất gay gắt về vấn đề này.

Để chấm dứt tình hình trên, ngày 21/8/1998 Bộ Thủy sản lại ban hành tiếp Chỉ thị số 02, ngày 3/2/1998, ra văn bản số 254CV/KHCN hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 02 nhằm nghiêm cấm triệt để mọi tổ chức, cá nhân... sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thủy sản đưa tạp chất lạ như kim loại, agar, que tre, cuống dừa, tinh bột, hóa chất... vào nguyên liệu thủy sản gây thiệt hại về lợi ích kinh tế của đất nước và lợi ích của người tiêu dùng.

Để làm được điều này từ Bộ đến các địa phương, đơn vị cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho ngư dân, chủ đầm nuôi và nhân dân thấy rõ tác hại của tệ này và không tham gia các hoạt động đưa tạp chất vào nguyên liệu thủy sản.

Việc ngăn chặn tệ nạn này không phải chỉ riêng ngành thủy sản, mà cần có sự phối hợp của các ngành hữu quan; các địa phương cần có biện pháp cụ thể, huy động các lực lượng (công an, thương mại, khoa học công nghệ...) trong đó thủy sản làm nòng cốt để tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát không chỉ ở các cơ sở chế biến mà ngay ở các đại lý thu gom nhằm ngăn ngừa và xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm.

Các cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng thủy sản xuất khẩu phải tăng cường các biện pháp nghiêm vụ, trước hết là để phòng ngừa, nếu thấy vi phạm cần lập hồ sơ để xử lý. Cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng thủy sản được giao nhiệm vụ ở địa bàn nào, địa phương nào để lọt lỗ hàng có tạp chất ra thị trường cũng cần được xử lý nghiêm minh.

Để các sản phẩm thủy sản của Việt Nam bảo đảm chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm cho người tiêu dùng, để hàng thủy sản Việt Nam đứng vững trên thị trường thủy sản thế giới chúng tôi cho rằng đây là những việc cần làm ngay.

KINH TẾ THỦY SẢN... (tiếp trang 8)

Trở lại với bài học có tính chất bao trùm nhất trong 10 năm 1976-1985 là: "Tổ chức sản xuất và quản lý nghề cá phải phù hợp với đặc điểm chính nghề cá nước ta, phù hợp với nguồn lợi và điều kiện tự nhiên của đất nước". Đến hôm nay sau sự tàn phá khốc liệt của cơn bão số 5, nghề cá vẫn đứng vững, vẫn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, chúng ta càng thấm thía sâu sắc hơn những tổng kết, những kinh nghiệm của những người đi trước và xin được viết tiếp vào bài học của 10 năm một câu của thời kỳ 1986-1997: "Trong nghề cá, sản xuất phải gắn với thị trường, để phát triển phải hội nhập khu vực và quốc tế".

Những thách thức và những vấn đề đang đặt ra cho nghề cá còn rất lớn nhưng nhìn nhận đúng những thành công, phân tích sâu sắc các nguyên nhân và tìm ra những bài học kinh nghiệm tốt sẽ là hành trang quý giúp chúng ta đi tiếp chặng đường tới.

(1) Báo cáo tổng kết kinh tế ngành thủy sản 1976 - 1985 phương hướng nhiệm vụ 1986 - 1990

(2) Bài tiếp kì sau: Những vấn đề đang đặt ra và các giải pháp CNH, HĐH nghề cá trong thời kì tới.

Ngân hàng nhà nước Bình Thuận đã góp phần hỗ trợ đáng kể đưa thủy sản của tỉnh này trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, sản lượng khai thác năm 1997 đạt 110.000 tấn, chiếm 10,35% tổng sản lượng hải sản cả nước. Cụ thể là dư nợ cho vay đối với ngành thủy sản (các mặt khai thác, chế biến, nuôi trồng, dịch vụ...) ngày càng được mở rộng, từ năm 1992 đến nay bình quân năm sau cao hơn năm trước 30,2%. Riêng năm 1997, tổng dư nợ của nghề cá đạt giá trị 32,5 tỉ đồng, chiếm trên 6% tổng dư nợ của các ngành trong toàn tỉnh.

Sự đa dạng hoá các tổ chức tín dụng và mở rộng cho vay vốn của các chi nhánh ngân hàng đã tác động tích cực đến phát triển của ngành thủy sản góp phần tăng năng lực khai thác, chế biến, nuôi trồng, giải quyết công ăn việc làm cho ngư dân, hạn chế nạn cho vay nặng lãi của nậu, vựa.

Tuy nhiên, 2 năm gần đây, tình trạng nợ quá hạn ở ngành thủy sản có chiều hướng gia tăng. Nếu như năm 1993, đầu tư nghề cá đã chiếm tỉ trọng 13,5% tổng dư nợ và tỉ lệ nợ quá hạn chỉ là 15,9% thì tháng 10/1997 dư nợ chỉ chiếm 6,1% và tỉ lệ nợ quá hạn lên đến 35,5%. Những nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là:

1. Chủ trương chính sách phát triển kinh tế biển chậm đổi mới, thiếu sự định hướng lâu dài, vì vậy, phát triển nghề cá mang nặng tính tự phát, cơ cấu tàu thuyền và nghề nghiệp bất hợp lý (chủ yếu khai

Đầu tư tín dụng như thế nào đối với ngư dân BÌNH THUẬN

thác ven bờ, chế biến hàng nội địa như nước mắm, phơi khô...). Sản lượng khai thác hàng năm tăng nhưng năng suất bình quân giảm nghiêm trọng (12 năm giảm 50%), kim ngạch xuất khẩu thấp, kém hiệu quả kinh tế, nguồn lợi cạn kiệt. Được mùa cá như năm 1996, 1997 mà đời sống ngư dân vẫn gặp nhiều khó khăn.

2. Hoạt động khai thác hải sản chủ yếu dựa vào kinh nghiệm truyền thống, thiếu trang thiết bị hiện đại dẫn tới hiệu quả kinh tế không cao.

3. Vốn tự có của các doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư khai thác thủy sản thấp, nhiều hộ chưa đáp ứng được mức tối thiểu trong quan hệ tín dụng; hoặc trong quá trình hoạt động, nhiều hộ phải vay từ đầu

nấu dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ ngân hàng. Còn chương trình Nhà nước cho vay vốn đóng tàu vươn khơi thì ngư dân không "mặn mà" lắm. Phú Quý - huyện nghề cá phát triển nhất tỉnh, không có ai vay vì không đủ tỉ lệ vốn tự có 30%; ở Phan Thiết có người vay rồi lại đem trả ngay, vì theo họ lãi suất 0,81%/tháng là vẫn cao...!

4. Khâu cung ứng dịch vụ kỹ thuật, bảo hiểm còn bất cập, thị trường tiêu thụ hàng hải sản chưa ổn định, chưa kích thích ngành thủy sản phát triển.

5. SXKD thủy sản còn quá phụ thuộc vào yếu tố khách quan, nhất là thời tiết dẫn tới việc tính toán hiệu quả kinh tế của ngân hàng trước khi cho vay bị hạn chế. Việc áp dụng các biện pháp bảo đảm (cầm cố, thế chấp) trong vốn vay gặp nhiều trở ngại do nhiều hộ có nhu cầu vay nhưng lại không có tài sản thế chấp hoặc tỉ lệ vốn tự có tham gia tín dụng quá thấp.

Tình hình trên cho thấy tiềm năng thủy sản Bình Thuận còn rất lớn, nhu cầu vốn đầu tư cao, song môi trường đầu tư tín dụng còn

rất lớn, nhu cầu vốn đầu tư cao, song môi trường đầu tư tín dụng còn nhiều vướng mắc. Vấn đề đặt ra là Nhà nước cần có chính sách đầu tư tín dụng như thế nào cho phù hợp với đặc thù kinh tế thủy sản?

1. Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt chính sách tín dụng, ưu đãi phát triển kinh tế biển, cần đẩy mạnh huy động vốn và mở rộng đầu tư, trong đó nâng dần tỉ trọng đầu tư trung, dài hạn cho phù hợp với yêu cầu đổi mới trang thiết bị và hạ thấp tỉ lệ vốn tự có tham gia trong mỗi dự án (30-50% như hiện hành là quá cao).

2. Tuyên truyền vận động, hướng dẫn các hộ ngư dân tự nguyện cùng nhau nuôi trồng, đánh bắt, chế biến dịch vụ, đóng tàu... theo mô hình tổ hợp tác

hoặc hợp tác xã (kiểu mới). Bằng cách này, việc quản lý đồng vốn cũng như xem xét quyết định cho vay vốn sẽ thuận lợi hơn.

3. Tăng cường và phát huy vai trò của tổ chức khuyến ngư trong việc chuyển tải chủ trương chính sách Nhà nước, phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm nghề nghiệp cũng như trong việc hướng dẫn lập dự án vay vốn cho ngư dân được chính xác, bảo đảm phát huy hiệu quả vốn vay.

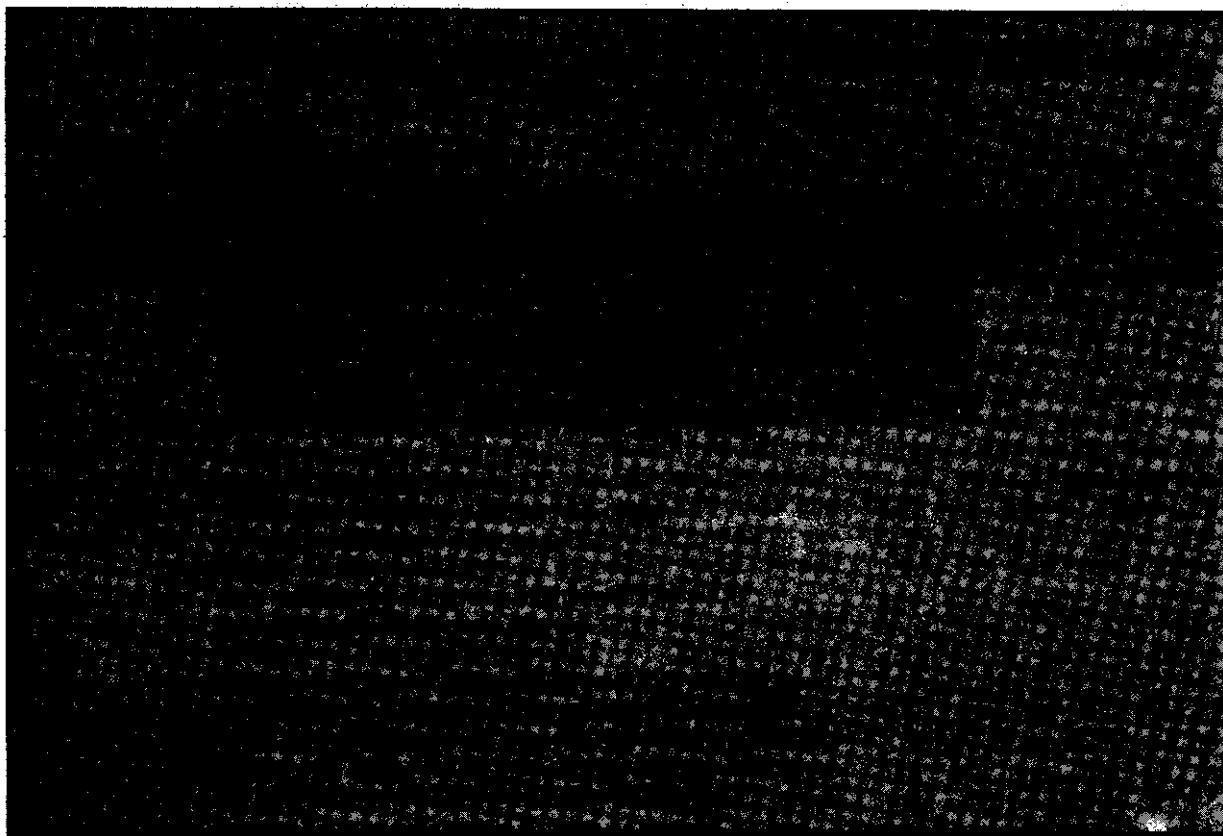
4. Đẩy mạnh hoạt động bảo hiểm nhằm phân tán và dễ khắc phục hậu quả khi xảy ra rủi ro. Cần có chính sách bắt buộc ngư dân mua bảo hiểm và cần có mức phí bảo hiểm phù hợp với mức thu nhập của ngư dân hiện nay.

5. Cần có sự hỗ trợ mạnh hơn trong việc xử lý thu hồi nợ quá hạn cho các ngân hàng trước trong trường hợp phát mai tài sản của các đối tượng cầm cố thế chấp. Tránh sự vận dụng hiện nay là ưu tiên cho cơ quan thuế.

6. Cần có chính sách khoan nợ và miễn giảm thuế kịp thời do nguyên nhân khách quan gây ra (bão lụt, mất mùa...); bỏ việc đưa phí giao thông vào giá đầu đối với nghề cá.

7. Thông qua việc đa dạng hóa các thành phần kinh tế (kể cả ngoài tỉnh đang như bị cấm đoán) mà mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo thuận lợi cho ngư dân tiêu thụ sản phẩm. Cần đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước đối với các đầu nậu, giúp họ hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, trong đó có hoạt động cho vay vốn ■

TRẦN TRỌNG THƯƠNG



Cá rô phi là tên gọi chung cho gần 80 loài cá thuộc 3 giống *Tilapia*, *Sarotherodon* và *Oreochromis* có nguồn gốc châu Phi (Trewavas 1983), nay phân bố rộng rãi trên thế giới do kết quả của di giống và thuần hóa. *Oreochromis niloticus* và *O. aureus* là hai loài được nuôi phổ biến nhất hiện nay (Pullin 1988, Macintosh và Little 1995). Tổng sản lượng cá rô phi toàn thế giới ước tính trên 500.000 tấn (Poma và Lovshin 1996), trong đó 75% sản lượng là do các nước châu Á sản xuất. Indonêxia, Ixraen, Đài Loan, Philippin, Thái Lan và Trung Quốc là các nước đứng hàng đầu về sản lượng cá rô phi nuôi. Trong mấy năm gần đây sản lượng cá rô phi nuôi tăng nhanh ở các nước Nam Mỹ (Chilê, Braxin, Côlômbia) và Hoa Kỳ.

Cần trở phát triển nuôi cá rô phi do chính đặc tính thành thực sớm, đẻ nhiều lần và đẻ tự nhiên trong môi trường nuôi, dẫn đến không kiểm soát được mật độ nuôi, cá chậm lớn, kích thước không đều khi thu hoạch. Do ảnh hưởng của quá trình sinh sản và nuôi con nên cá rô phi cái từ khi thành thực thường chậm lớn so với cá đực. Việc tìm các công nghệ tạo đàn cá rô phi toàn đực để chủ động kiểm soát quần đàn và lợi dụng ưu thế sinh trưởng đã từ lâu giành được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu và nuôi cá (Little 1989, Pandian và Vara-daraj 1990, Mair *et al.* 1993).

Có nhiều phương pháp khác nhau để tạo quần đàn cá đơn tính đực (Mair và Little 1991). Đó là: tách nuôi riêng cá đực, loại bỏ cá cái; lai giữa hai loài thuộc giống *Oreochromis*; tạo cá đơn tính đực kiểu hình bằng xử lý học môn, và sử dụng kỹ thuật di truyền tạo con siêu đực (YY).

Sản xuất cá đơn tính bằng học môn - Lợi thế và hạn chế

Trong vòng 5 năm gần đây, sử dụng học môn để tạo quần đàn đơn tính đực kiểu hình được áp dụng ở qui mô sản xuất tại nhiều nước

đang phát triển như Philippin, Thái Lan, Braxin, Chilê, Côlômbia và Việt Nam. Phương pháp học môn có lợi thế là công nghệ có sẵn, yêu cầu công nghệ không cao, đưa lại kết quả nhanh.

Tuy nhiên sản xuất giống cá đơn tính bằng phương pháp học môn có những hạn chế:

- Cá đơn tính thường đắt (do chi phí học môn, côn, thức ăn

sản xuất cá đơn tính là vấn đề mà nhiều nhà môi trường và nuôi cá lo ngại.

Ai là người nên nuôi cá rô phi đơn tính

Chính do những hạn chế kể trên, nên cá rô phi đơn tính sản xuất bằng xử lý học môn hiện tại chỉ chiếm một thị trường khiêm tốn ở nhiều nước. Ước tính cá rô phi đơn tính hiện chiếm khoảng 3% trong tổng số giống cá rô phi tiêu thụ ở Thái Lan (Warren và Little pers.comm. 1997). Vậy ai là người nên chọn nuôi cá đơn tính? Đó là:

- Cá khi thu hoạch cần có kích thước lớn ($>150\text{g/con}$) và đồng đều về cỡ. Thực tế cho thấy giai đoạn trước khi sinh sản không có sự sai khác về tốc độ sinh trưởng giữa cá thường và cá đơn tính thuộc cùng một phẩm giống khi nuôi trong cùng điều kiện. Tác động của học môn đến sinh trưởng của cá chuyển giới tính là không rõ ràng, nhiều nghiên cứu cho thấy những học môn dùng khi chuyển giới tính cá không có tác dụng rõ rệt trong việc gia tăng tốc độ sinh trưởng của cá đơn tính. Bởi vậy dùng cá đơn tính chủ yếu nhằm không chế ảnh hưởng xấu của hoạt động sinh sản đến sinh trưởng.

- Người nuôi cá rô phi trong hệ thống ao, đầm có nuôi tôm ở vụ kế theo. Nuôi cá đơn tính trong hệ thống này làm sạch môi trường, khi thu hoạch nếu còn sót những cá rô phi đơn tính, nhưng do không có khả năng sinh sản (vì chỉ có một giới trong ao, đầm) sẽ hạn chế rất nhiều tác hại xấu (là vật dể làm hao hụt tôm giống) so với các cá thường có khả năng tự tái tạo quần đàn.

- Ở các tỉnh phía Bắc có mùa đông xuân lạnh, người nuôi cá muốn có cá thả sớm vào ao nuôi thường dùng cá giống của năm trước, cá qua đông tuy nhỏ, nhưng thường đã 4-6 tháng tuổi, nếu dùng cá rô phi thường (có cá cá đực và cái) thì chỉ 2-3 tháng nuôi trong ao khi cá còn nhỏ chưa đạt cá cỡ thương phẩm thì đã sinh sản. Do vậy cá đơn tính qua đông hoặc mùa cá

Cá rô phi đơn tính HIỆN TRẠNG & HƯỚNG PHÁT TRIỂN

chất lượng cao và nhân lực khi thực thi công nghệ), ở Thái Lan cá giống đắt gấp 4-5 lần cá thường (gồm cả cá đực và cái) cùng qui cỡ. Ở nước ta từng nơi từng lúc giá bán cá giống rô phi đơn tính đắt gấp 5-10 lần so với giống cá rô phi thường.

- Mặc dù học môn dùng khi chuyển giới tính cá được đào thải toàn bộ ra ngoài cơ thể cá sau 10 ngày kể từ lần cuối cùng cho cá ăn thức ăn có trộn học môn (Curtis *et al.* 1991), nhưng người ta vẫn lo ngại ảnh hưởng có hại của học môn với người tiêu dùng, đặc biệt ở các nước phát triển nơi nhập khẩu nhiều cá rô phi.

- Cá rô phi có sức sinh sản thấp (đẻ chỉ vài trăm đến vài nghìn trứng/cá cái/lần đẻ). Để xử lý học môn có hiệu quả cần cá bột khi đưa vào xử lý phải tương đối đồng đều về cỡ và tuổi (thường là cá ở giai đoạn bắt đầu ăn thức ăn bên ngoài). Do vậy để sản xuất số lượng lớn cá rô phi đơn tính trong thời gian tập trung là khó khăn về phương diện qui mô trại giống.

- Qui trình sản xuất vất vả với người lao động và bị hàng rào tâm lý về hiệu suất sản xuất, nhất là với những người đã và đang sản xuất giống nhân tạo cá mè, trôi, trắm (những loài cá có sức sinh sản cao).

- Sản xuất số lượng lớn giống cá đơn tính và tập trung, ngày càng ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật do học môn sử dụng được thải ra từ vùng

giống từ phía Nam sẽ giúp người nuôi cá khắc phục khó khăn này.

Rô phi đơn tính

Hiện trạng và hướng phát triển

Trong 3 năm gần đây việc nhập các giống rô phi có phẩm chất tốt như cá *O. niloticus* dòng Thái Lan, cá GIFT đã có đóng góp nhất định vào phát triển nuôi thủy sản ở nước ta. Vị trí của rô phi bị lãng quên sau một thời gian dài ở các tỉnh phía Bắc đã lấy lại được sự chú ý của các người nuôi và tiêu dùng cá. Tuy nhiên việc phát triển nuôi rô phi trong thời gian qua có một vài điểm cần lưu ý như sau:

- Cá rô phi đã được nhập và nuôi ban đầu lại là rô phi đen *O. mosambicus*, là loài mắn đẻ, chịu mặn tốt, nhưng sinh trưởng chậm so với cá rô phi vàng *O. niloticus*. Vào những năm 70 cá rô phi vẫn được nhập và nuôi rộng rãi ở nước ta. Nhưng công tác bảo quản giống thuần không được chú ý đúng mức, con lai giữa hai loài là phổ biến, làm suy giảm chất lượng con giống nuôi, cá chậm lớn, kích thước nhỏ, để lại ấn tượng xấu về cá rô phi.

- Việc phát triển nuôi cá rô phi đơn tính thiếu hướng dẫn định hướng, cố định một chiều, coi cá đơn tính như kiểu là đối tượng nuôi mọi nhà, mọi hệ thống nuôi là việc làm dẫn đến lãng phí của cải của xã hội, một bộ phận nhỏ kiếm lời thuần

túy qua buôn bán cá giống. Những vấn đề trên đã làm mất đi mặt tích cực của cá đơn tính chỉ thể hiện khi nó được nuôi hợp lý.

Ở các nước như Thái Lan, Braxin nhu cầu về cá rô phi đơn tính tăng theo sự mở rộng thị trường cá thương phẩm cỡ lớn do mức sống của người dân tăng, muốn ăn cá có kích cỡ to hơn; mở rộng được thị trường xuất khẩu cá rô phi và sự gia tăng diện tích nuôi tôm bị dịch bệnh do ô nhiễm môi trường và hệ thống nuôi bị suy thoái sau một thời kì nuôi tăng sản quá mức không bảo đảm canh tác bền vững.

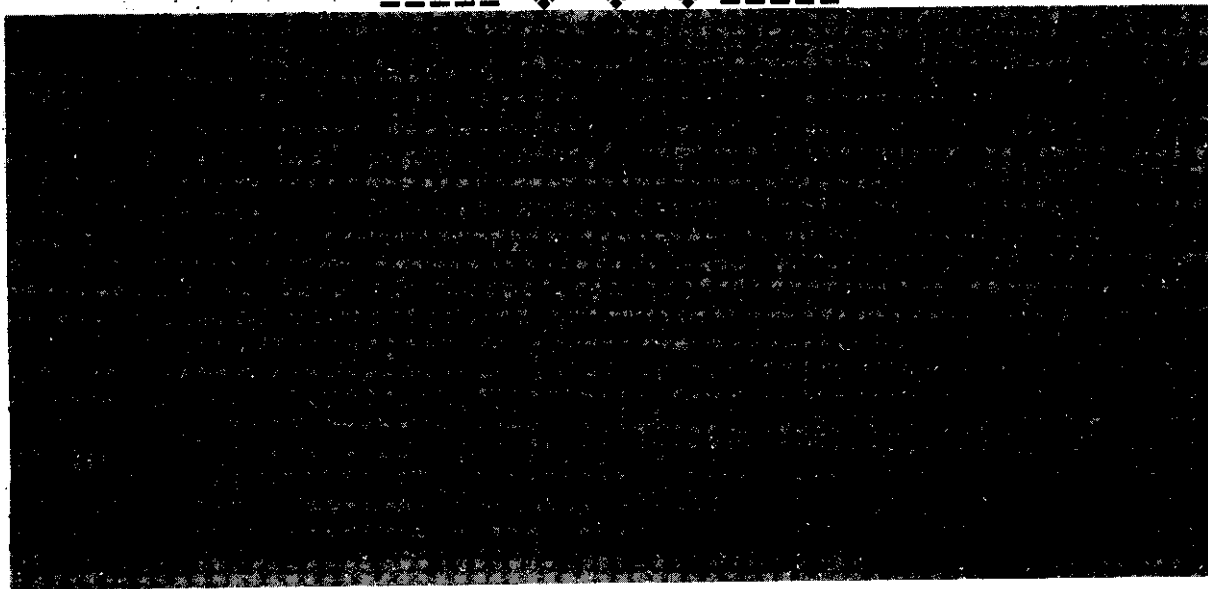
Ở nước ta phần lớn các nơi (nhất là các tỉnh phía Bắc) còn đang nuôi cá rô phi có phẩm giống xấu (*O. mosambicus* và con lai), đặc điểm nuôi cá hiện tại phổ biến là nuôi cá ở dạng quảng canh, chu kì nuôi ngắn, một bộ phận lớn nhân dân nuôi cá trong các gia đình như một nguồn tự giải quyết thực phẩm, do vậy không lợi dụng được ưu thế cá đơn tính, mặt khác thị trường yêu cầu cá rô phi cỡ to còn hạn hẹp (nhắm vào các thành phố lớn và xuất khẩu), trong khung cảnh như vậy việc giải quyết đủ giống cá rô phi thường có chất lượng phẩm giống tốt, giá cả cá giống phải chăng (chắc chắn hẳn là vậy!) sẽ mang lại hiệu quả to lớn và rộng khắp hơn. Thực tế cho thấy việc có đủ cá rô phi có chất lượng phẩm giống tốt là một đòi hỏi hiện tại của

nhiều người nuôi cá. Để đáp ứng nhu cầu này đòi hỏi các cơ quan nghiên cứu và quản lý nghề cá làm tốt công tác đánh giá dòng thuần và xây dựng được mạng lưới giữ và cấp giống có phẩm chất cao có hiệu quả.

Cũng giống như các nước khác, nhu cầu con giống rô phi đơn tính ở nước ta chắc sẽ tăng dần theo sự mở rộng thị trường cá thịt cỡ lớn, để khắc phục những hạn chế của việc sản xuất và sử dụng cá chuyển giới tính bằng xử lý hóa môn, chúng ta nên nỗ lực nghiên cứu tạo các quần đàn rô phi đơn tính bằng phương pháp tạo cá siêu dục (YY) và lai xa. Cá hướng nghiên cứu này đã mang lại ý nghĩa khoa học và kinh tế to lớn ở Philippin (Mair et al. 1997), Đài Loan và Israen (Liao và Chen 1983). Cá đơn tính được sản xuất nhờ áp dụng kỹ thuật di truyền điều khiển giới tính sẽ xóa đi mối lo ngại về ảnh hưởng của hóa môn với người tiêu dùng và môi trường sinh thái. Hơn nữa khi tạo thành công cá siêu dục thì việc đưa vào áp dụng ở cá trại giống sẽ đơn giản hơn và giá thành con giống đơn tính sẽ rẻ hơn so với cá chuyển giới tính bằng hóa môn. Sử dụng cá siêu dục và lai xa còn có khả năng mang lại hi vọng sản xuất được cá rô phi đơn tính sớm trong điều kiện có mùa đông lạnh ở nước ta. ■

TS. PHẠM ANH TUẤN

===== ◆ ◆ ◆ =====



TÔM HÙM LÀ BÁU VẬT CỦA ĐẠI DƯƠNG

Trên thế giới có nhiều loài tôm quý, nhưng chỉ ít loài được mang danh là tôm hùm, những loài này có kích thước và khối lượng lớn, vẻ ngoài đẹp và đáng oai phong, có giá trị dinh dưỡng và thương mại cao. Thực ra chúng thuộc hai họ khác nhau là họ tôm hùm (Nephropidae) và họ tôm rồng (Palinuridae). Trong dân gian tên gọi "tôm hùm" và "tôm rồng" chưa phân biệt. Trong khai thác và thương mại người ta chỉ gọi chúng là "tôm hùm".

NĂM HỒ NÓI CHUYÊN TÔM HÙM

Tôm hùm là báu vật của đại dương, là một trong số các hải sản quý hiếm của hành tinh. Chúng rất quý vì thịt ngọt, thơm, bổ là món ăn cao cấp, luôn có giá bán rất cao. Chúng lại rất hiếm vì nguồn lợi rất ít, sống phân tán, sinh sản ít, lớn chậm, sản lượng khai thác có hạn trong khi nhu cầu ngày một cao.

Theo công bố của FAO hiện tại tôm hùm có 23 loài có giá trị kinh tế và giá trị khai thác, trong đó tôm hùm (Homaridae) có 6 loài; tôm rồng có 17 loài.

Các loài thuộc họ tôm hùm thường có kích thước và khối lượng lớn, thân dài đến 60cm, nặng đến 15kg, tuổi thọ cao, có loài (như tôm hùm Mĩ) sống tới 50-100 tuổi. Chúng sống ở đáy, nơi đáy là bùn cát, có hang hốc, đào hang để ở, ưa sống ở vùng nước sạch, giàu oxy. Mùa tôm đẻ trứng, từ xuân tới hè, tôm ôm trứng ở bụng cho tới khi nở. Tôm hùm có loài sống ở gần bờ, có loài sống ở biển sâu tới 150-300 mét. Ban ngày chúng nấp trong hang, hoạt động về đêm. Thức ăn là sinh vật đáy, mùn bã hữu cơ.

Họ tôm rồng có kích thước lớn nhất trong các loài tôm, thân có con dài đến 75cm, nặng tới 19kg, tuổi thọ tới 15 năm. Thức ăn của chúng là sinh vật đáy, mùn bã hữu cơ, xác động vật chết. Tôm rồng

sống chủ yếu ở các khe hốc đá ngầm, các hốc san hô, ngày ẩn vào chỗ kín, hoạt động về đêm. Sinh sản hữu tính. Tôm cái đẻ trứng, ôm trứng đã thụ tinh ở các chân bơi cho tới khi trứng nở thành ấu trùng. Lượng trứng mỗi con cái từ 0,5-1 triệu. Quá trình ấp trứng kéo dài khoảng 1 tháng. Sau khi nở ấu trùng trải qua nhiều giai đoạn biến thái phức tạp mới thành tôm rồng con; tôm con lột vỏ nhiều lần để lớn lên. Tôm rồng giao phối quanh năm, nhưng chủ yếu vào các tháng 2-3 và 7-8. Tôm rồng thành thực sinh dục vào tuổi thứ ba.

Hầu hết sản lượng tôm hùm trên thế giới hiện nay là do khai thác tự nhiên và chỉ ở mức trên dưới 200 nghìn tấn/năm và ngày càng giảm đi mặc dù cường độ đánh bắt vẫn tăng, khu vực đánh bắt được mở rộng. Sản lượng họ tôm hùm chiếm 60%, còn lại là họ tôm rồng.

Tôm hùm được khai thác ở nhiều nơi, nhưng chỉ có ba khu vực cho sản lượng lớn là: biển đông bắc Mĩ (Canada, Mĩ), biển Caribe và vùng biển Tây Âu. Ở Thái Bình Dương chỉ có biển tây Ostraylia có nhiều tôm rồng, còn ở vùng Đông Nam Á tuy số loài phong phú nhưng sản lượng ít và phân tán.

Những loài tôm cho sản lượng nhiều nhất là:

Tên loài	Sản lượng năm 1995, tấn
Tôm hùm Mĩ (<i>Homarus americanus</i>)	76.000
Tôm hùm Na Uy (<i>Nephrops norvegicus</i>)	59.000
Tôm rồng gai Caribe (<i>Palunirus argus</i>)	38.000
Tôm rồng gai Ostraylia (<i>Palunirus eyrnis</i>)	12.000

Bốn loài tôm hùm nói trên đã chiếm 90% sản lượng.

Có khoảng 10 nước có sản lượng tôm hùm từ 5.000 tấn/năm trở lên. Các nước dẫn đầu là:

Canada: Quốc gia khai thác và xuất khẩu tôm hùm đứng số 1 thế giới. Năm 1990 đạt sản lượng kỉ lục 48 nghìn tấn, đến 1996 chỉ còn 40 nghìn tấn và chỉ khai thác một loài là tôm hùm Mĩ (*H.americanus*) và bằng một loại ngư cụ là lưới đáy.

Mĩ: Đứng thứ hai thế giới với sản lượng kỉ lục là 32 nghìn tấn năm 1996. Các nhà khoa học cho biết nguồn lợi tôm hùm của Mĩ bị cạn kiệt do sản lượng khai thác đã quá giới hạn cho phép. Công cụ khai thác chủ yếu là lưới đáy.

Anh : Là quốc gia khai thác nhiều tôm hùm nhất châu Âu. Sản lượng hàng năm chỉ được EU cho phép là 20-22 nghìn tấn. Từ 1997 chỉ tiêu này phải giảm cho tới 30% vào năm 1999 và 35% vào năm 2002.

Ôxtraylia: Biển miền tây của Ôxtraylia giàu có về tôm rồng gai vào bậc nhất thế giới. Sản lượng cao nhất là 15 nghìn tấn (1990), đến nay để bảo vệ nguồn lợi, sản lượng chỉ còn 10 nghìn tấn. Đây là loài tôm hùm có giá trị rất cao, là mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Cu Ba: Quốc gia đứng đầu về khai thác tôm hùm ở vùng biển Caribe. Sản lượng cao nhất là 13 nghìn tấn (1987), đến nay chỉ còn 10 nghìn tấn. Chỉ khai thác một loài là tôm hùm gai (*P. argus*).

Ngoài ra các nước Pháp, Braxin, Bahamát... cũng có sản lượng hàng năm từ 6 - 10 nghìn tấn.

Các nước ASEAN sản lượng tôm hùm không nhiều. Cụ thể như sau (1995- tấn): Indônêxia - 2600; Philipin - 1238; Thái Lan - 1200; Malaixia - 400; Singapo - 135.

Đến nay chúng ta cũng chưa có số liệu tin cậy về sản lượng tôm hùm của Việt Nam. Chỉ biết rằng năm 1995 chúng ta đã xuất khẩu sang Nhật 43 tấn tôm hùm.

TÔM HÙM LÀ MẶT HÀNG QUAN TRỌNG

Trên thị trường thủy sản thế giới tôm hùm có các mặt hàng chính: tôm hùm sống, ướp đá, luộc chín ướp đông, bỏ đầu ướp đông, thịt tôm ướp đông...

Giá trị ngoại thương các mặt hàng tôm hùm của thế giới lên tới 2,5 tỉ USD năm 1995. Thời kì 1986 - 1995 giá trị ngoại thương tôm hùm tươi sống tăng lên 4 lần, trong khi tôm đông chỉ tăng 1,3 lần. Xu hướng thị trường hiện nay nghiêng hẳn về mặt hàng tôm hùm sống.

Các nước xuất khẩu tôm hùm chủ yếu là:

Canada: Đứng đầu thế giới về xuất khẩu tôm hùm với khối lượng 31.200 tấn, trị giá 404 triệu USD năm 1996, 65% là tôm sống. Thị trường chính là Mĩ (70%), EU và Nhật Bản.

Ôxtraylia: Đứng vị trí thứ hai với mức 9750 tấn, trị giá 218 triệu USD năm 1996 với 30% là tôm sống. Ba thị trường tiêu thụ chính là: Đài Loan (50%), Nhật Bản (35%) và Hồng Kông (10%).

Cu Ba: Tôm hùm Cu Ba chủ yếu để

xuất khẩu. Năm 1991 đã đạt 120 triệu USD, đến 1995 chỉ còn 72 triệu USD.

Các thị trường nhập khẩu chủ yếu về tôm hùm hiện nay là:

Mĩ: Mĩ là thị trường tôm hùm lớn nhất thế giới. Mĩ xuất khẩu lớn và nhập khẩu rất lớn các sản phẩm tôm hùm. Năm 1996 xuất 195 triệu USD, nhập 446 triệu USD. 6 tháng đầu năm 1997 nhập 16.000 tấn.

EU: Thị trường tiêu thụ tôm hùm lớn thứ hai với mức nhập 9750 tấn, trị giá 218 triệu USD năm 1996. Mặt hàng tôm sống nhập khẩu chiếm 30%. Nhu cầu đặc biệt cao vào dịp lễ Noel.

Nhật Bản: Thị trường nhập khẩu tôm hùm của Nhật đang suy yếu dần từ mức 17.800 tấn năm 1995 xuống 15.100 tấn năm 1996. 6 tháng đầu năm 1997 nhập 7900 tấn so với 8200 tấn cùng kì năm 1996.

Các thị trường mới: Do thu nhập của người dân tăng nhanh Trung Quốc, Đài Loan trở thành thị trường tiêu thụ tôm hùm quan trọng của châu á. Ở các thành phố lớn của Trung Quốc xuất hiện nhiều cửa hàng bán tôm hùm sống, tôm sú, cá hồi - là những mặt hàng cao cấp. Năm 1996 Đài Loan nhập tới 5600 tấn tôm hùm của Ôxtraylia.

TÔM HÙM CẦN ĐƯỢC BẢO VỆ

Là hải sản rất quý hiếm nên tôm hùm bị săn lùng ráo riết ở khắp nơi. Các nhà khoa học báo động rằng việc khai thác chúng đã quá giới hạn cho phép. Nhiều nước đã ghi chúng vào "Sách đỏ" và đã có luật pháp riêng để bảo vệ. Tuy vậy nguồn lợi tôm hùm vẫn tiếp tục suy giảm trên phạm vi toàn cầu.

Nhìn chung việc bảo vệ nguồn lợi tôm hùm luôn được đặt lên hàng đầu ở nhiều quốc gia. Các luật lệ và các qui định ngày càng chặt chẽ, các biện pháp ngày càng siết chặt và có hiệu quả. Có thể nêu một số biện pháp như:

(xem tiếp trang 18)



Nghề nuôi cá cảnh thế giới có từ lâu đời, ở Trung Quốc nghề này có từ trước công nguyên, khởi thủy là nuôi cá cảnh nước ngọt sau phát triển nuôi cá cảnh biển. Nuôi cá cảnh ngoài thú vui, một số loài cá còn có ích lợi về y tế (diệt muỗi sốt xuất huyết), dự báo thời tiết, một số loài khác có ích về mặt kinh tế như diệt sâu bọ phá hoại mùa màng, hoặc vừa là cá cảnh vừa là thực phẩm, với ý nghĩa trên, nuôi cá cảnh là một nghề kinh doanh hấp dẫn mang lại nhiều lợi nhuận. Sự du nhập cá cảnh từ nước này sang nước khác, từ châu lục này sang châu lục khác, đặc biệt với những thành tựu khoa học trong lai tạo đã tạo ra nhiều loài cá cảnh có màu sắc, hình dạng phong phú ngày một thoả mãn nhu cầu đa dạng của người nuôi.

Với sự phát triển nghề nuôi cá cảnh, trên thế giới đã hình thành tổ chức đó là Liên đoàn cá cảnh thế giới, tổ chức này có trụ sở tại CHLB Đức, có các chi nhánh ở Nam Mỹ, Bắc Mỹ, châu Úc... Ngoài ra còn có tổ chức Liên đoàn Máy Chiều (DGP) - tên một loài cá nổi tiếng với vây đuôi dài xoè rộng trên dưới 60 độ, nhiều màu sắc như đuôi công. Một số nước có nghề nuôi cá cảnh phát triển có các câu lạc bộ chơi cá cảnh, hội chơi cá cảnh và có cơ quan thông tin riêng và như Tạp chí "Nuôi cá - câu cá" ở Liên Xô (cũ), "Những người thích chơi các loài cá nhiệt đới" ở Mỹ, "Bể kính" ở Anh....

Trong những năm cuối thế kỷ này, nhờ những tiến bộ khoa học công nghệ, ở Anh, Mỹ, Nhật Bản bên cạnh việc tạo con giống trên cơ sở lai tạo, chọn giống còn tạo ra những loài cá cảnh, đặc biệt người ta còn làm ra các loài cá cảnh điện tử với hàng trăm giống loài khác nhau y như thật. Người xem ngạc nhiên khi thấy chúng vừa là cá nước ngọt, lẫn cá nước biển bơi lội tung tăng với nhau trong một

môi trường. Chắc chắn tiến bộ kỹ thuật này sớm muộn sẽ du nhập vào Việt Nam.

Ở Việt Nam nuôi cá cảnh cũng có bề dày lịch sử, những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế, nghề nuôi cá cảnh và kinh doanh cá cảnh có khởi sắc. Là một trong 5 nước Đông Nam Á có nghề nuôi và xuất khẩu cá cảnh phát triển, giá trị thương

Ngày xuân nói chuyện CÁ CẢNH

mai đạt 70-80 triệu USD/năm. Tuy nhiên, so với các nước Anh, Pháp, Đức, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Hà Lan, Bỉ... trên mọi phương diện trong lĩnh vực cá cảnh chúng ta có thu nhập chỉ bằng 3-5% của họ. Ở Hà Nội nhiều dòng họ, gia đình ở Yên Phụ, Tây Hồ, Nghi Tam, Quảng Bá... ven hồ Tây có nghề nuôi cá cảnh lâu đời nay đang phát huy nghề truyền thống, đạt nhiều thành công trở thành nghề chính, có thu nhập cao; ở thành phố Hồ Chí Minh có hàng trăm gia đình sống về nghề nuôi, kinh doanh cá cảnh. Các thành phố lớn như Hải Phòng, Nam Định, Đà Nẵng, Nha Trang nghề nuôi, kinh doanh cá cảnh cũng phát triển. Đến nay chúng ta đã có một tập hợp cá cảnh phong phú, đã du nhập nhiều loài cá đẹp.

Theo các tài liệu công bố, cá cảnh nước ngọt ở Việt Nam có 151 loài thuộc 87 chi, 35 họ và 11 bộ. Các loài này thuộc nhiều dạng nhưng chủ yếu là các loài cá thuộc bộ cá chép có 72 loài chiếm 26,49%. Một số ít họ cá khác tuy số loài ít nhưng đang được nhiều người nuôi cá cảnh quan tâm như họ cá mươn (Osteoglosidae) với các loại cá rồng (kim long, hồng long, thanh long, ngân đá, hắc đá...). Cá cảnh biển của ta cũng thật đa dạng, khoảng 350 loài được sưu tập, chủ yếu từ các vùng biển Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Trường Sa, Vũng Tàu, các loài cá điển hình như cá tiên nhiều vây, ngàu sắc sỡ, mặt quỷ, bần đồ, bờ hoa, cá ngựa, cá san hô, chim vàng, hoàng hậu, hoàng đế, mặt trắng, mặt đen, mặt da beo....

Trong những năm vừa qua, thành công lớn nhất là việc lai tạo, sinh sản nuôi nhiều cá cảnh nước ngọt dù là nguồn cá trong nước hay nhập nội - nhập nội chủ yếu từ các nước Nam Mỹ, Đông Nam Á, châu Phi, Ấn Độ, và một số nước trung và bắc Mỹ.

Cá cảnh là thú chơi của nhiều gia



Khai thác cá cảnh biển ở Hải Phòng

đình không kể giàu hay nghèo, nông thôn hay thành thị mà còn đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí nơi công cộng. Ở Việt Nam có những thủy cung nổi tiếng được đầu tư hàng chục tỉ đồng được nhiều người biết đến, ở thành phố Hồ Chí Minh có thủy cung Đầm Sen, thủy cung Thảo Cầm Viên, thủy cung Suối Tiên, một số thủy cung loại vừa ở Nha Trang, Đà Nẵng, Huế, và sắp tới ở Hà Nội có thủy cung Thăng Long vừa nuôi cá cảnh nước biển vừa nuôi cá cảnh nước ngọt, thủy cung này có thể xếp vào loại nhất ở Đông Nam Á. Lọt vào thủy cung như thủy cung Suối Tiên mọi người đều có cảm giác như đi trong lòng đại dương bao la hùng vĩ.

----- * * *

NĂM HỒ NÓI CHUYỆN TÔM HÙM

(tiếp trang 16)

- Giảm thời gian khai thác trong năm xuống mức ngắn nhất. Ví dụ: Vụ khai thác tôm hùm ở bờ đông Canada (là ngư trường lớn nhất) chỉ còn 2 tháng từ ngày 1 tháng 5 đến hết tháng 6. ở Ôxtrâyliya khai thác tôm rồng chỉ còn 7 tháng từ tháng 12 đến tháng 6.
- Qui định sản lượng được phép khai thác chặt chẽ cho từng tàu, từng đối tượng. EU qui định sản lượng cho các nước thành viên theo từng qui. Mỹ, Ôxtrâyliya qui định chặt chẽ số lượng tàu khai thác, cỡ tàu, số lượng bẫy, kích thước mắt lưới bao quanh bẫy. Điều đặc biệt quan trọng là họ qui định cụ thể kích thước và khối lượng của tôm được phép khai thác. ở Mỹ, Ôxtrâyliya và Canada...sau khi kéo lồng bẫy lên tàu ngư dân phải thả ngay xuống biển những con tôm không đủ kích cỡ.
- Các tổ chức thanh tra luôn có mặt trên ngư trường, ở các bến cảng, các cửa khẩu để giám sát việc thi hành luật lệ. Các vi phạm đều bị trừng trị nặng nề.
- Thường xuyên công bố các thông tin mới về tình trạng nguồn lợi, về các qui định mới, các vi phạm...
- Nghiên cứu sản xuất con giống nhân tạo để thả xuống biển nhằm duy trì nguồn lợi như ở Nhật Bản.

Tôm hùm của Việt Nam phong phú về chủng loài, tập trung chủ yếu ở biển miền Trung. Các loài quan trọng có giá trị cao như: tôm hùm biển sâu (*Nephrops thompsoni*), tôm hùm sao (*Palinurus ornatus*), tôm hùm đỏ (*P. longipes*), tôm hùm xanh (*P. versicolor*), tôm hùm sỏi (*P. hormanus*), tôm hùm lông (*P. stimpsoni*), tôm hùm ma (*P. penicilla*)...

Do giá trị xuất khẩu rất cao nên tôm hùm đã bị săn bắt ráo riết từ lâu và hoàn toàn không bị quản lý. Trước đây người ta chỉ bắt tôm lớn thì gần đây họ vơ vét tất cả theo phương châm "lớn bùi, bé mềm". Tôm bé bán cho những người nuôi tôm hùm xuất khẩu. Giá bán tôm nhỏ còn cao hơn nhiều lần tôm lớn nên lôi cuốn nhiều người tham gia. Trước đây người ta chỉ săn bằng lặn bắt tay thì nay họ dùng tới đèn soi cực mạnh,

Nghề nuôi, kinh doanh cá cảnh thời gian qua tuy có khởi sắc nhưng còn manh mún, để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế, đã đến lúc cần hình thành tổ chức riêng có chỉ đạo, có sự đầu tư thỏa đáng không chỉ tiền của, vật chất mà cần có sự ra tay của các nhà khoa học các nhà quản lý.

Với điều kiện địa lý của Việt Nam, với bề dày lịch sử và kinh nghiệm, tiếp cận thành tựu khoa học trên thế giới và được tổ chức lại nhất định nghề nuôi cá cảnh của Việt Nam sẽ sánh vai với các cường quốc cá cảnh thế giới, mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho đất nước ■

DIỆP SON

thuốc mê, kích điện, thuốc nổ. Họ còn phá cả san hô là "nhà" của tôm hùm để bán và xây dựng. Các phương tiện thông tin đại chúng đã không ít lần báo động về sự cạn kiệt rất nhanh chóng nguồn lợi tôm hùm ở ven biển miền Trung. Gần đây các tay thợ lặn chuyên săn bắt tôm hùm con cho biết họ phải tiến ra xa bờ để bắt vì tôm trong bờ không còn nữa. Với đà này thì nguy cơ kiệt chủng của tôm hùm nước ta là nhỡn tiền.

Năm 1998 được nhân loại gọi là "Năm thế giới về đại dương" lẽ nào tôm hùm - báu vật của đại dương lại không được chúng ta giữ gìn, bảo vệ ■

PHƯƠNG THẢO

CÁ MẬP (NHÁM) ... (tiếp trang 19)

Sinh đẻ

Cá mập đẻ trứng, hoặc thai trứng, trứng cá mới đẻ mềm mại, màu tái nhợt. Ngay sau đó chuyển sang màu tối và mềm dẻo để bảo vệ ấu thể ở bên trong. Trứng có lớp nhung mao dài ngoài vỏ trứng vì vậy chúng dễ bám vào thực vật hoặc sỏi đá. Khi trứng nở thì vỏ trứng trôi dạt lên bãi biển mà người ta gọi đó là vỏ trứng của các hàng tiền cá.

Cá mập bố mẹ không chăm sóc con cái. Ngay sau khi nở, ấu thể cá mập đã phải tự lập kiếm ăn.

Đại bộ phận cá mập đẻ trứng, tuy nhiên một số loài đẻ con. Ví dụ loài răng trụ (*O.dontastisodon tatis Tauris*) đẻ con khi chúng có chiều dài 275,335cm, mỗi lứa đẻ 2 con, con mới đẻ có chiều dài 100cm. Hoặc loài cá mập tí hon (*S.Cuualiolus*) bắt đầu đẻ lúc cá mập mẹ dài vừa đúng 20 cm, cá mập bố dài 15cm, mỗi lứa đẻ 3 con. con mới đẻ có chiều dài 9 cm ■

LÊ TRỌNG

Ra biển mà nói đến cá mập thì ai cũng phải rợn gáy vì tính "hung dữ" của chúng. Thực ra không toàn như thế. Vậy sự thực là thế nào?

Cá mập có nhiều loài, ít nhất trên thế giới cũng có trên 350 loài cá mập. Căn cứ vào điều tra hóa thạch, các nhà khoa học dự đoán cá mập đã sống trên hành tinh của chúng ta khoảng 180 triệu năm. Cho đến nay về hình dáng của cá mập không có gì thay đổi đáng kể, chứng tỏ khả năng sinh tồn của chúng mạnh mẽ.

Cá mập thở như thế nào?

Cũng giống như các loài cá khác, cá mập thở bằng mang. Phần lớn các loài cá mập đều há miệng trong khi bơi để dòng nước chảy vào miệng qua mang rồi ra ngoài qua 5 đến 7 khe mang (tùy loài) của mỗi bên đầu cá. Nếu cá ngừng bơi, bị đánh bắt hoặc sa lưới, nước không chảy qua mang nữa chúng sẽ chết. Một số loài cá mập có thể nằm yên tại chỗ dưới nước có dòng chảy mạnh đủ để nước chảy qua mang cho cá hô hấp. Một số loài có thể tự bơm nước qua mang, do vậy chúng không cần phải di động để thở.

Cá mập thuộc bộ cá sụn

Bộ cá xương có bóng bơi để chứa khí, như một chiếc phao giữ trong mình, giúp cho chúng nổi và bơi lội dễ dàng. Cá mập không có bóng bơi, đổi lại chúng có buồng gan rất to, nhiều mỡ, giúp chúng nổi dễ dàng để bơi lội. Phần lớn cá mập đều có vảy hoặc lớp da nhẵn mảnh mai để bảo vệ cơ thể. Cá mập có lớp da thô, bao phủ bởi lớp da mấu nhỏ giống như răng khiến cho da cá mập nhám như giấy ráp.

Cá mập kiếm mồi như thế nào?

Cá mập dùng giác quan để săn bắt mồi. Âm thanh truyền động trong nước xa hơn trong không khí, nhờ vậy cá mập dễ phát hiện con mồi từ xa, như các loài cá hoặc động vật biển do bị sát thương, bơi lội không bình thường phát ra chấn động có tần

CÁ MẬP (NHÁM)

- THỢ SĂN BIỂN

số thấp. Các chấn động được cảm nhận nhờ cơ quan đường bên của cá. Mọi sinh vật chuyển động đều phát ra một năng lượng điện nhỏ. Cá mập có thể cảm nhận được các tín hiệu điện năng đó để săn mồi, như cá đuối vùi mình dưới cát hoặc những con mồi khác trong vùng nước đục ngầu.

Đặc biệt cá mập có khả năng về khứu giác hết sức nhạy cảm. Chúng rất thính đối với mùi vị trong nước biển như mùi tanh máu của động vật biển hoặc người bị sát thương ở rất xa, nhạy hơn khứu giác của chó săn gấp bội lần. Kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học Nhật Bản cho thấy, trong 1.000 tấn nước biển chỉ cần 1g axit amin cũng đủ để cá mập tụ lại thành đàn tìm mồi. Tính ra trong khoang mũi ở cá mập có chiều thân dài 1m thì các đầu dây thần kinh có diện tích tới 4.824mm², nhờ vậy loài cá mập ăn người (dài 5-7m) có thể ngửi thấy mùi tanh máu của động vật bị thương cách xa hàng cây số.

Cấu tạo khác thường của hàm răng cá mập

Cá mập có hàm răng khỏe. Khác với nhiều loài động vật biển chỉ có một hàng răng, cá mập có tới 5-6 hàng. Hàng ngoài cùng có tác dụng thực sự của một hàm răng, còn lại đều là răng "dự bị", xếp gối đầu nhau như ngôi lợp nhà. Khi do nguyên nhân nào đó, một răng ở hàng ngoài bị rụng thì có một răng nằm kế ở hàng trong phát triển lên và thay thế. Quá trình sinh trưởng của cá mập đồng thời với việc các răng ngoài được lần lượt thay thế dần bởi răng các hàng trong dần ra. Người ta tính ra rằng sau mỗi thập kỉ một cá mập được thay 20.000 chiếc răng.

Cá mập ăn gì?

Tất cả các loài cá mập đều ăn động vật. Số đông các loài cá mập ăn tôm, cá và mực, tuy nhiên có những loài có cá thể cỡ lớn có thể ăn cả rùa biển hoặc chim biển nếu tôm được. Điều đó tùy thuộc ở tính ăn của từng loài, liên quan trực tiếp tới cấu tạo của hàm răng. Ví dụ cá mập ăn người có răng hình tam giác có thể nhá thịt dễ dàng. Cá mập beo có răng sắc cạch, có thể "cưa" vỡ vỏ sò và xương rùa biển. Cá mập thu có răng sắc, hình cong giúp quắp chặt các loài có lớp da trơn. Cá mập chó có răng tù, tiện việc cắn dập cua và sò....

Có 2 loài cá mập đạt kích thước lớn nhất, cá mập kinh (có thể đạt đến chiều dài 13,7m) và cá mập voi có răng bé nhỏ, chuyên ăn động vật phù du và cá con. Loài cá mập rất to lớn - cá mập megalodon sống ở đáy biển sâu, có hàm răng nhỏ bé, chuyên ăn tôm sống dưới đáy biển. Các loài cá mập này hiền lành.

Số đông người cứ nói đến cá mập là nghĩ ngay đến loài cá nguy hiểm, kiểm soát cả đại dương và sẵn sàng tấn công khi chúng phát hiện chúng ta. Sự thực thì phần lớn các loài cá mập không gây hại đối với người, nói chung chúng rất "thật trọng" đối với chúng ta và lánh xa. Trong toàn bộ các loài cá mập sống trong đại dương thì chỉ có 3 loài tấn con con người đó là cá mập ăn người, cá mập beo và cá mập sừng. Thường cá mập chỉ tấn công khi chúng hoảng hốt hoặc bị đe dọa, cũng có lúc do quá đói hoặc nhầm lẫn giữa người lặn với hải cẩu hoặc người lướt ván với rùa biển.

(Xem tiếp trang 18)

Nghề cá nước ngoài

Tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii*) còn gọi là tôm lớn Malaixia, là loài tôm nước ngọt thuộc vùng nhiệt đới khu vực Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương. Từ những năm 60 sau khi kĩ thuật cho đẻ nhân tạo thành công, loài tôm này được di giống về nuôi ở nhiều nước trên thế giới.

Ở Trung quốc, năm 1976 Viện nghiên cứu thủy sản Châu Giang nhập giống, năm 1977 đã nghiên cứu cho đẻ thành công, nhưng mãi cho tới

cuối những năm 80 mới được chú ý phát triển nuôi rộng rãi, đồng thời do kĩ thuật nuôi và công nghệ sản xuất thức ăn ngày một hoàn thiện cho nên năng suất và sản lượng nuôi tăng liên tục. Đến năm 1996, diện tích nuôi tôm càng xanh của Quảng Đông đạt 9.300 ha, sản lượng hơn 24.000 tấn/ năm, năng suất bình quân nhiều nơi đạt 2.250-3.750 kg/ha, nơi cao đạt 4.500 - 6.000kg/ha. Quảng Đông là tỉnh dẫn đầu toàn Trung Quốc về sản lượng và năng suất nuôi tôm càng xanh.

Kĩ thuật nuôi thâm canh tôm càng xanh Ở QUẢNG ĐÔNG

Qua nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, để nuôi tôm càng xanh đạt hiệu quả, kĩ thuật nuôi tôm gồm 8 nội dung:

1. Điều kiện ao nuôi

Tốt nhất là ao mới đào, diện tích từ 3.350 - 6.700 m², độ sâu 1,5 - 2m. Độ dốc bờ ao càng thoải càng tốt để tạo cho tôm có vùng cư trú và lột xác rộng. Đáy ao bằng phẳng.

Nếu dùng ao cũ để nuôi tôm thì mùa đông phải tháo cạn hết nước, vét sạch bùn, sau đó phơi khô đáy ao đến lúc bắt đầu nứt nẻ thì thôi.

Ao cần xây dựng gần nguồn nước sạch, cấp thoát nước thuận tiện.

Mỗi ao cần trang bị 1 máy bơm nước và 1 máy tăng oxy để giữ cho nước ao luôn sạch, đủ oxy cho tôm sinh sống.

2. Cải tạo ao nuôi

Vào giữa hoặc cuối tháng 4, khi nhiệt độ nước ao nuôi đã ổn định từ 20°C trở lên thì có thể thả tôm giống. Do tôm giống thả còn nhỏ yếu (dài 0,7 - 0,9cm) rất dễ bị cá tạp và nòng nọc ăn hại cho nên phải làm tốt công tác tẩy dọn ao, khử trùng triệt để trước khi thả tôm giống. Cách làm cụ thể là: trước khi thả tôm giống 15 ngày, giữ mức nước ao 0,5 - 0,8m, mỗi ha ao dùng 1.500kg vôi sống, 600kg bã trà và 7,5kg dipterex để diệt hết cá dữ, cá tạp và nòng nọc. Nếu là ao cũ thì phải rắc thêm 60-90kg chlorine/ha để tiêu diệt hết vi khuẩn gây bệnh. Vôi còn có tác dụng điều chỉnh độ pH và làm trong nước. Bã trà còn có tác dụng như phân bón lót để gây nuôi sinh vật phù du làm thức ăn tự nhiên cho tôm.

3. Gây nuôi sinh vật phù du (Gây màu nước)

Thức ăn chủ yếu của tôm giống khi mới thả là động vật phù du, số lượng và thành phần động vật

phù du trong ao là một yếu tố rất quyết định đối với tốc độ lớn và tỉ lệ sống của tôm giống vì thế phải gây nuôi sẵn động vật phù du trong ao trước khi thả tôm giống. Cách gây nuôi cụ thể là: trước khi khử trùng ao 3-4 ngày, bón mỗi ha ao 2.250kg phân chuồng đã ủ hoai hoặc 5.250kg phân xanh để tạo độ màu mỡ cho ao, khi khử trùng ao thì khử trùng luôn cả mầm bệnh trong phân chuồng và phân xanh. Sau khi khử trùng được 10 ngày thì sinh vật phù du phát triển mạnh, tạo sẵn một lượng thức ăn tự nhiên phong phú trước khi thả tôm giống. Nói chung sau khi khử trùng 10 ngày thì nước ao hết đục, nhưng vẫn nên cẩn thận thử nước trước khi thả tôm giống. Tôm giống thả vào môi trường sẵn thức ăn tự nhiên như vậy chỉ cần sau 10 ngày là vượt qua được thời kì non nớt, có tỉ lệ sống cao. Cần nắm chắc thời cơ thả giống, nếu thả quá sớm nước ao vẫn còn đục tôm bị chết nhiều, nếu thả quá muộn thì lúc này các sinh vật địch hại của tôm con đã phát triển trở lại làm cho tỉ lệ sống của tôm bị hạ thấp. Nhìn chung, nếu sau khi khử trùng ao được 10 ngày mà chưa kịp thả tôm giống thì phải khử trùng lại ao một lần nữa, cụ thể là tát hết nước ao đi, bơm nước mới vào rồi bón lót, khử trùng ao như làm lần đầu.

4. Biện pháp sinh thái

Trồng cây, căng lưới, đắp chà trong ao... làm cho tôm có nhiều chỗ dựa để sinh sống và ẩn náu gọi là biện pháp sinh thái. Tôm, càng xanh thường sống ở đáy ao, ưa thích các chỗ nóng của ao, đồng thời còn có tập tính "giữ đất", sẵn sàng giết hại con khác khi xâm phạm đến đất ở của mình. Tôm đang lột xác và tôm nhỏ thường là đối tượng tàn sát của những con tôm to, khoẻ hơn nó. Biện pháp sinh thái giúp làm tăng không gian hoạt động

và chỗ trú ẩn của tôm, từ đó làm thưa mật độ tôm giống ở đây, giảm bớt cơ hội sát hại nhau, cho phép tăng mật độ nuôi để tăng năng suất. Trồng cây trong ao còn có tác dụng hút bớt chất bẩn, làm sạch ao và ổn định chất nước. Các loại cây thường trồng trong ao là rong bèo, rau muống bèo, sau khi khử trùng ao xong thì bắt đầu trồng, diện tích trồng cây chiếm khoảng 30% diện tích mặt ao là vừa.

5. Thả tôm giống

Khi nhiệt độ nước ao nuôi ổn định từ 20°C trở lên thì thả tôm giống. Hiện nay phần lớn các nơi đều áp dụng hình thức nuôi tôm chuyên, chỉ thả lần một ít cá mè để góp phần lọc sạch nước. Mô hình "thả một lần đủ mật độ giống, thu tỉa nhiều lần, bắt to lưu nhỏ" được áp dụng rộng rãi.

Mật độ thả tôm giống dựa vào diện tích ao nuôi, môi trường ao, trình độ quản lý và dự kiến năng suất để tính. Thông thường cứ thả 1 vạn con tôm giống thì thu được 50 - 75kg tôm thịt; với mức năng suất trung bình 2.250 - 3.750kg/ha cần thả mật độ 37,5 - 52,5 con/m²; với những hộ có trình độ quản lý giỏi có thể thả mật độ trên 60 con/m², năng suất đạt tới 6.000kg/ha.

Nếu là tôm giống phải vận chuyển từ xa về thì phải đặc biệt lưu ý khi thả tôm giống ra ao, không được để nhiệt độ nước trong túi tôm và trong ao chênh lệch quá lớn. Cách làm cụ thể là ngâm túi tôm trong ao độ 20 phút, đợi cho nhiệt độ nước trong túi và ngoài ao xấp xỉ nhau rồi mới thả tôm ra. Mặt khác do thời gian vận chuyển lâu, nước trong túi tôm tích tụ nhiều khí CO₂ làm cho tôm ở trạng thái hôn mê nằm sát dưới đáy túi, chỉ cần xem thấy tôm chưa biến thành màu trắng đục là tôm vẫn sống được; gặp trường hợp này không trực tiếp thả tôm giống xuống ao ngay, vì nếu làm như vậy tôm đang hôn mê chìm xuống đáy ao rất khó sống lại, mà cần phải thả tôm vào chậu trắng to, cho nước ao từ từ vào chậu đợi cho tôm hồi tỉnh lại rồi mới đem thả ra ao.

Hiện phần lớn áp dụng thả trực tiếp tôm giống cỡ 0,7 - 0,9cm vào ao nuôi tôm thịt. Nhưng cũng có thể ương tôm này thành cỡ trên dưới 3cm rồi mới thả vào nuôi ở các ao lớn. Diện tích ao ương tôm giống từ 650 - 2.000m², mật độ ương 225 - 300 con/m². Ương thành tôm giống cỡ 3cm rồi mới thả có mấy cái lợi:

Rút ngắn thời gian sử dụng ao lớn, tăng mức quay vòng ao;

Bảo đảm mật độ nuôi và năng suất cho ao lớn;

Có thể áp dụng biện pháp tăng nhiệt trong ao ương vì diện tích nhỏ nên có thể ương sớm, thả giống sớm, sớm có tôm thu hoạch đầu vụ lúc giá thị trường còn cao, sẽ có lãi nhiều hơn.

Tại Quảng Đông, tôm càng xanh thường nuôi mỗi năm 1 vụ, nhưng cũng có người nuôi 2 vụ. Vụ chính từ tháng 4 đến tháng 11. Vụ phụ là nuôi qua đông, từ cuối tháng 11 đến tháng 1, 2 hoặc kéo

dài đến tháng 5, 6. Nuôi vụ phụ phải nuôi trong các ao có điều kiện giữ nước ấm qua mùa đông.

6. Cho tôm ăn

Trong 30 ngày đầu vừa gây nuôi động vật phù du làm thức ăn tự nhiên cho tôm, vừa cho tôm ăn thêm thức ăn giàu đạm để bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng. Mỗi ha ao ương mỗi ngày cho ăn như sau:

18,75 - 22,5kg bột hỗn hợp đậu tương và cám;

Hoặc thức ăn nuôi cá chính;

Hoặc trộn 75 - 15kg trứng gà, vịt với một phần bột mì rồi hấp chín, bóp nhỏ lọc qua vải lọc cỡ 40 mắt/cm² thành dạng hạt nhỏ cho ăn.

Thức ăn cần rắc khắp ao.

Từ tháng thứ 2 trở đi, khi tôm đã đạt cỡ 3 - 5 cm trở lên thì bắt đầu cho tôm ăn thức ăn chế biến dạng hạt (thức ăn công nghiệp) có hàm lượng đạm thô khoảng 30%, lúc đầu cho ăn 18 - 30kg/ha/ngày, chia làm 3 lần: 30% vào lúc 8 giờ sáng, 20 - 30% vào buổi trưa, số còn lại 40 - 50% vào lúc 9 giờ tối, cách 7 - 10 ngày tăng mức cho ăn lên 1 lần, mỗi ngày thêm từ 4 - 15kg/ha, chú ý lượng cho ăn vừa đủ, sau 2 - 3 giờ cho ăn kiểm tra thấy tôm ăn hết là vừa. Không nên để tôm bị đói, tôm đói sẽ sát hại lẫn nhau. Thức ăn phải rải đều khắp ao để tôm ăn no đều. Nếu ao rộng phải có thuyền nhỏ hoặc ván nổi bơi ra cho ăn cả khu vực giữa ao. Khi rải thức ăn thì xung quanh ao rải nhiều, giữa ao rải ít hơn.

Cần đặt một vài chiếc vợt cỡ 1m² để làm công cụ kiểm tra tình hình ăn mỗi của tôm. Thả thức ăn vào vợt, đặt trong khu vực cho tôm ăn, sau 2-3 giờ nhắc lên thấy trong vợt hết thức ăn là được.

7. Quản lý chất nước

Bình thường trong vòng 20 ngày đầu sau khi thả tôm giống do tổng trọng lượng tôm còn nhỏ, lượng thức ăn cho ăn còn ít, lại do vừa mới cải tạo ao nên chất nước trong ao không có vấn đề gì lớn. Trong giai đoạn này không nên bơm thêm nước vào ao mà để cho tôm con sống yên ổn trong môi trường giàu thức ăn tự nhiên và không có địch hại để sống qua được thời kỳ non yếu. Sau thời kỳ này có thể định kỳ thêm nước, tăng mức nước ao sáu thêm 5 - 10 cm/tuần; đến mùa nắng nóng cho nước đạt mức sâu nhất 1,5m. Khi cho nước vào ao phải dùng lưới mau chắn miệng cống, không cho cá tạp và trứng của chúng theo vào.

Để giữ chất nước sạch và ổn định, sau khi thả tôm giống độ 25 ngày thì thả thêm một ít cá mè vào ao để chúng làm sạch nước, không cho sinh vật phù du phát triển quá nhiều. Thả 600 con cá mè hoa và 150 - 300 con cá mè trắng cho mỗi ha ao. Cỡ cá thả loại 100g/con.

Trong quá trình nuôi cần khống chế độ béo của nước ao ở mức độ thích hợp, giữ độ trong khoảng 30cm, hàm lượng ôxy hoà tan 4mg/lit trở lên. Hàng tháng cần bón vôi để làm trong nước và tăng lượng canxi trong ao, có lợi cho tôm sinh trưởng và

lột xác. Mức bón với sống 120 - 150kg/ha/tháng. Vào giữa và cuối thời kì nuôi tôm thịt cần hết sức chú ý sự thay đổi chất nước và thời tiết. Thời gian nắng nóng phải đi tuần sớm tối kiểm tra phát hiện khả năng tôm nổi đầu để kịp mở máy tăng ôxy hoặc bơm thêm nước sạch vào ao. Do tôm rất nhạy cảm với nhiều loại thuốc trừ sâu nên trước khi bơm nước phải xem nguồn nước có bị ô nhiễm thuốc trừ sâu hay không.

8. Thu hoạch tôm

Trong điều kiện môi trường ao nuôi tốt, cho ăn đầy đủ, sau 90 ngày nuôi (tính từ khi thả tôm giống cỡ 0,7-0,9cm), có một phần tôm lớn nhanh đạt khoảng 100con/kg, lúc này thường vào cuối tháng 7, thị trường đang khan hiếm tôm tươi, giá tôm có thể cao gấp đôi thời vụ thu hoạch rõ (tháng 10 và 11) vì vậy có thể thu tỉa dần tôm cỡ lớn bán trước, đồng thời giảm mật độ nuôi, tôm sẽ chóng lớn hơn. Vì tôm đực thường lớn nhanh hơn tôm cái nên khi thu tỉa chủ yếu nên thu bớt tôm cái còn tôm đực giữ lại nuôi càng nhiều càng tốt để giữa và cuối vụ thu tôm cỡ lớn được nhiều. Sau khi thu tỉa lần đầu cứ cách khoảng 20 ngày có thể thu tỉa tiếp lần sau. Cuối tháng 11 nhiệt độ nước ao thường xuống dưới 15°C, vì vậy phải thu hết tôm trước thời gian này để tránh thiệt hại do tôm bị chết rét.

Do năm được giá tôm trên thị trường lên rất cao vào dịp tết nguyên đán nên 2 năm gần đây có một số hộ nuôi tôm đã dùng phương pháp che ám ao nuôi bằng vải bạt nilông trắng 2 lớp để kéo dài thêm thời gian nuôi tôm thịt khoảng 2 tháng mới thu để bán tôm vào lúc có giá cao nhất, nâng cao thêm hiệu quả nuôi ■

Nguồn: Tạp chí Thủy sản Châu Giang, số 1/1997

THAI BÁ HỒ

THIỆT BỊ CHẾ BIẾN CÁ CHÌNH NƯỚNG CỦA TRUNG QUỐC HIỆN QUÁ DƯ THỪA

Năm 1975 sau khi nhập khẩu sản phẩm cá chình nướng từ Đài Loan, lượng tiêu thụ ở Nhật Bản tăng mạnh, tính ra cá tươi tăng từ 24.000 - 26.000 tấn lên 38.000 tấn. Năm 1980, tính chuyển đổi ra cá chình tươi đã vượt 100.000 tấn, năm 1995 Nhật Bản nhập hàng Trung Quốc là chủ yếu.

Năm năm trở lại đây Trung Quốc trở thành nước đứng hàng đầu về nuôi và chế biến cá chình, nước xuất khẩu cá chình con và cá thương phẩm. Trong khi Đài Loan là nơi nuôi cá chình thương phẩm chủ yếu nay nhường chỗ cho đại lục vì không đủ giống nuôi do đánh bắt tự nhiên không đủ con giống (nhiều nhất là 8-10 tấn/vụ), nhiều trại nuôi dựa vào nguồn giống từ Trung Quốc cũng không đủ vì vậy sản lượng giảm. Nhiều cơ sở chế biến không có nguyên liệu, buộc phải chế biến trên đại lục Trung Hoa.

Kể từ tháng 9 năm 1945 trở đi, Trung Quốc chiếm tới 80% thị phần nhập khẩu sản phẩm cá chình nướng của Nhật Bản. Tình hình hiện nay là Trung Quốc có quá nhiều

trang thiết bị nên mất thăng bằng. Hiện đang có 48 xưởng chế biến, thêm vào đó lại có 50 xưởng nữa đang xây dựng. Năng lực sản xuất hàng năm của xưởng bé 500-600 tấn, xưởng lớn 1.500 - 2.000 tấn, thậm chí 3.000 tấn. Trong số 48 xưởng hiện có, tính ra cần tới 120.000 tấn nguyên liệu. Trong khi mức tiêu thụ cá chình của toàn nước Nhật tính ra nguyên liệu là 115.000 tấn. Nghĩa là để thỏa mãn nguyên liệu cho các xưởng chế biến của Trung Quốc hiện nay, đòi hỏi phải sản xuất ra một khối lượng cá chình bằng lượng tiêu thụ chung của toàn nước Nhật! Rõ ràng thiết bị chế biến hiện nay đã quá dư thừa.

Theo Mod.Fish. Information 12/96

NGHỀ NUÔI HẢI SẢN Ở CHÂU ÂU TĂNG NHANH

Trong hội thảo nuôi thủy sản tại Bordeaux-Pháp vừa qua, Hiệp hội các nhà nuôi thủy sản châu Âu cho biết sản lượng nuôi các loài cá vược, cá tráp, cá hồi tăng mạnh. Sản lượng cá vược và cá tráp nuôi năm 1995 đạt 36.000 tấn so với năm 1994 tăng 25%, sản lượng cá vược đạt 19.175 tấn, cá tráp 17.100 tấn. Sản lượng của Hy Lạp cao hơn cả, 2 loài đầu đạt 16.000 tấn, tiếp đó là Italia, Tây Ban Nha và Pháp. Sản lượng cá bơn nuôi năm 1994 là 1.700 tấn tăng lên 2.700 tấn năm 1995. Tuy nhiên sản lượng nuôi cá hồi tăng nhanh nhất, từ 307.000 tấn lên 348.000 tấn. Nauy chiếm 249.000 tấn, Secotien 72.000 tấn, tổng sản lượng nuôi loài cá hồi châu Âu tăng từ 800 tấn lên 1.250 tấn. Sản lượng cá hồi chấm đạt 57.779 tấn, xấp xỉ năm 1994, nhưng cá hồi sông nuôi tăng từ 180.000 tấn lên 190.000 tấn.

Theo Mod.Fish. Information 1/97

SẢN LƯỢNG CÁC LOÀI THUỘC HỌ CÁ CHÉP TRÊN THẾ GIỚI TĂNG

Theo thống kê của FAO cho thấy năm 1994 tổng sản lượng cá đánh và nuôi của thế giới tăng 7,2%, thêm 7.300.000 tấn, đạt 109.600.000 tấn. Sản lượng cá biển tăng thêm 5.400.000 tấn chủ yếu là do sản lượng đánh bắt tăng, nuôi hải sản chỉ có 450.000 tấn. Trái lại sản lượng cá nội địa tăng thêm 1.700.000 tấn, chủ yếu là do cá nuôi tăng, đặc biệt là ở các nước châu Á.

Cũng theo báo cáo của FAO, tổng sản lượng năm 1995 xấp xỉ năm 1994, nhưng sản lượng nuôi tiếp tục tăng, sản lượng cá đánh giảm.

Đặc điểm chính của nghề nuôi là sản lượng của các loài cá thuộc họ chép tăng 18%. Trong sản lượng 7.500.000 tấn của các loài họ chép thì cá mè trắng chiếm 2.230.000 tấn, cá trắm cỏ 1.820.000 tấn, cá vèn 1.080.000 tấn.

Cá mè trắng đứng vào hàng thứ tư của tất cả các loài cá và nhuyễn thể.

Theo Mod. Fish. Information 11/96

HỢP TÁC GIỮA CÔNG TI LƯỚI SỢI NHẬT BẢN VỚI NGHỀ CÁ TRUNG QUỐC

Công ti lưới sợi Nhật Bản hợp tác với Tổng công ti thủy sản Trung Quốc nhằm giúp đỡ Tổng công ti này đang trong quá trình thực hiện kế hoạch câu mực viễn dương, với khoản tiền cho vay để đóng tàu là 3.000.000 USD. Đồng

thời với một hợp đồng giao hàng các thiết bị, khí tài, ngư cụ (máy câu tự động, máy dò cá...) do Nhật Bản sản xuất để lắp đặt trên 8 tàu câu mực đang đóng tại các xưởng tàu Đại Liên, Nhân Đài - Trung Quốc.

Theo Mod.Fish. Information 10/96

NUÔI TẠM CÁ NGỪ TRƯỚC KHI BÁN

Để nâng cao giá trị thương mại, các công ti khai thác cá ngừ của Ôxtrâyliá (Úc) đã tìm ra phương pháp nuôi tạm cá ngừ sống, nhờ đó mà tăng giá bán.

Thông thường cá ngừ đánh được đều đem làm đồ hộp, giá 1,2 đôla Úc /kg, 500 tấn cá ngừ thu được 600.000 đôla Úc, nhưng cá ngừ tươi cất khúc giá bán 30 đôla Úc /kg. Với 500 tấn cá ngừ đem nuôi tạm, sau 2 tháng có thể lên đến 650 tấn, giá trị đạt 18.750.000 đôla Úc, tăng gấp 30 lần.

Mùa khai thác cá ngừ thường vào khoảng tháng 4 hàng năm, vào sau mùa đẻ trứng của cá ngừ. Sau mùa đẻ, độ béo của cá ngừ giảm 30%, thịt của cá không thơm bán không được giá nếu nuôi thêm 2 tháng để cá phục hồi tình trạng trước đẻ trứng thì bán lại có giá.

Từ 1980, Ôxtrâyliá bắt đầu thử nghiệm đem cá ngừ vây vàng đánh được nuôi tạm để cung ứng cho thị trường cá ngừ tươi cất khúc ở Nhật Bản. Khó khăn trước hết là làm thế nào để giữ cá ngừ sống, vận chuyển đến khu vực nuôi tạm, cách xa 400km. Mới đầu sử dụng thùng thông nước biển nhốt tạm, phương pháp này chẳng những hạn chế về số lượng, mà tỉ lệ cá chết cao, có lúc đến 90%. Sau đó đã cải tiến, dùng khung túi lưới, kéo bằng dây cáp để vận chuyển và nuôi. Hiện nay túi lưới có dạng hình trụ tròn, hình sáu cạnh hoặc hình chiếc thuyền. Túi lưới lớn nhất có đường kính 160m, có thể chở 120 tấn cá ngừ sống. Phương pháp nuôi tạm cá ngừ sống ngày càng mở rộng, năm 1991 nuôi tạm trước lúc đem bán chỉ có 20 tấn, đến năm 1995 tăng lên 1.980 tấn.

Theo Mod. Fish. Information 9/96.

CHẤT CHỐNG NẮNG CHIẾT TỪ SAN HỒ

Các nhà khoa học thuộc Viện khoa học biển Bắc Quinslen thuộc Ôxtrâyliá đã sử dụng các hoá chất chiết từ san hô và bọt biển để làm thành một loại kem chống nắng từ vật liệu biển đầu tiên trên thế giới.

Xuất phát từ hiện tượng các khu hệ động vật và thực vật biển đã phát triển qua thiên niên kỉ và đã tự bảo vệ mình chống khỏi các tia nắng mặt trời, đặc biệt là các tia cực tím gay gắt nhất. Các rạn san hô dày đặc bị phơi dưới ánh nắng nhiệt đới khắc nghiệt ở các vùng nước nông trong thời kì thủy triều xuống thấp vẫn chịu được các tia bức xạ hàng giờ liền. Các nhà khoa học đã nghiên cứu tỉ mỉ các mô sống của san hô và đã phát hiện thấy chúng có chứa một nhóm các axit amin đặc biệt gọi là myeosporin, loại này cũng được tìm thấy trong các bào tử nấm. Myeosporin được sinh ra bằng cách các tảo sống cộng sinh đã tổng hợp ra một số thức ăn để nuôi các mẫu (polyp) san hô. Một đặc điểm nổi bật nhất của myeosporin là khả năng hấp thụ tia cực tím của chúng.

Sau đó, các nhà khoa học lại thấy rằng các myeosporin chỉ bền vững khi chúng còn tồn tại trong các polyp của san hô. Nếu tách khỏi vật chủ, chúng trở nên rất nhạy cảm với nhiệt, ánh sáng và các loại axit hoặc kiềm. Gần 700 loại hóa chất tương tự đã được điều chế, và cuối cùng sau 5 năm nghiên cứu, một hợp chất có đặc tính mong muốn đã được tìm ra. Mặc dù cấu trúc phân tử của nó khác với myeosporin, nó lại mang các đặc điểm lí tưởng như không màu, không mùi, không gỉ và không thấm nước. Ngoài ra, nó gần như có khả năng ngăn các tia cực tím tốt hơn các chế phẩm hiện đang tồn tại gấp ba lần.

Loại sản phẩm mong muốn này đã được thử nghiệm 2 năm trên động vật. Họ bôi một lớp kem chống nắng lên da của giống chuột không lông là loại vẫn được dùng trong các thử nghiệm về mỹ phẩm. Loại chuột được bôi thuốc này đã chịu đựng bức xạ tia tử ngoại mà không có ảnh hưởng bên ngoài nào như bị kích thích da, mất màu hoặc dị ứng.

Loại vật liệu mới này còn được ứng dụng trong sản xuất các loại sơn, vecni, nhựa từ polimer siêu bền, không bị rạn nứt và không bị phai màu. *Infofish 5/97*

PHƯƠNG PHÁP MỚI TẠO LOÀI CUA VỎ MỀM QUANH NĂM

Cua vỏ mềm là loại cua mới thay lớp vỏ bảo vệ (lột xác) và có giá rất cao trong số các mặt hàng thủy đặc sản. Các nhà nghiên cứu thuộc Sea Grant đã thành công trong việc tạo ra một loại nguyên liệu di truyền vô tính cho phép điều chỉnh sự lột xác của loài cua xanh bắt nó tạo lớp vỏ bọc mới. Việc tìm ra cơ chế hóa học kiểm soát quá trình lột xác chính là một phát minh cơ bản trong quá trình tìm tòi các phương pháp điều khiển được sự phát triển của cua để tạo ra loài cua có vỏ mềm. Nhà nghiên cứu Dong Watsan thuộc Sea Grant ở Mixixipi - Alabama qua thí nghiệm sinh sản vô tính đã tập hợp được một gen mang mã đối với protein. Gen này chính là một loại hóc môn kim hãm quá trình lột xác (MIH) ở cua. Với nồng độ bình thường, MIH ngăn cản việc tạo thành và duy trì lớp vỏ bảo vệ cũ của cua. Tuy nhiên, khi cua phát triển, nó vẫn tiếp tục phát triển vỏ, tiến tới loại bỏ vỏ cũ và thay thế bằng lớp vỏ mới to hơn. Trong thời gian này, nồng độ MIH giảm xuống và cua bước vào thời kì lột xác.

Trong hoàn cảnh tự nhiên, quá trình lột xác xảy ra không đều đối với cả đàn cua nên rất khó có thể sử dụng biện pháp công nghiệp để tạo ra loài cua lột với số lượng lớn. Vì vậy sự thành công trong việc tạo ra nguyên liệu di truyền MIH bằng vô tính khiến loại hóc môn MIH được sản xuất với khối lượng lớn đã tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu tiến hành thí nghiệm với những chất là nó có khả năng ngăn cản hoạt động của hóc môn và bắt buộc các con cua cùng lột xác. Theo báo cáo đã được đăng ở Tạp chí Công nghệ biển (T.6/96) và Công nghệ công nghiệp biển (T.2/96) thì có thể tiến hành sản xuất đại trà loài cua vỏ mềm để cung cấp cho nghề nuôi của ở vịnh Mêhicô và cho người tiêu dùng hải sản ■

Infofish 5/97

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

HÃY BẢO VỆ NGUỒN LỢI & MÔI TRƯỜNG THỦY SẢN VEN BỜ

Vùng ven biển bao gồm các vùng nước có độ sâu từ 30m nước (khu vực vịnh Bắc Bộ và đông tây Nam Bộ) và từ 50m nước (biển miền Trung) trở vào (kể cả phần đất ướt nằm dọc theo bờ biển). Diện tích vùng biển ven bờ chiếm khoảng 11% biển Việt Nam, song có vai trò, vị trí vô cùng quan trọng đối với phát triển kinh tế biển nói chung và nghề cá nói riêng. Vùng biển này tiếp giáp và tập trung nhiều hệ sinh thái:

- Rừng ngập mặn, bảo vệ đất bồi lấn biển, là môi trường sống lâu dài hoặc từng giai đoạn, là nơi sinh sản của nhiều động vật thủy sản có giá trị kinh tế.

- Hệ sinh thái san hô, cũng như rừng ngập mặn không chỉ cho nguồn lợi thủy sản lớn mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trạng thái cân bằng của cả vùng nước.

- Hệ sinh thái đầm phá, vịnh, vịnh nơi sinh sống của nhiều sinh vật của sông, nhất là giai đoạn đầu trùng và chưa trưởng thành.

- Hệ sinh thái của sông cung cấp muối dinh dưỡng, muối phốt pho và muối nitrô các chất không



Nguồn lợi thủy sản ven bờ đã cạn kiệt

thể thiếu được cho thủy sinh vật, tạo năng suất sinh học cao. Giàu nguồn thức ăn của sông tạo điều kiện thích hợp cho nhiều giống loài thủy sản sinh sống.

- Nơi đóng góp trên 80% sản lượng hải sản khai thác được hàng năm.

- Chỗ dựa sinh nhai của 95 vạn lao động nghề cá, trong đó có trên 40 vạn người trực tiếp đánh cá.

- Vùng biển cung cấp trên 90% sản phẩm hải sản xuất khẩu hàng năm của ngành thủy sản Việt Nam.

VÙNG VEN BIỂN QUAN TRỌNG, SONG ĐANG BỊ ĐE DỌA

Giữ nước sạch là một trong những yếu tố quyết định đối với việc bảo vệ bền vững nguồn lợi hải

sản không những vùng ven bờ mà cả ngoài khơi. Qua một số công trình nghiên cứu cho thấy ở các khu vực môi trường nước có dấu hiệu ô nhiễm thì ở đó năng suất sản lượng khai thác hải sản đã giảm rõ rệt: Vùng biển Vũng Tàu độ sâu dưới 20m nước từ 1978 đến năm 1982, năng suất khai thác tôm đã giảm 30%, 1986 giảm 60% so với năm 1978. Vùng biển Quảng Ninh - Hải Phòng những năm 1975 - 1980 trong vụ cá Bắc, cá xuất hiện gần bờ, có khi ngay tại khu vực gần đảo Long Châu, hoặc khu vực Đồ Sơn xa xa bờ từ 10 - 15 hải lý là đã có cá, song hiện nay muốn khai thác ở vùng này phải ra xa bờ từ 25 - 30 hải lý và có khi còn xa hơn.

Xem xét 21 thông số chất lượng nước biển trong 2 năm 1995-1996 cho thấy vùng biển nước ta có biểu hiện ô nhiễm dầu,

sắt, kẽm, chất hữu cơ và chất thải sinh hoạt từ lục địa và ngay trên biển.

Ô nhiễm dầu

Theo điều tra, lượng dầu vận tải qua khu vực Biển Đông rất lớn khoảng 3,2 triệu thùng/ngày với lượng rò rỉ 0,67% trong đó 0,6 triệu thùng/ngày vận chuyển qua khu vực đông nam Biển Đông, sát bờ biển Việt Nam. Theo tính toán hàng năm, dầu thải vào Biển Đông ước 772.000 tấn, trong đó từ đất liền 15,54%; trên tuyến hàng hải quốc tế 33,93%; do sự cố tràn dầu 12,95%; do lọc hóa dầu 22,9% và do khai thác ở thềm lục địa 11,65%.

Đối với vùng biển Việt Nam năm 1995 theo tính toán lượng dầu thải vào biển là 41.000 tấn, trong đó 2,95% từ dàn khoan, 12,8% từ đất liền, 1,22% từ sự cố tràn dầu, 1,07% từ tàu thuyền và 81,7% từ tuyến hàng hải quốc tế. Dự báo đến năm 2000, dầu thải vào vùng biển Việt Nam khoảng 64.000 tấn. Ô nhiễm dầu tăng lên rõ rệt, nếu năm 1992 ở vùng biển miền Trung và đông Nam Bộ hàm lượng dầu rất thấp, chỉ ở mức 0,015 - 0,03mg/lít, thì năm 1996 đã tăng đáng kể, từ 7-20 lần.

Ô nhiễm do chất thải

Hàm lượng sắt ở khu vực miền Trung và Nam Bộ đều vượt giới hạn cho phép từ 5-6 lần đối với mục đích nuôi trồng thủy sản. Hàm lượng kẽm tăng

phổ biến ở toàn bộ vùng biển ven bờ và vượt quá giới hạn cho phép đối với mục đích nuôi trồng thủy sản khoảng 2 lần đối với Bắc Bộ, 16 lần Trung Bộ và 7 lần Nam Bộ. Ngoài ra asen và đồng ở ven biển phía Nam cũng vượt quá giới hạn từ 1,3-1,4 lần.

Ô nhiễm do sử dụng thuốc trừ sâu cũng là một vấn đề cần quan tâm. Hàm lượng chất bảo vệ thực vật cũng tăng đáng kể đặc biệt khu vực phía nam, chất thải sinh hoạt, chỉ số coliform cao hơn 2-3 lần giới hạn cho phép. Đến tháng 2/1997 theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có: thuốc trừ sâu - 92 hoạt chất với 289 tên thương mại; thuốc trừ bệnh - 56 hoạt chất với 191 tên thương mại. Ngoài ra còn trên 40 loại thuốc khác chỉ định hạn chế sử dụng. Phần lớn các loại thuốc trên đã sử dụng trên đồng ruộng và đã được các dòng nước đưa ra sông và cuối cùng là ra biển. Theo thống kê năm 1994 cả nước ước sử dụng khoảng 12.600 tấn.

Rừng ngập mặn bị phá hủy

Trước năm 1945, nước ta có diện tích rừng ngập mặn khoảng 400.000ha, trong đó Nam Bộ có khoảng 250.000ha, đến nay chỉ còn khoảng trên 70.000ha (theo Tổng cục Quản lý ruộng đất). Nguyên nhân của tình trạng trên là do:

- Khai thác quá mức gỗ để làm củi, đốt than.
- Chặt phá rừng để xây dựng các ao, đĩa nuôi tôm.
- Đắp đê lấn biển, ô nhiễm dầu, chất thải công nghiệp làm thay đổi môi trường dẫn đến rừng bị thoái hóa, kém phát triển, nhiều vùng sau khi đắp đê, phần rừng ngập mặn phía trong đê bị chết như ở tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh.

San hô

Rạn san hô ven bờ biển nước ta đang trong tình trạng báo động có nguy cơ bị suy thoái nghiêm trọng, diện tích các vùng biển giàu san hô ngày càng giảm, đặc biệt ở các vùng biển có tiềm năng du lịch lớn như Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu, ở vịnh Hạ Long (Quảng Ninh); rạn san hô là một trong những giá trị phải bảo tồn, song cho đến nay đã mất 30%, số còn lại tỉ lệ san hô chết rất cao. Đồng thời san hô cũng là mục tiêu khai thác để làm vật liệu xây dựng. Việc sử dụng chất nổ và phá rừng đầu nguồn cũng tác động xấu đến hệ san hô.

Hệ sinh thái vùng cửa sông

Các vùng cửa sông và vùng nước nông ven bờ bị ô nhiễm do nguồn nước thải từ các thành phố, khu công nghiệp, các dự lượng độc tố từ các chất hoá học, phân bón, thuốc trừ sâu, v.v... ngoài ra việc lắng đọng phù sa ngày càng tăng do rừng đầu nguồn ngày càng bị thu hẹp đã ảnh hưởng không nhỏ đến các sinh vật biển và các rạn san hô. Việc mở rộng đất canh tác, quai đê lấn biển, các công trình thủy điện, mở rộng hồ chứa nước, đắp đê, đào ao, đầm nuôi trồng thủy sản,... đã tác động tới đời sống của các sinh vật và đặc tính sinh học của các hệ sinh thái của sông do lượng muối khoáng, mùn bã hữu cơ giảm, làm nguồn lợi sinh vật biển giảm theo.

Tệ nạn sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản

Môi trường sống của các loài thủy sản bị phá hủy, tạo ra sự biến đổi các hóa chất, đặc biệt các hoá chất có độc tố đối với

nguồn dinh dưỡng, thức ăn cho động vật thủy sản và trực tiếp giết hại các loài hải sản.

Gây nguy hiểm đến tính mạng người và hư hại về tài sản. Sử dụng chất nổ, xung điện và chất độc để khai thác hải sản, đã trở thành tệ nạn, ở hầu hết các địa phương; đáng chú ý là các tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Hiện nay tuy chưa có báo cáo nào nói chính xác khối lượng chất nổ được sử dụng để khai thác thủy sản hàng năm, song chắc chắn con số đó là phải 3 chữ số. Ở một số điểm như Ninh Chữ (Ninh Thuận), Nha Trang (Khánh Hòa), Biện Sơn (Thanh Hóa);... mỗi buổi sáng vẫn còn nghe thấy nhiều tiếng nổ trên biển. Chính vì vậy, mặc dầu đã có nhiều qui định song ngày 2/1/1998, Thủ tướng Chính phủ đã phải ban hành Chỉ thị cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản.

NGUỒN LỢI HẢI SẢN CÓ

NGUY CƠ CẠN KIỆT

Nguồn lợi hải sản vùng ven bờ đã khai thác vượt quá giới hạn cho phép, có nơi vượt trên 10%. Năng suất, sản lượng khai thác trên một đơn vị thuyền nghề giảm, nghề lưới vây, rút chỉ ở miền Trung những năm 90 bình quân trên dưới 150 tấn/năm, song nay chỉ còn 50-60 tấn/năm. Nghề khai thác tôm thương mại ở một số vùng biển không

còn nữa hoặc giảm trên 50% như ở vùng biển Vũng Tàu, độ sâu dưới 20m nước, cửa Bà Lạt (Thái Bình), Biện Sơn (Thanh Hóa)....

Một số giống, loài hải sản có nguy cơ cạn kiệt. Hiện nay đã thống kê được trên 30 loài hải sản đang bị đe dọa, trong đó đáng chú ý là cá song mú, các loài tôm biển trong đó tôm hùm các loại, tôm sú và một số loài nhuyễn thể như trai ngọc, điệp, ốc dụn....

Kích cỡ các loài hải sản khai thác được càng ngày càng giảm, theo điều tra hiện có khoảng 40% sản lượng khai thác được của cả nước là các loài hải sản chưa trưởng thành. Cá song mú khai thác ở khu vực Bạch Long Vĩ vào những năm 1990-1992 bình quân 1,5-2kg/ con, nay chỉ còn 0,3 - 0,5kg/con. Nghề khai thác tôm biển thương phẩm ở vùng biển cửa Bà Lạt, Hòn Miếu, đông Nam Bộ độ sâu 18-20m hiện nay hầu như không còn nữa. Vùng biển Bình Thuận những năm cuối thập kỉ 80 bến cá Phan Thiết vào mùa có ngày nhập bến trên 100 tấn cá thì nay không còn nữa, một phần do cơ chế thị trường, song cái chính vẫn là nguồn lợi hải sản bị suy giảm.

Qui luật xuất hiện của các đàn cá thay đổi về thời gian, không gian, các đàn cá xuất hiện càng ngày càng xa bờ, vào những năm 70 muốn khai thác hải sản chỉ cần ra xa bờ từ 6 - 8 hải lí là có thể khai thác hải sản, nay phải 16 thậm chí 38 hải lí mới gặp cá. Các đàn cá có qui mô vừa ít xuất hiện, mùa vụ bị thay đổi nhiều so với 10 năm trước đây.

LÀM GÌ ĐỂ BẢO VỆ BỀN VỮNG NGUỒN LỢI

VÀ MÔI TRƯỜNG SỐNG THỦY SẢN ?

Để khắc phục tình trạng nguồn lợi và môi trường thủy sản càng ngày càng suy giảm, cần có những giải pháp hữu hiệu, trong đó có thể kể đến:

- Tiếp tục từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, xây dựng Luật Nghề cá Việt Nam, trước mắt nghiên cứu đề trình Nhà nước sửa đổi, bổ sung các nội dung và qui định cần thiết trong việc thi hành Pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản được Nhà nước ban hành từ năm 1989.

- Đánh giá lại nguồn lợi và môi trường thủy sản, thông qua các chương trình điều tra nghiên cứu thăm dò nguồn lợi thủy sản, đặc biệt ở các vùng nước xa bờ, thống kê nghề cá, trên cơ sở đó xây dựng qui hoạch và xác định hướng đầu tư cho phù hợp với khả năng ngư trường nguồn lợi, đảm bảo khai thác bền vững nguồn lợi hải sản.

- Giảm thiểu các phương tiện nhỏ, khai thác các loài thủy hải sản chưa trưởng thành. Hiện có trên 90% tàu thuyền nghề hoạt động trong vùng nước ven bờ với trên 30 loại nghề khác nhau của 6 họ nghề, song trong đó có một số loại nghề khai thác ảnh hưởng nhiều đến nguồn lợi hải sản ven bờ như nghề lưới kéo đáy cỡ nhỏ, các nghề đăng, te xiệp, các nghề khai thác kết hợp ánh sáng hoạt động trong các vùng nước ven bờ.

- Thực hiện chủ trương phát triển khai thác xa bờ, vừa tăng sản phẩm cho xã hội, tạo thêm công ăn việc làm, vừa giảm bớt áp lực khai thác nguồn lợi hải sản vùng ven bờ. Trên cơ sở kết quả

khai thác ở các vùng nước xa bờ cần có các cơ chế chính sách nhằm tháo gỡ những khó khăn về vốn, kĩ thuật và giải quyết đầu ra, tạo điều kiện cho phát triển khai thác hải sản xa bờ.

- Nghiên cứu và du nhập các tiến bộ kĩ thuật trồng khai thác, nuôi trồng hải sản, đặc biệt công nghệ sinh sản nhân tạo giống hải sản vừa phục vụ việc tái tạo các giống loài hải sản có nguy cơ bị tuyệt chủng.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 01-1998/CT-TTg ngày 2/1/1998 của Thủ Tướng Chính phủ về việc nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kĩ thuật cho lực lượng giám sát, thực thi pháp luật như tàu kiểm ngư, hệ thống thông tin liên lạc cho lực lượng thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phối hợp với các ngành tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn tiến tới chấm dứt tệ sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản, ngăn chặn có hiệu quả việc sử dụng các nghề cấm, nghề khai thác cá chưa trưởng thành, bảo vệ cho được các bãi cá đẻ, các khu vực cấm khai thác.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các ngành các cấp trong việc xây dựng qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế các ngành dầu khí, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng các khu công nghiệp, đô thị và du lịch,... Đồng thời tăng cường phối hợp trong công tác xác định các cơ chế chính sách, luật pháp và thực thi giám sát việc thực hiện pháp luật ■

CẨM VÂN

QUI CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ DẠO CHỐNG SỬ DỤNG CHẤT NỔ, XUNG ĐIỆN, CHẤT ĐỘC ĐỂ KHAI THÁC THỦY SẢN

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, ngày 18/2/1998, Bộ trưởng Thủy sản đã ban hành Quyết định 66/1998/QĐ-BTS về việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản.

Qui chế có 4 chương và 10 điều. Chương I. Những qui định chung có 3 điều; điều 3 nêu rõ: Thành viên Ban chỉ đạo và Tổ thường trực gồm các đồng chí lãnh đạo và chuyên viên của các Bộ: Thủy sản, Văn Hóa-Thông tin, Quốc Phòng và Bộ Nội vụ. Bộ Thủy sản là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo.

Chương II. Chức năng - nhiệm vụ của Ban chỉ đạo và tổ thường trực, có 3 điều (4,5,6). Điều 4 nêu:

- Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thống nhất trong toàn quốc về việc nghiêm cấm sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản; đồng thời tổ chức phối hợp với các ban ngành trung ương và địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo công tác tập huấn cũng như tuyên truyền giáo dục trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức thích hợp để mọi người dân hiểu rõ các qui định của Nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản và thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo tổ thường trực thực hiện những nhiệm vụ được giao.

- Hàng Quý, 6 tháng, hàng năm tập hợp báo cáo Thủ tướng Chính Phủ kết quả việc thực hiện Chỉ thị số 01/1998/CT-TTg.

- Chỉ đạo việc lập kinh phí hoạt động hàng năm về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản, trình Chính phủ phê duyệt; Quản lí chặt chẽ việc thu chi bảo đảm thực hiện đúng qui định hiện hành của Nhà nước về chế độ tài chính.

- Kiểm tra một số tình hình trọng điểm trong việc thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

Điều 5 nêu cụ thể chức năng - nhiệm vụ của Tổ thường trực và phân công cụ thể trong Ban chỉ đạo và Tổ thường trực.

Chương III. Nguyên tắc và chế độ làm việc của Ban chỉ đạo và Tổ thường trực, có 3 điều (7,8,9), điều 7 nêu nguyên tắc làm việc của Ban chỉ đạo:

- Ban chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Trưởng Ban chỉ đạo căn cứ vào ý kiến của các thành viên trong Ban để quyết định vấn đề.

- Ban chỉ đạo gồm các thành viên từ nhiều Bộ, mỗi thành viên có trách nhiệm giải quyết những nội dung công việc thuộc lĩnh vực Bộ mình phụ trách. Những công việc phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch công tác nếu vượt quá thẩm quyền giải quyết của một Bộ sẽ được thảo luận tập thể dân chủ trong các kì họp của Ban chỉ đạo, để thống nhất biện pháp giải quyết, hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 8 nêu chế độ làm việc của Ban chỉ đạo, Tổ thường trực. Điều 9 nêu chế độ tài chính.

Chương IV. Điều khoản thi hành, qui định qui chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày kí ban hành. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề phát sinh ngoài phạm vi điều chỉnh của qui chế này, các thành viên Ban chỉ đạo cần kịp thời đề xuất để nghiên cứu, bổ sung cho phù hợp.

Cơn bão số 5 (LINDA) xuất hiện đầu tháng 11/1997 đã gây những thiệt hại vô cùng nghiêm trọng cho các tỉnh Nam Bộ, đặc biệt là cho ngành thủy sản ở các địa phương này. Hàng nghìn tàu thuyền bị đắm, hàng nghìn ngư dân có kinh

nghiệm khai thác hải sản bị thiệt mạng làm giảm sút năng lực sản xuất của ngành trong thời gian trước mắt và lâu dài.

Ta thử tìm một số nguyên nhân dẫn đến các thiệt hại đau lòng này để rút kinh nghiệm:

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NHỮNG THIẾT HẠI CHO TÀU THUYỀN ĐÁNH CÁ QUA CƠN BÃO SỐ 5 VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT ĐỂ TRÁNH THIẾT HẠI VỀ SAU

Về khách quan: Đa số các cơn bão thường được hình thành ở Thái Bình Dương, chuyển động qua Philippin vào Biển Đông, nhưng cơn bão số 5 này hình thành ngay trong Biển Đông. Sáng sớm ngày 1/11/1997 một vùng áp thấp đã mạnh lên thành áp thấp nhiệt đới trên vùng biển phía đông nam quần đảo Trường Sa. Trưa 1/11 vị trí tâm bão ở 8 độ vĩ bắc, 111,9 độ kinh đông, sức gió mạnh cấp 8 và di chuyển theo hướng tây tây bắc. Vùng biển này lâu nay ít chịu ảnh hưởng của bão nên sự xuất hiện của cơn bão số 5 ngay trong Biển Đông gây cho ngư dân sự bất ngờ. Về cường độ, cơn bão số 5 cũng tương đương với các cơn bão mạnh của những năm trước (cấp 9, cấp 10) nhưng tâm bão số 5 đi ngang qua các ngư trường mà nhiều tàu thuyền của ngư dân đang hoạt động nên gây ra thiệt hại lớn hơn nhiều so với các năm trước.

Về chủ quan: Do vùng biển Nam Bộ ít khi có bão nên ngư dân không có kinh nghiệm phòng chống bão. Có thể nói phần đông ngư dân ở đây không có sự hiểu biết về các qui luật cơ bản của hiện tượng thời tiết vô cùng nguy hiểm này.

Trên các tàu thuyền hầu như không có trang bị các dụng cụ tối thiểu cần thiết để quan trắc thời tiết, ngư dân thường chỉ dự đoán thời tiết bằng cảm quan và theo kinh nghiệm lưu truyền, do đó xử trí không

được linh hoạt trước những diễn biến thời tiết khác thường.

Có thể nêu một vài trường hợp cụ thể:

Những tàu thuyền đang hoạt động ở phía Biển Đông (tây nam Trường Sa hoặc phía đông Côn Đảo) mà chạy vào trú bão ở Côn Đảo hoặc Cà Mau, Vũng Tàu có thể do không nghe được bản tin thời tiết hoặc nghe được nhưng không nắm được nguyên tắc điều động tàu tránh bão dựa theo hướng gió trong từng phần của cơn bão để đưa tàu ra xa tâm bão, trên tàu không có áp kế để theo dõi sự thay đổi của áp suất trong quá trình đi tránh bão, nên các tàu đó không biết mình đi tránh đã đúng hướng hay chưa, vì vậy đã đưa tàu vào trú ở nơi mà tâm bão sẽ đi qua nên bị tổn thất nặng nề.

Trong trường hợp này, nếu những tàu đang ở dưới vĩ tuyến 8 độ bắc (nằm bên trái đường đi của bão), sau khi nghe dự báo thời tiết về vị trí tâm bão lúc 13 giờ ngày 1/11 thì tốt nhất là nên đi tránh về hướng nam, sang vùng biển của Malaixia hoặc Indônêxia, để cho gió thổi vào đuôi phải của tàu, bởi vì cơn bão ở bắc bán cầu có hướng gió xoáy theo chiều ngược kim đồng hồ. Thực tế, trong cơn bão số 5 vừa qua những tàu đi tránh về hướng này đều đảm bảo được an toàn. Chắc chắn nhiều người trong số đó đã biết được qui luật là đối với

cơn bão ở bắc bán cầu thì nửa phần cơn bão về phía trái ít nguy hiểm hơn và bão thường không thể hình thành ở vùng gần xích đạo do các hướng gió triệt tiêu nhau. Như vậy rõ ràng có hiểu biết về qui luật của thời tiết nói chung và bão nói riêng, cũng như nắm được các nguyên tắc điều động tàu trong lúc có bão thì sẽ đảm bảo được an toàn ở mức độ cao hơn.

Tàu thuyền đã về bến nhưng cũng do thiếu hiểu biết về phòng chống nên khi bão đến các tàu thuyền va đập vào nhau hoặc va vào cầu cảng cũng bị vỡ nhiều.

Để có thể hạn chế được những thiệt hại trong các cơn bão sau này, tác giả xin có một số đề xuất:

1. Kinh nghiệm dân gian trong dự báo thời tiết là vô cùng quý báu, nhưng nếu ngư dân được trang bị một số kiến thức khoa học cơ bản về thời tiết (chủ yếu về bão) và nguyên tắc điều động neo buộc tàu thuyền tránh bão thì chắc chắn việc kết hợp giữa lí thuyết và kinh nghiệm thực tế sẽ đem lại những kết quả tốt hơn.

2. Cần tuyên truyền và vận động ngư dân trang bị trên tàu của mình những dụng cụ quan trắc thời tiết tối thiểu cần thiết như:

- Áp kế - để đo áp suất.

- Áp kí - tự ghi sự dao động của áp suất không khí trong ngày.

- Máy đo gió cầm tay.

Và hướng dẫn cho họ cách sử dụng. Chỉ cần các dụng cụ đơn giản rẻ tiền này, mỗi tàu đã có thể tự phát hiện được triệu chứng có bão và dự đoán được gần đúng hướng đi của bão. Những tàu có điều kiện hơn thì có thể trang bị các máy hiện đại như máy thu bản đồ thời tiết và ảnh mây qua vệ tinh các loại:

- Facsimile receiver

- Satellite weather and oceanographic display.

Nếu có các máy này thì độ an toàn đảm bảo được rất cao vì tâm bão sẽ được

thể hiện chính xác trên bản đồ thời tiết bằng các đường đẳng áp hay bằng ảnh mây.

3. Các tàu đi biển không nên chỉ dựa vào duy nhất một nguồn dự báo thời tiết của cơ quan khí tượng thủy văn Việt Nam vì nhiều khi tàu hoạt động xa vùng biển Việt Nam và do ảnh hưởng của giông bão không thu được bản tin thời tiết nên rất bị động mà cần sử dụng cả dự báo thời tiết của các nước khác trong khu vực (qua vệ tinh hoặc qua sóng phát thanh, qua điện báo được phát rất đều đặn theo các giờ qui định của quốc tế). Ngoài ra, các tàu cần chủ động tự dự báo cho mình để cụ thể hóa được tình hình thời tiết trong vùng tàu mình hoạt động hoặc trong trường hợp xấu nhất, không thu được bản tin thời tiết thì cũng không phải bó tay phó mặc cho số phận. Có thể tổ chức thành những đội tàu, trong đó "tàu mẹ" được trang bị những máy móc tốt để dự báo thời tiết cho đội tàu.

4. Về mặt quản lí nhà nước, cần có sự quan tâm của các cấp để cho mỗi con tàu rời bến, thuyền viên đều có đủ hiểu biết cần thiết về thời tiết và có đủ thiết bị để theo dõi dự báo thời tiết. Trường đại học Thủy sản (Khoa khai thác) có thể giúp các cơ quan và các địa phương phổ biến kiến thức và hướng dẫn kĩ thuật cho ngư dân khi có yêu cầu.

Những điều này không phải là mới đối với các nước phát triển, nhưng ở nước ta việc trang bị kiến thức và thiết bị như trên chưa trở thành nhu cầu và tập quán của ngư dân, các cấp chính quyền cũng chưa có sự quan tâm đúng mức. Hi vọng rằng trong thời gian tới với sự quan tâm của ngành thủy sản và Nhà nước, ngư dân sẽ nhận thức được đầy đủ hơn tầm quan trọng của việc đảm bảo an toàn cho con người và con tàu trong mỗi chuyến biển để phát triển sản xuất ■

NGÔ VĂN THAO

2. Bình Thuận, nghề giã cào đơn công suất thấp, hoạt động tại vùng biển sâu dưới 20m, gây tổn hại cho nguồn lợi và môi trường thủy sản (bắt cá con, cào xối đáy biển gây ô nhiễm), vì vậy nghề này đã bị cấm hoạt động.

Nhưng bỏ nghề giã cào thì sẽ chuyển sang làm nghề gì để nuôi sống gần 10% ngư dân ở đây?

Thời gian qua, do ngành chức năng chưa trả lời được thỏa đáng câu hỏi trên, nên nhiều thuyền giã cào vẫn lén lút hoạt động. Số thuyền vi phạm bị kiểm ngư bắt giữ khá nhiều nhưng phạt theo qui định lại rất khó, vì hầu hết họ là ngư dân nghèo.

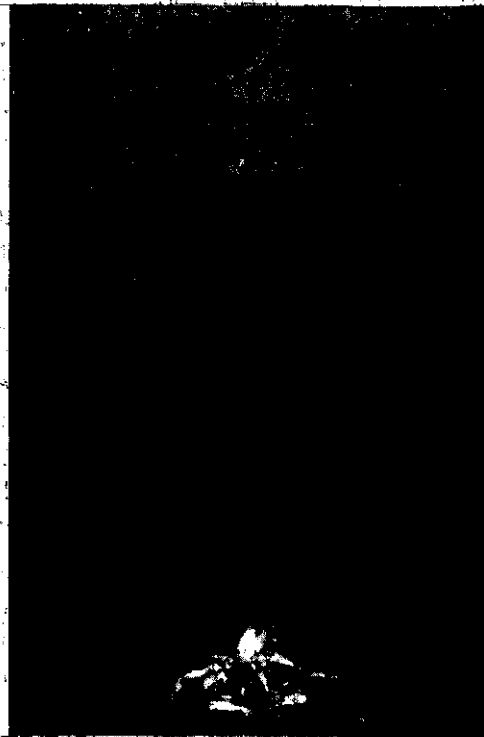
Nói chung, đa số ngư dân đều muốn làm ăn nghiêm túc, từ bỏ nghề lạc hậu, nhưng giải bản hoặc bán phương tiện nhỏ và cũ lấy tiền đóng tàu lớn đánh bắt khơi xa thì vẫn chưa đủ 30% vốn tự có. Mà qui định vay vốn ưu đãi thuộc "Chương trình khai thác hải sản xa bờ" ngư dân phải có 30% vốn được Nhà nước cho vay 70% tổng vốn cần thiết. Cũng vì lý do này mà năm 1997, thị xã Phan Thiết có 3 dự án đã được xét vay vốn đóng tàu lớn nhưng chỉ có 1 dự án trở thành hiện thực.

Tuy nhiên, trong cái khó đã lộ cái khôn! Thời gian gần đây, do nghề sản xuất tôm giống nhân tạo phát triển mạnh, cần nhiều tôm mẹ để sinh sản, giá lại cao, tình hình này đã khơi dậy nghề cũ quê hương của một số ngư dân gốc Đồ Sơn (Hải

Phòng) trước đây vào làm ăn ở huyện Hàm Tân (Bình Thuận). Đó là nghề *rê tôm 3 lớp*, khai thác các loại tôm có giá trị kinh tế cao, chất lượng tốt. Trong đó, nếu bắt được tôm sú mẹ 0,1kg/con trở lên sẽ có giá rất cao, triệu đến hàng chục triệu đồng! Và cũng

vẫn không đáp ứng cầu là nhờ nguồn nước ít bị ô nhiễm, tôm mẹ ở biển Bình Thuận được các nhà sản xuất tôm giống đánh giá tốt so với tôm mẹ các nơi khác. Và chỉ có lưới rê tôm 3 lớp, nhờ đặc điểm hoạt động nhẹ nhàng, đã hội đủ yêu cầu đánh bắt được tôm mẹ khỏe mạnh và không bị tổn thương.

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN



Nghề nào, sản phẩm đó

bằng cách chuyển nghề

Về phương diện bảo vệ nguồn lợi, lưới rê tôm 3 lớp do phương thức hoạt động "thụ động", không thu hút, dẫn đuổi bắt hàng loạt sinh vật như nghề giã cào và các nghề dùng ánh sáng khác. Chính vì vậy mà hợp nghề lưới rê, trong đó có rê tôm 3 lớp, đang được khuyến khích phát triển. Chúng chủ động "thả" những con vật còn nhỏ ra bằng cách sử dụng kích cỡ mắt lưới thích hợp.

Với con tàu 30CV hoạt động nghề giã cào đơn, tại Bình Thuận, mỗi ngày khai thác trung bình được 300kg sản phẩm, chủ yếu là cá tạp với tổng giá trị khoảng 5-6 trăm ngàn đồng. Nhưng nếu bị bắt thì lỗ to! Thế nhưng, cũng với con tàu ấy, nếu trang bị nghề rê tôm 3 lớp, có quyền được hoạt

đồng quanh năm trên biển (chỉ trừ một số khu vực nhỏ là bãi tôm giống đã được thông báo), tuy mỗi ngày sản lượng đánh bắt không cao nhưng toàn hàng xuất khẩu, thu trên 1 triệu đồng. Đó là chưa kể, chỉ cần bắt được 1 con tôm sú mẹ đạt tiêu chuẩn chất lượng thì ngày hôm đó sẽ lãi lớn.

Về vốn đầu tư, vốn con tàu nhỏ, nhưng giá một vàng lưới rê tôm 3 lớp cao hơn vàng lưới già cào. Để bù lại, lượng tiêu hao dầu chạy máy ở nghề lưới rê lại thấp đáng kể so với nghề già. Vì sao ? tàu nghề rê tự động trôi theo dòng nước, còn tàu nghề già thì phải chạy máy hết công suất liên tục trong thời gian hoạt động. Cũng do đó mà máy và vỏ tàu làm nghề già cào năng phải sửa, tuổi thọ thấp so với nghề lưới rê.

Nghề lưới rê có thể hoạt động 24/24 giờ trên ngư trường đáy tương đối bằng phẳng, ít cua ghe, ốc gai, san hô và cho năng suất đánh bắt cao nhất vào lúc bình minh và hoàng hôn. Còn nghề già cào chỉ cho năng suất trung bình vào ban ngày, ban đêm rất thấp, không tận dụng được thời gian hoạt động và công suất của phương tiện.

Như vậy, chúng nào chưa đủ vốn đóng tàu to ra khơi xa thì việc vận động chuyển từ nghề già cào sang nghề rê tôm 3 lớp là bước trung gian phù hợp với đặc tính của vùng biển, với nguồn vốn eo hẹp và trình độ kĩ thuật còn hạn chế của ngư dân. Đây cũng là biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản ■

TRẦN TRỌNG THƯƠNG

● CỤC BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

Trong 2 ngày 20 và 21/2/1998, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện chương trình công tác năm 1997 và bàn biện pháp triển khai chương trình công tác năm 1998.

Hội nghị nhất trí đánh giá, năm 1997 mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng đã hoàn thành nhiệm vụ công tác được giao (cả thường xuyên và

đột xuất). Nổi bật công tác bảo vệ nguồn lợi đã đi vào nền nếp và phát huy tác dụng. Đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục, thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm, công tác đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, đăng kí, đăng kiểm, quản lý phương tiện và công tác kiểm dịch giống lưu thông trong toàn quốc. Đã tham gia tích cực, có hiệu quả và công tác tìm kiếm, cứu nạn, khắc phục hậu quả cơn bão số 5. Điển hình là các chi cục Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, Sóc Trăng, Tiếng Giang và Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về công tác năm 1998 công tác Bảo vệ nguồn lợi thủy sản toàn ngành tập trung vào 3 nội dung chính:

- Thực hiện tốt Chỉ thị 01/1998/TTg của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, đi đôi với tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm nhằm ngăn chặn, tiến tới loại trừ về cơ bản tệ dùng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản. Tăng cường công tác kiểm dịch thú y thủy sản.

- Củng cố lại tổ chức của Cục và các Chi cục. Đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ thanh tra viên bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Tiếp tục đầu tư cho lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản để đảm đương nhiệm vụ.

- Về công tác quản lý nhà nước, tiếp tục rà soát các văn bản pháp qui để sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới để đáp ứng nhu cầu quản lý ngành.

● TẬP HUẤN ĐĂNG KÍ, ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Để thực hiện chủ trương của Nhà nước về đánh cá xa bờ, được sự đồng ý của lãnh đạo Bộ Thủy sản, từ ngày 24 đến 26/2/1998, tại Hà Nội, Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản tổ chức lớp tập huấn đăng kí, đăng kiểm đảm bảo an toàn cho tàu cá xa bờ.

Tham dự lớp học có 80 đại biểu là các chủ đầu tư, các cơ sở đóng tàu trong và ngoài ngành thủy sản từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh, đại diện các Chi cục BVNL thủy sản thuộc các tỉnh trên và đại diện Cục, Vụ, Thanh tra thuộc Bộ Thủy sản.

Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng đã tới dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo. Cục sẽ tổ chức lớp tập huấn tương tự cho các tỉnh phía Nam từ ngày 10 đến 12/3/1998 tại thành phố Đà Nẵng.

HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG, ĐÁNH BẮT, BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN Ở BẾN TRE *một năm nhìn lại*

Trong thời gian qua, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản - một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Bến Tre đã góp phần không nhỏ trong việc giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao thu nhập của người dân, tăng kim ngạch xuất khẩu và làm giàu cho xã hội. Với địa hình sông rạch chằng chịt, Bến Tre còn có 3 huyện vùng biển: Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú với tổng chiều dài bờ biển hơn 65km, 30.000ha mặt nước nuôi thủy sản, điều đó chứng tỏ Bến Tre có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế biển và nuôi trồng thủy sản.

Mặc dù bị thiệt hại nặng nề do cơn bão số 5 gây ra, nhưng trong năm qua Bến Tre đã khai thác và đánh bắt được hơn 50.000 tấn tôm cá các loại, đạt 93% kế hoạch năm 1997, tăng 3% so với cùng kỳ năm 1996. Hiện nay toàn tỉnh có trên 1.831 chiếc tàu đánh bắt các loại với tổng công suất gần 90.000CV, trong đó có 144 chiếc có công suất lớn có khả năng hoạt động đánh bắt xa bờ. Lượng tàu tuy có giảm 17 chiếc so với năm 1996 (không kể số tàu bị chìm trong cơn bão số 5 chưa trục vớt được) nhưng công suất vẫn tăng 980CV, công suất bình quân cho mỗi phương tiện đạt 44,22CV, so với năm 1996 là 43,28 CV trên một phương tiện, tăng 2,1%. Để khắc phục hậu quả cơn bão số 5, với nguồn vốn cho vay ưu đãi bước đầu đã triển khai đóng mới 11 tàu có công suất từ 90CV đến 320CV cho bà con ngư dân ở 3 huyện Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú. Hầu hết các phương tiện đóng mới đều đăng ký hoạt động đánh bắt xa bờ như nghề cào khơi, câu mực, chuyển tải hải sản, vây kết hợp ánh sáng.

Nghề nuôi tôm, cua, nghêu, sò huyết đang phát triển mạnh. Ngoài diện tích chuyên nuôi hơn 13.000ha, ngư dân các xã vùng biển Ba Tri, Thạnh Phú, Bình Đại đã tận dụng các vùng đất bãi bồi ven sông, ven biển hơn 2.000ha để nuôi sò huyết, cua

biển... Năm qua, tổng sản lượng nuôi thủy sản đạt 42.260 tấn, trong đó 5.580 tấn tôm, 7.490 tấn cá và hơn 28.400 tấn nghêu, sò cung cấp cho tiêu dùng và cho xuất khẩu.

Mặc dù nghề nuôi trồng - đánh bắt thủy sản đóng một vai trò không nhỏ trong việc phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, nhưng việc bảo vệ và làm giàu nguồn lợi thủy sản vẫn được Bến Tre coi là mục tiêu quan trọng. Chi cục BVNLTS tỉnh đã tiến hành triển khai Nghị định 48/CP của Chính phủ đến tận người dân, tổ chức tuyên truyền 12 đợt với hơn 1.140 lượt người tham gia, phát hành hơn 700 quyển tài liệu về các văn bản xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVNL thủy sản để giúp cho bà con ngư dân hiểu được các chủ trương chính sách của Nhà nước. Tiến hành kiểm ngư 3.554 lượt, xử lý 462 vụ, trong đó nhắc nhở 222 vụ, cảnh cáo 38 vụ, phạt 202 vụ. Ngoài ra Chi cục cũng đã kiểm tra quản lý tốt các nguồn giống di nhập, kiểm dịch trên 55 triệu con giống các loại, phát hiện 15 trường hợp di nhập trái phép, huỷ hơn 120 ngàn con tôm giống bị nhiễm bệnh, đồng thời phối hợp với Trung tâm Khuyến ngư và các cơ quan chức năng ở địa phương thường xuyên theo dõi tình hình nuôi của bà con ngư dân, kịp thời đề ra những khuyến cáo cần thiết cũng như hướng dẫn các kỹ thuật nuôi nhằm khắc phục các sự cố kỹ thuật phát sinh trong quá trình nuôi. Đặc biệt trong thời gian qua Chi cục cũng đã nhận và giải quyết được nhiều đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân về việc vi phạm ở lĩnh vực đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Vì vậy trong thời gian qua tình hình nuôi trồng và đánh bắt thủy sản ở Bến Tre ngày càng có hướng phát triển tích cực; điều đó cho thấy nếu mọi người cùng tham gia công tác BVNL thủy sản là góp phần ngày càng ổn định và phát triển thủy sản tỉnh Bến Tre ■

HOÀNG NGUYỄN

Tin bảo vệ nguồn lợi thủy sản

BẠC LIÊU

Thực hiện Nghị định 40/CP của Thủ tướng Chính phủ về đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa và Quyết định số 816 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc qui hoạch sắp xếp lại các hàng đáy trên các đoạn sông do trung ương quản lý thuộc địa bàn tỉnh, năm qua Chi cục chủ động phối hợp với Đoàn quản lý đường sông số 14 và Công an giao thông đường thủy đo đạc lại, sắp xếp được 325 hồ, giải toả 60 cơ sở với 129 miếng đáy. Công tác bảo vệ nguồn lợi được chú trọng. Chi cục đã tiến hành điều tra cá bản và nắm lại toàn bộ tình hình nuôi trồng, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển giống thủy sản và hướng dẫn, tuyên truyền cho bà con ngư dân ý thức bảo vệ nguồn lợi. Đồng thời để quản lý con giống có hiệu quả, Chi cục đã đầu tư 80 triệu đồng mua trang bị kỹ thuật, tham gia các lớp tập huấn và kiểm tra được hơn 960 triệu con giống nhập tỉnh; cấp giấy phép di nhập giống 1939 lượt; kiểm tra và cấp giấy phép cho 100 cơ sở sản xuất, ương thuần hóa giống... Đối với những trường hợp vi phạm Pháp lệnh Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, Thú y thủy sản, Chi cục kiên quyết xử lý và đã lập biên bản vi phạm hành chính 515 vụ, trong đó có 275 trường hợp về kinh doanh giống thủy sản. Về công tác quản lý phương tiện nghề cá năm 1997 Chi cục đã kiểm tra kỹ thuật trang thiết bị an toàn, cấp giấy phép hoạt động cho 957 phương tiện với tổng công suất 40.225CV; phối hợp với Công ty Bảo hiểm tỉnh tham gia bán bảo hiểm cho người và phương tiện nghề cá hơn 600 triệu đồng; phối hợp với Chi cục trung ương III mở 4 lớp tập huấn thuyền trưởng, máy trưởng, kết quả 197 học viên tham gia được cấp bằng.

Năm 1998, Chi cục sẽ quan tâm đúng mức đến việc bảo vệ môi trường sinh thái và phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản, đồng thời khuyến khích bà con ngư dân và các doanh nghiệp đầu tư tàu thuyền có công suất lớn để đánh bắt thủy sản ở ngư trường xa bờ; từng bước công nghiệp hóa ngành thủy sản gắn khai thác đi

đôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản, phát huy nguồn lực cao nhất để đầu tư phát triển ngành, đẩy mạnh nghề nuôi cá đồng và các thủy đặc sản khác.

CAN THO

Nhằm nâng cao ý thức của bà con ngư dân về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, năm qua Chi cục đã triển khai nhiều phương pháp tuyên truyền như: in và phát hành 10.000 tờ bướm về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, xử phạt hành chính trong lĩnh vực thủy sản; vết thị 2.000 áp phích "Cấm sử dụng xung điện, chất độc khai thác thủy sản", mở các lớp tập huấn kỹ thuật và pháp luật cho các cơ sở kinh doanh giống thủy sản. Công tác quản lý giống, phương tiện nghề cá, thanh tra và xử lý vi phạm được đẩy mạnh. Năm 1997, Chi cục đã cấp giấy phép cho 67/69 cơ sở kinh doanh sản xuất giống thủy sản, tịch thu và hủy bỏ 4.182 bộ xung điện (dân tự giác nộp 1.467 bộ), 47 dynamo, 21 dàn lưới mắt nhỏ, 78 bình acqui; phạt 97,15 triệu đồng về vi phạm BVNL thủy sản, đặc biệt có 8 vụ dùng chất độc, 15 ghe cào dùng điện để khai thác thủy sản.

Chi cục đã coi trọng công tác phát triển nuôi thủy sản để bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên. Qua 2 năm tích cực bảo vệ nguồn lợi thủy sản, cá đồng tự nhiên từng bước được phục hồi.

Năm 1998, về bảo vệ nguồn lợi thủy sản Chi cục hướng vào việc triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 01 của Thủ tướng Chính phủ; với nghề cào sông vận động ngư dân chuyển nghề, không phát triển thêm phương tiện. Nâng cao hơn nữa công tác kiểm dịch và thú y thủy sản. Quan tâm đúng mức đến phát triển nguồn lợi thủy sản. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền.....

PHU YEN

Mặc dù có nhiều khó khăn về khách quan và chủ quan, thiếu thốn về cơ sở vật chất, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ Chi cục trong năm qua đã thu được những kết quả đáng khích lệ, số vụ vi phạm về BVNL thủy sản giảm, đặc biệt việc khai thác trong

vùng cấm, tranh chấp ngư trường bị xảy ra. Thực hiện chủ trương bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Chi cục đã vận động các trại sản xuất thả 3 vạn tôm giống xuống biển, hướng dẫn các biện pháp phòng chống, ngăn ngừa lây lan bệnh cho người nuôi tôm. Khi xảy ra bệnh phát triển ở huyện Tuy Hoà, Tuy An, Chi cục đã phối hợp UBND các huyện kiểm tra tình hình và có biện pháp dập tắt kịp thời; đã kiểm tra 29,1 ha, xử lý tiêu độc 13,4 ha đĩa tôm. Kiểm tra chất lượng và kiểm dịch 12,2 triệu tôm sú giống nhập tỉnh, 18,38 triệu tôm sú giống trong tỉnh. Ngoài ra, Chi cục đã tổ chức thực hiện tốt công tác cấp giấy đăng ký kinh doanh cho 9 cơ sở kinh doanh thức ăn và 3 cơ sở kinh doanh thuốc thú y thủy sản; cấp phép di chuyển lực lượng khai thác cho 184 phương tiện; đăng ký và cấp giấy phép hoạt động nghề cá cho 1.415 phương tiện với tổng công suất 31.216CV.

Phát huy những thành tích đã đạt được, năm 1998 Chi cục sẽ tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng thanh tra viên, 2 tàu kiểm ngư với sự phối hợp của các cơ quan liên quan để ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp dùng chất nổ, xung điện để khai thác thủy sản ở khu vực cấm kể cả trong khu vực nội đồng; vận động các trại sản xuất thả 10 vạn tôm giống, để tái tạo nguồn lợi thủy sản, phấn đấu 85% tàu thuyền được kiểm tra, đăng ký.

YÊN BÁI

Do công tác quản lý nhiều năm bị buông lỏng, tệ dùng chất nổ, xung điện, dùng lưới có mắt lưới quá nhỏ để đánh bắt thủy sản làm cho nguồn lợi thủy sản hồ Thác Bà ngày một cạn kiệt. Để bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên hồ, từ ngày thành lập (10/1997) Trung tâm thủy sản Yên Bái đã có nhiều hoạt động: đã phối hợp với các huyện, xã cơ quan quản lý mặt hồ tổ chức hội nghị cho 124 cán bộ về Pháp lệnh bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, và thống nhất biện pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phối hợp với các cơ quan truyền thông đại chúng ở địa phương tuyên truyền pháp



Lãnh đạo tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia thả cá giống xuống hồ Thác Bà

lệnh và qui chế của tỉnh về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Song song với các biện pháp trên, tháng 12/1997 Trung tâm đã tổ chức thả 25 vạn cá giống xuống hồ. Năm 1998, ngoài việc tuyên truyền, Trung tâm tăng cường công tác quản lý, như việc tổ chức đăng ký thuyền nghề, phân giao mặt nước cho xã, hộ nông dân quản lý và thả tiếp 50 vạn cá giống xuống hồ.

TIỀN GIANG

Thực hiện chiến lược đào tạo con người phục vụ cho chương trình khai thác xa bờ của tỉnh Tiền Giang nói riêng và cả nước nói chung.

Được sự cho phép của Bộ Thủy sản, từ ngày 19- 24/1/1998, Chi cục bảo vệ nguồn lợi thủy sản Tiền Giang đã phối hợp cùng trường trung học kỹ thuật và nghiệp vụ thủy sản II tổ chức lớp bồi dưỡng nâng hạng cho 61 thuyền, máy trưởng tàu cá ven biển loại nhỏ tại khu vực thành phố Mỹ Tho.

Qua lớp học, các học viên đã được trang bị thêm các kiến thức và thao tác hàng hải cần thiết, các kiến thức về vật liệu ngư cụ, công tác bảo dưỡng, phát hiện và sửa chữa những hư hỏng thường gặp ở các loại máy thủy....

Kết quả kiểm tra sau khóa học, 100% học viên đạt yêu cầu và được cấp giấy chứng nhận thuyền, máy trưởng tàu cá hạng 5 ■

TRÍCH CHỈ THỊ SỐ 01/1998/CT-TTC NGÀY 02/1/1998 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC NGHIÊM CẤM SỬ DỤNG CHẤT NỔ, XUNG ĐIỆN, CHẤT ĐỘC ĐỂ KHAI THÁC THỦY SẢN

1. Nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản ở tất cả các vùng nước.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Bộ Công nghiệp phải có biện pháp quản lý nghiêm ngặt các nguồn thuốc nổ, kíp nổ, dây cháy chậm, chất độc theo đúng qui định của Nghị định số 47/CP ngày 12/1996 của Chính phủ; kiên quyết không để rò rỉ, thất thoát ra ngoài thị trường dưới mọi hình thức các loại vật liệu này.

3. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng chỉ đạo lực lượng công an và bộ đội biên phòng phối hợp với lực lượng bảo vệ nguồn lợi thủy sản của ngành thủy sản và Chính quyền các cấp ở địa phương tiến hành kiểm tra, kiểm soát, truy quét, bắt giữ các đối tượng buôn bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản và xử lý nghiêm theo pháp luật, ngay trong quý I/1998 cần lập hồ sơ truy tố một số vụ điển hình.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình của trung ương và địa phương thường xuyên tuyên truyền, phổ biến (không thu phí) về Pháp lệnh BV và DTNL thủy sản, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản; tổ chức một số đợt tập trung tuyên truyền bằng nhiều hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của việc đánh bắt thủy sản bằng chất nổ, chất độc, xung điện nhằm làm cho mọi người có ý thức coi việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản là trách nhiệm của toàn dân.

5. Bộ Thủy sản chủ trì phối hợp với các bộ, ban, ngành trung ương và chính quyền địa phương trong việc triển khai thực hiện Pháp lệnh BV và DTNL thủy sản và các qui định của Chính phủ về cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản; chỉ đạo Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các Sở Thủy sản phối hợp với các lực lượng của các ngành và các địa phương tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của tàu thuyền đánh cá trước khi rời bến đi sản xuất trên biển; tiến hành việc kiểm tra, kiểm soát cả trên đất liền, phát hiện các trường hợp tàng trữ, vận chuyển chất nổ, chất độc, xung điện cung cấp cho các tàu thuyền đánh cá và cả các sản phẩm thủy sản bị đánh bắt bằng phương tiện này để xử lý theo qui định hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, quận, xã, phường, triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị này. Có kế hoạch và phân công cụ thể cho các ban, ngành và các lực lượng có chức năng kiểm tra, kiểm soát ở địa phương để làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân thực hiện nghiêm chỉnh các qui định về cấm sử dụng chất nổ, chất độc, xung điện vào khai thác thủy sản. Đồng thời phối hợp với các ngành trung ương và các địa phương ban tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát và xử lý kịp thời các vụ vi phạm về quản lý vật liệu nổ và đánh bắt thủy sản bằng chất nổ, chất độc, xung điện. Có kế hoạch điều tra, phân loại để có biện pháp giúp đỡ ngư dân nghèo phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác thủy sản bằng các công cụ phù hợp.

7. Bộ Thủy sản và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có kế hoạch chủ động phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh trong việc vận động, tuyên truyền, giáo dục nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, đấu tranh ngăn chặn các hành vi khai thác thủy sản bằng chất nổ, chất độc, xung điện.

8. Kinh phí hàng năm phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và kiểm tra, truy bắt các hoạt động khai thác thủy sản bằng chất nổ, xung điện và chất độc được trích từ tiền thu được do xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản....

9. Bộ Thủy sản có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KHUYẾN NGƯ NĂM 1998

Căn cứ vào phương hướng phát triển của ngành năm 1998 là tổ chức cho ngư dân ra khai thác ở vùng biển xa bờ, sắp xếp lại vùng khai thác gần bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản toàn diện, từng bước nâng cao năng suất sản lượng.

Căn cứ vào kế hoạch và kinh phí Nhà nước giao, phương hướng, nhiệm vụ khuyến ngư năm 1998:

1. Phương hướng

- Ưu tiên cho việc tập huấn khai thác vùng biển xa bờ. Phát triển nuôi trồng thủy sản biển thuộc các vùng có điều kiện, tạo điều kiện cho việc chuyển nghề khai thác lạc hậu sang nuôi trồng thủy sản.

- Tập trung xây dựng mô hình và tập huấn cho vùng sản xuất hàng hóa lớn là tôm sú, tôm càng xanh và một số đối tượng khác.

- Mở rộng việc nuôi trồng thủy sản biển trên các đối tượng đã có và phát triển một số đối tượng mới.

- Mở rộng các mô hình nuôi trong ruộng, thực hiện nuôi thâm canh một số đối tượng như cá rô phi, tôm sú làm cơ sở mở rộng trong các năm sau.

- Thực nghiệm một số mô hình sản xuất giống mới, thức ăn, thuốc chữa bệnh, trên cơ sở đó để xuất chủ trương nhập giống, thức ăn, thuốc chữa bệnh, đồng thời liên doanh sản xuất nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Xây dựng mô hình nuôi trên hồ chứa để có cơ sở mở rộng những năm tới.

- Chỉ đạo tốt hệ thống thông tin để nắm tình hình sản xuất, chống lụt bão, an toàn trên biển, trên cơ sở đó để xuất chủ trương mới về chỉ đạo sản xuất.

2. Nhiệm vụ cần tập trung

- Chỉ đạo xây dựng mô hình về nuôi tôm sú, tôm càng xanh tạo sản phẩm hàng hóa, tập trung nuôi cá ruộng theo công thức: 2 lúa + cá, tôm, vườn + cá; vụ lúa + vụ cá trên qui mô 50 - 100ha, nhằm đạt giá trị cao tạo cơ sở mở rộng những năm tới.

- Xây dựng mô hình nuôi hải sản trên biển với các đối tượng: trai ngọc, rong sụn, nuôi trong lồng ở các vùng, từng bước nuôi hải sản, bào ngư, vẹm xanh.

- Xây dựng một số mô hình nuôi hồ chứa, phòng trị bệnh, thức ăn công nghiệp, nuôi thâm canh một số đối tượng.

- Làm văn bản đề nghị bổ xung cơ chế đầu tư cho xây dựng mô hình khai thác như thả chà, cải tiến nghề, chuyển nghề khai thác sang nuôi trồng thủy sản và chế độ cho tập huấn khai thác.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức giúp dân tiếp thu học tập làm theo.

- Tổ chức tham quan trong và ngoài nước theo các chuyên đề.

Làm giàu nhờ nuôi cua biển

Nhiều năm trước đây, gia đình anh Trần Thanh Quang phải chịu đựng cuộc sống thiếu thốn trước huyệt sau. Những lúc cơ nhỡ, anh Quang và vợ phải đi làm mướn mới mong bảo đảm cái ăn cho con cái. Năm 1992 anh thử thời vận, chuyển sang nghề nuôi cua. Với 1,5 công đất rẫy nằm cạnh rạch cầu Vĩ (Ba Trĩ - Bến Tre) nối liền với sông Hàm Luông, anh đào đắp thành bốn vuông nuôi cua. Hàng năm theo âm lịch công việc thả nuôi bắt đầu từ tháng 6 đến cuối tháng 10 là kết thúc vụ. Nguồn cua giống anh mua từ các vuông nuôi tôm, hoặc các ghe cào trên biển. Mỗi vuông anh thả nuôi khoảng 100kg cua giống (loại cua ộp) sau 20 ngày vỗ béo là thu hoạch. Cứ thế xoay vòng cho đến cuối vụ.

Anh Quang kể: Nuôi cua đòi hỏi nhiều kĩ thuật, đặc biệt là phải có nhiều kinh nghiệm về môi trường thả

nuôi, kể đến là chọn thức ăn, thời gian cho ăn, chu kì thay nước mới.... Vì vậy, cua của anh có tỉ lệ hao hụt rất ít (từ 2% đến 8%). Từ ngày nuôi cua đến nay, hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước.

Với nguồn vốn ban đầu là 2,6 triệu đồng, anh đầu tư nuôi cua đem lại thu nhập bình quân mỗi năm trên 10 triệu đồng (đã trừ các chi phí sinh hoạt gia đình). Mùa vụ năm 1997, anh Quang đầu tư con giống 25 triệu đồng, sau mấy vòng thu hoạch anh đã thu tròn 60 triệu đồng. Ngoài ra vợ chồng anh Quang còn làm vệ tinh thu mua cua từ người nuôi và ngư dân đánh bắt được vùng ven biển. Bình quân mỗi ngày anh mua được khoảng 100kg, lời 1.000đ/kg. Lúc cao điểm mỗi ngày anh mua hơn 400kg.

Không cam chịu đói nghèo, phần đầu vươn lên làm giàu bằng sức cần cù và sự nhạy bén, giờ đây gia đình anh Trần Thanh Quang đã có của ăn của để, vốn tích lũy ngày càng cao, con cái có điều kiện học hành giỏi giang không thua chị kém em.

LÊ MINH HOÀNG

KINH NGHIỆM RÚT RA

*từ những đầm nuôi tôm sú có
lãi ở các tỉnh miền Bắc*

Hậu quả của bão lụt năm 1996 làm cho ngư dân thiếu vốn bởi trục ao, đầm, mua con giống và nhìn chung phong trào nuôi tôm bị chững lại. Mãi đến trung tuần tháng 3/1997, nhờ khuyến ngư mở các lớp tập huấn, xây dựng mô hình, một số tỉnh được lãnh đạo quan tâm, ngân hàng cho dân vay vốn, từ đó phong trào nuôi tôm sú sôi động trở lại ở 8 tỉnh ven biển từ Hà Tĩnh đến Quảng Ninh. Số lượng tôm giống P15 chuyển từ miền Trung ra cung ứng cho dân nuôi đạt 48 triệu con, so năm 1996, tăng 6 triệu con.

Hình thức nuôi chủ yếu "quảng canh cải tiến". Nhờ thời tiết thuận, việc điều phối con giống chặt chẽ, đa số con giống chuyển từ miền Trung ra bảo đảm chất lượng; nhiều nơi dân có ý thức cải tạo đáy bằng cách phơi đầm, cày, cuốc, bón phân chuồng, vôi bột tạo màu cho đầm nuôi nên tôm chóng lớn, có đầm nuôi 3 tháng tôm đạt loại 2, loại 3. Năm nay giá bán cao so với năm 1996. Khoảng 35 - 40% đầm nuôi tôm sú có lãi, đầm lãi ít 10 - 15 triệu đồng, đầm lãi nhiều 50 - 80 triệu đồng, cá biệt có vài đầm lãi 100 - 200 triệu đồng.

Kết quả năm 1997, sản lượng tôm sú các tỉnh miền Bắc thu được 299 tấn, doanh thu đạt 25.415 triệu đồng, trong đó: Hà Tĩnh 22 tấn, Nghệ An 50 tấn, Thanh Hóa 70 tấn, Nam Định 30 tấn, Thái Bình 20 tấn, Hải Phòng 65 tấn, Quảng Ninh 40 tấn, Ninh Bình 2 tấn.

Nhiều mô hình hộ gia đình nuôi đúng qui trình kĩ thuật đạt hiệu quả kinh tế cao. Ông Hồ Sĩ Hải, Nguyễn Văn Đức xã Quỳnh Lộc, ông Nguyễn Đình Phùng xã Quỳnh DI, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An, ông Vũ Văn Chủ xã Nghĩa Thắng, ông Nguyễn Văn Táo xã Nghĩa Phúc, huyện Nghĩa Hưng, Nam Định, thu lãi 50-70 triệu đồng. Nhiều đầm ở huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa; huyện Thái Thụy, Thái Bình; thị xã Đồ Sơn, Hải Phòng cũng đạt kết quả tương tự.

Nghiep đoàn đánh cá xã Hải Dương được thành lập bởi Công đoàn ngành thủy sản Thừa Thiên - Huế từ đầu năm 1997 với 20 thành viên. Thực chất nghiệp đoàn được hình thành từ thắng lợi của mô hình khuyến ngư "Du nhập nghề rê bùng bùng vào Thừa Thiên - Huế". Đây là nơi qui tụ các thành viên lấy nghề lưới rê bùng bùng làm nghề đánh bắt chính. Công tác tổ chức, sinh hoạt nơi đây còn nhiều lúng túng, chưa chính qui bài bản do trình độ ngư dân còn hạn chế, tuy nhiên quá trình hoạt động của nghiệp đoàn có nhiều nét mới đáng cho ta suy ngẫm. Quan hệ giữa các thành viên - nghiệp đoàn - công đoàn ngành - cơ quan quản lí thủy sản đã ngày càng khăng khít, chặt chẽ hơn. Nghiệp đoàn đánh cá Hải

Dương thực hiện thông tin liên lạc bằng bộ đàm, đã kịp thời giúp nhau trong sản xuất cũng như khi hoạn nạn. Sau một năm thành lập đến nay, Nghiệp đoàn đã phát triển lên 16 tàu. Đặc biệt 2 tàu công suất 110CV trong dự án đánh cá xa bờ đã được triển khai, ông Dương Văn Minh, Chủ tịch Nghiệp đoàn, cũng là người mạnh dạn trong việc vay vốn đóng tàu lớn, khai thác lưới rê bùng bùng theo lối công nghiệp, hiện đại: chiều cao lưới 36m kéo căng, chiều dài khoảng 3.000m và thu lưới bằng máy tời theo kiểu Hồng Kông, Nhật Bản.

Nghiep đoàn "rê bùng bùng" xã Hải Dương VỚI NHỮNG MẸ CÁ KỈ LỤC

Ngày 15/12/1997, tàu Hải Dương I đã hạ thủy, ngày 28/12/1997, trong lần những lưới đầu tiên, đã thu khoảng 1 tạ cá thu, trị giá 2,5 triệu đồng. Cũng trong ngày này, ông Lê Văn Phước, phó chủ tịch Nghiệp đoàn, đã có mẻ lưới kỉ lục 1,4 tấn cá thu, trị giá 35 triệu đồng (so với 14 triệu đồng là giá trị mẻ lưới lớn nhất trước đây).

Kỉ lục nối tiếp kỉ lục. Rạng ngày 29/12, tàu ông Minh đạt mẻ lưới 40 triệu, tàu ông Phước đạt 45 triệu, đặc biệt tàu ông Dương Văn Năm, vàng lưới mô hình bùng bùng đầu tiên của Thừa Thiên - Huế, đạt 4,5 tấn cá thu, trị giá 120 triệu đồng được coi là kỉ lục quốc gia. Trong đợt ra quân từ 24/12, chỉ trong 5 ngày, các thuyền nghề bùng bùng Hải Dương thu mỗi chiếc bình quân 40 triệu đồng, chiếc yếu nhất

Sở dĩ nhiều gia đình nuôi tôm sú thành công là do họ biết cải tạo ao, đầm đúng qui trình kĩ thuật; chọn mua con giống khỏe mạnh, không mang mầm bệnh, chăm sóc chu đáo và thường xuyên kiểm tra, kịp thời xử lí khi tôm thiếu oxy, thiếu thức ăn, thay nước đúng chu kì. Còn những đầm bị thất bại, lỗ vốn thì quá trình nuôi ngược lại và tôm bị còi cọc, chết dần, gần như thu hoạch tôm chết hàng loạt. Có đầm chỉ vì thiếu oxy không kịp thời xử lí tôm cũng chết hết.

Kinh nghiệm của những đầm có lãi cho thấy người nuôi tôm sú phải quan tâm 3 khâu chủ yếu sau đây:

1. Xác định được môi trường của ao, đầm có đủ điều kiện nuôi tôm sú hay không?

2. Con giống thả vào ao, đầm phải khỏe mạnh, không mang mầm bệnh, đúng thời vụ.

3. Chăm sóc chu đáo, thường xuyên kiểm tra kịp thời xử lí khi đầm thiếu oxy, tôm đói thức ăn.

Đến nay các đầm đã thu hoạch xong, bà con cần phơi đầm, cải tạo đáy cho phù hợp với môi trường nuôi tôm sú, chọn trại, chọn người mua con giống tốt thả đúng vụ, có thể mới mong bội thu năm 1998.

LÊ HỮU NHẠC

20 triệu, cao nhất hơn 130 triệu (gấp 2 lần giá trị thuyền nghề hiện có). Đội tàu thuyền nghề bùng những xã Hải Dương, với những

thành viên nghiệp đoàn có cung cách làm ăn ngày một đổi mới, đang tiếp tục bám biển và hi vọng năm 1997 sẽ tạo những kỉ lục đánh bắt đáng khích lệ hơn nữa.

NGUYỄN QUANG VINH BÌNH

Dến Hòa Lợi xã Xuân Cảnh huyện Sông Cầu (tỉnh Phú Yên) vào những ngày đầu năm 1998, chúng tôi nghe bà con quanh đây tấm tắc, trầm trồ khen ngợi nhiều về anh Huỳnh Kha một người nuôi tôm thành đạt nhất 3 năm liền thu lãi 190 triệu đồng. Theo chân những người nuôi tôm chúng tôi phải vượt qua nhiều ao đĩa nuôi tôm chẳng chịt mới đến được đĩa nuôi của anh Kha trong lúc anh đang chuẩn bị thức ăn cho tôm. Tạm dừng mọi việc trong nửa tiếng đồng hồ anh Kha đã trao đổi với chúng tôi nhiều vấn đề trong thời gian anh nuôi tôm. Anh Huỳnh Kha bắt đầu nuôi tôm sú từ năm 1995 trên diện tích 3.500 m², bờ bao anh làm rất kĩ đắp bằng đá san hô, cao khoảng 3m, xây 2 cống để lấy nước ra, vào.

Với sự cần cù, chịu khó, trời đất không phụ người lao động, năm 1995 anh nuôi 2 vụ tôm sú thu hoạch được 900 kg tôm, thu lãi 30 triệu đồng. Phần khởi trước thắng lợi đã đạt được sang năm 1996 cũng trên diện tích ấy anh thả nuôi 3 vụ, năm đó anh thu hoạch được 1.200kg sau khi trừ chi phí anh Kha thực lãi 40 triệu đồng. Từ thành công đó, đồng thời cũng rút kinh nghiệm qua các vụ nuôi, cộng vào đó thời tiết khí hậu thuận lợi năm 1997 anh thu hoạch được 1.000kg tôm sú lãi 120 triệu đồng.

Khi hỏi về thành đạt của việc nuôi tôm sú, anh Kha đã vui vẻ cho chúng tôi biết, muốn nuôi tôm phải trải qua 4 bước: thứ nhất là chọn vị trí phải là những nơi nước thông thoáng, có dòng chảy khi thủy triều lên xuống, nền

NUÔI TÔM 3 NĂM lãi 190 triệu đồng

đáy phải là cát pha bùn, bước thứ hai là chuẩn bị sau khi thu hoạch tôm phải cho đĩa nghỉ thời gian ít nhất là 1 tháng, để các cống tháo, lấy nước ra vào tự do, trước khi nuôi phải diệt tạp, bón vôi bột khử trùng, nạo vét lớp đáy ao từ 5 đến 10cm. Bước thứ 3 là chọn con giống, giống tôm từ 2 đến 3cm, cứng, to đều, khỏe, màu sắc xanh, không bị tổn thương các phần phụ bên ngoài, thả tôm vào sáng sớm hoặc 4,5 giờ chiều, thả nhẹ nhàng tránh gây sốc tôm. Bước cuối cùng thức ăn cho tôm và cách chăm sóc, loại thức ăn anh thường dùng cho tôm ăn là cá, tôm tươi, ghẹ ốc rửa sạch băm vừa miếng, thức ăn công nghiệp Đà Nẵng và thức ăn do tập đoàn CP Thái Lan sản xuất. Đến phần chăm sóc, kinh nghiệm của anh Kha là thường thay nước theo nguồn tự nhiên, thay từ 30 đến 50% nước trong đĩa. Thường xuyên lặn để kiểm tra tốc độ tôm ăn, tôm lớn, kiểm tra tình hình dịch bệnh...nhờ đó mà anh nuôi tôm đạt nhiều kết quả nhất.

Chia tay với người nuôi tôm thành đạt nhất này chúng tôi càng thêm khâm phục tính chịu khó cần cù, tính năng động sáng tạo, biết khắc phục khó khăn vươn lên làm giàu chính đáng từ bàn tay lao động.

KIỀU BA

TÍN HIỆU TỪ MỘT DỰ ÁN

Với 68 km bờ biển, nhiều cửa sông lớn, Bến Tre có vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi cho nghề khai thác thủy sản. Tuy vậy, do thiếu nguồn vốn đầu tư nên phần lớn các tàu thuyền đánh bắt hải sản đều có trọng tải nhỏ, công suất thấp, chủ yếu khai thác ở vùng biển ven bờ, dẫn đến hiệu quả đánh bắt ngày càng kém, ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 393/TTg của Thủ tướng Chính phủ, ban hành ngày 9/6/1997, Sở Thủy sản Bến Tre đã tiến hành các thủ tục tín dụng để đầu tư cho 8 dự án tàu đánh bắt hải sản xa bờ với số vốn tín dụng ưu đãi là 10 tỉ đồng. Các chủ đầu tư xin đóng mới tàu đánh cá vùng khơi xa bờ đã họp bàn thống nhất chia thành 2 nhóm:

- Nhóm 1 gồm 05 chủ đầu tư đóng mới tại Tiền Giang.
- Nhóm 2 gồm 03 chủ đầu tư đóng mới tại Nha Trang.

Các chủ đầu tư xin đóng mới tàu đánh cá vùng khơi gồm 06 cho nghề lưới vây kết hợp ánh sáng và 02 cho nghề lưới rê khơi cố định.

Đây là luồng gió mới cho ngư dân Bến Tre. Với sự đầu tư trang bị cho các tàu đồng bộ và tương đối hiện đại nhằm khai thác hải sản từ giới hạn depth sâu 30 m trở ra, các dự án sẽ thúc đẩy việc giảm áp lực khai thác ven bờ, góp phần bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác tiềm năng to lớn của vùng biển ngoài khơi, đồng thời góp phần bảo vệ lãnh hải của nước nhà.

Tính đến nay, toàn bộ dự án đã được giải ngân theo tiến độ thi công và thủ tục tín dụng với tổng số tiền đã giải ngân trên 6 tỉ đồng. Các chủ đầu tư đã hoàn thành cơ bản việc đóng vỏ tàu, thực hiện đúng tiến độ thi công nhằm sớm đưa tàu vào hoạt động.

Với biện pháp đầu tư tín dụng ưu đãi cho nghề cá, Nhà nước đã giải quyết kịp thời nhu cầu về vốn cho ngư dân, tạo điều kiện cho những ngư dân có kinh nghiệm phát huy tay nghề làm giàu một cách chính đáng, góp phần tạo công ăn việc làm, ổn định đời sống kinh tế xã hội và tạo cơ sở vững chắc cho nghề cá phát triển theo hướng công nghiệp hoá và hiện đại hóa.

LÊ MINH HOÀNG

● Ngày 24/2/1998, **BỘ TRƯỞNG TẠ QUANG NGỌC TIẾP BỘ TRƯỞNG HẢI SẢN LI BÌ XA LEM A LI XA LEM DAN NA**. Bộ trưởng Hải sản Li Bì bày tỏ sự trân trọng về mối quan hệ hợp tác với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực; mong muốn phát triển quan hệ về hải sản giữa 2 nước và chúc ngành thủy sản Việt Nam đạt nhiều thành tựu trong thời gian tới.

Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc hoàn thành và chúc mừng ngài Bộ trưởng đã sang thăm và làm việc tại Việt Nam, thông báo một số thành tựu của ngành thủy sản Việt Nam và khả năng hợp tác giữa 2 nước về thủy sản trong thời gian tới.

● CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VỚI ĐAN MẠCH

Thực hiện Bản thỏa thuận (MOU) giữa Bộ Thủy sản Việt Nam và DANIDA. Kế tháng 10/1997 về Chương trình hợp tác dài hạn, vừa qua, Thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh và ông Torben Beilers - Tham tán Sứ quán Đan Mạch phụ trách DANIDA đã thống nhất cử 03 nhóm chuyên gia Đan Mạch vào Việt Nam để cùng với các nhóm chuyên gia của Bộ Thủy sản chuẩn bị văn kiện cho 04 hợp phần:

1. Tăng cường quản lý hành chính ngành thủy sản.
2. Thiết lập hệ thống thông tin quản lý.
3. Đánh giá nguồn lợi hải sản (giai đoạn 2).
4. Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Từ ngày 5/1 - 20/1/1998 đã có 02 nhóm chuyên gia Đan Mạch vào làm việc với 2 nhóm chuyên gia Bộ Thủy sản chuẩn bị cho 03 hợp phần. Riêng hợp phần thứ 4 sẽ được nhóm chuyên gia thứ 3 của Đan Mạch cùng nhóm chuyên gia của Bộ Thủy sản thảo luận trong tháng 3/1998.

● HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA LHQ (UNDP)

Ngày 12/2/1998, Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc đã có cuộc gặp thân mật và thảo luận với ông E.A.Watter - Đại diện của UNDP kiêm Đại diện của tất cả các tổ chức quốc tế của LHQ tại Việt Nam.

Ông E.A.Watter đánh giá cao của ngành thủy sản trong việc góp phần vào công cuộc xoá đói, giảm nghèo và ổn định kinh tế - xã hội ở nông thôn, miền núi và miền biển của đất nước, đồng thời khẳng định lại sự hỗ trợ của UNDP đối với 2 dự án mới của ngành thủy sản đó là: Dự án khuyến ngư - nuôi trồng thủy sản cho các tỉnh miền núi phía Bắc (1 triệu USD) và Dự án nuôi trồng thủy sản ven biển chú trọng việc bảo vệ môi trường (0,3 triệu USD của UNDP và 0,5 triệu USD vốn ủy thác của Chính phủ Đan Mạch). Ông cũng hứa với Bộ trưởng Thủy sản về việc các tổ chức quốc tế của LHQ sẽ chú ý hơn nữa tới công tác an toàn trên biển cho ngư dân, cụ thể là sẽ giao cho các chuyên gia của UNDP soạn thảo văn kiện dự án và UNDP sẽ tìm thêm các nhà tài trợ song phương để thực thi dự án này.

● HỢP TÁC VỚI SEAFDEC

Tại hội nghị lần thứ 29 của Hội đồng giám đốc SEAFDEC, Giám đốc Hội đồng SEAFDEC Việt Nam đã được bầu làm Chủ tịch Hội đồng giám đốc của SEAFDEC nhiệm kỳ

29. Để chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ tại Brunei Darussalam từ 17 - 21/3/1998, tiến sĩ Y.Kato, quốc tịch Nhật Bản, cố vấn đặc biệt của SEAFDEC đã vào làm việc với Giám đốc hội đồng SEAFDEC Việt Nam và Vụ HTQT Bộ Thủy sản từ 7 - 10/2/1998 (sau khi đi thăm và làm việc với Thái Lan, Singapo, Malaixia, Philippin) nhằm trao đổi về các vấn đề:

1. Triển khai kế hoạch chiến lược của SEAFDEC.
2. Cơ chế phối hợp với ASEAN.
3. Thành lập nhóm công tác về chính sách khu vực của SEAFDEC.

Tiến sĩ Y.Kato cũng đã được Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc tiếp.

● sáng ngày 20/1/1998, tại Hà Nội, **BỘ TRƯỞNG TẠ QUANG NGỌC GẶP MẶT THÂN MẬT CÁC CƠ QUAN BÁO CHÍ** ở Trung ương và Hà Nội phân cấp đơn vị. Mậu Dân, tham gia buổi gặp mặt có thứ trưởng Nguyễn Thị Hồng Minh, Phó Chủ tịch CĐTS Việt Nam Nguyễn Văn Mùi.

Trong buổi gặp mặt Bộ trưởng đánh giá cao hoạt động của báo chí và nước với ngành thủy sản trong năm 1997. Tiếp đó nhiều nhà báo nêu lên tình cảm của báo chí với ngành và mong có sự hợp tác chặt chẽ hơn nữa của báo chí và ngành.

Cũng trong buổi gặp mặt Bộ trưởng đã thông báo những thành quả mà ngành đạt được trong năm 1997, những định hướng lớn năm 1998.

Kết thúc buổi gặp mặt Bộ trưởng mong rằng trong năm 1998 sẽ tiếp tục nhận được sự phối hợp, cộng tác chặt chẽ hơn nữa của báo chí.

● Chiều ngày 21/1/1998, **BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN ĐÃ GẶP GỠ MỘT SỐ NHÀ KHOA HỌC NGOÀI NGÀNH** để trao đổi về việc huy động trí tuệ góp phần đưa ngành thủy sản tiếp tục phát triển một cách bền vững trong thời gian tới.

Tại buổi gặp mặt, Bộ trưởng thông báo với những thành tựu của ngành trong thời gian qua, những khó khăn tồn tại. Muốn giữ vững nhịp độ phát triển của ngành trong thời gian tới, Bộ trưởng rất mong sự đầu tư suy nghĩ của các nhà khoa học cùng với ngành tìm phương hướng chung và giải pháp cụ thể phát huy nguồn lực, đưa nghề cá phát triển bền vững.

Các nhà khoa học đã cảm ơn Bộ trưởng về tổ chức buổi gặp mặt này. Từ góc độ của mình các nhà khoa học cho rằng, để nghề cá phát triển bền vững, hiệu quả, trước hết phải chuyển hướng nhanh từ khai thác tự nhiên bề rộng sang bề sâu; mặt khác cần nâng cao dân trí và xác định trong giai đoạn hiện nay song song với khai thác tài nguyên nội lực, việc khai thác nguồn lực từ hợp tác quốc tế cũng hết sức cần thiết và có cơ sở để góp phần thực hiện các chương trình của ngành.

Kết thúc buổi làm việc, Bộ trưởng đã cảm ơn ý kiến đóng góp của các nhà khoa học và mong muốn các nhà khoa học tiếp tục suy nghĩ, nghiên cứu, hợp tác đóng góp với Bộ Thủy sản tìm ra những giải pháp hợp lý, hiệu quả trong thời gian tới.

khai tốt chiến lược về nguyên liệu, thị trường, sản xuất, tài chính, quản lý điều hành, tổ chức lại các đơn vị thành viên.

● **NHÀ MÁY ĐÓNG TÀU SÔNG ĐÀO, NAM ĐỊNH,** năm 1997 đã nộp ngân sách 1.200 triệu đồng, đưa số bình quân đóng góp cho ngân sách nhà nước 66 triệu đồng/người.

Bằng sự tín nhiệm với khách hàng và mạnh dạn đầu tư chiều sâu; đổi mới trang bị kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng đóng mới và sửa chữa tàu vỏ thép nên năm 1997 Nhà máy đã đạt doanh thu trên 20 tỉ đồng, gấp hơn 2 lần doanh thu năm 1996. Trong hoạt động sản xuất năm 1997, cán bộ, công nhân Nhà máy còn có 32 sáng kiến cải tiến kỹ thuật về lắp dựng thiết bị; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật làm lợi gần 400 triệu đồng.

Quý IV vừa qua Nhà máy đã lại được hợp đồng đóng mới 6 tàu đánh cá xa bờ vỏ thép với công suất mỗi tàu từ 300 đến 475CV. Nhà máy đã đạt mức phấn đấu trong năm 1998 sẽ đạt doanh thu 30 tỉ đồng.



● Ngày 20/1/1998 tại Hà Nội, **TẠP CHÍ THỦY SẢN HỢP MẶT CỘNG TÁC VIÊN.** Phát biểu ý kiến tại buổi họp mặt, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đánh giá cao hoạt động của Tạp chí trong năm 1997, đã có bước cải tiến về nội dung, hình thức, bám sát nhiệm vụ chính trị của ngành; tăng cường được cơ sở vật chất bằng vốn tự bổ sung, mở rộng đội ngũ cộng tác viên, ban đọc.

Để đáp ứng yêu cầu sự phát triển của ngành, đòi hỏi của bạn đọc, năm 1998 Tạp chí phải vươn lên hơn nữa về mọi

mặt. Với các cộng tác viên, Bộ trưởng mong có sự cộng tác chặt chẽ hơn nữa với Tạp chí không chỉ là tin bài mà cả các hoạt động khác.

● **CÁC MẶT HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU ĐƯỢC MIỄN THUẾ** áp dụng từ ngày 15/2/1998 theo Quyết định số 103/1998/QĐ/BTC ngày 6/2/1998 của Bộ Tài chính, đó là:

- Cá và động vật giáp xác (tôm, cua,...), động vật thân mềm và các loại động vật không xương sống dưới nước khác.

- Cá sống các loại, cá tươi, ướp lạnh thuộc nhóm 030200; cá ướp đông thuộc nhóm 030300; cá chế biến thuộc nhóm 030400.

- Động vật giáp xác (tôm, cua,...) có mai, vỏ hoặc không, sống tươi, ướp đông, ướp lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác có mai, vỏ, vỏ đã hấp chín và động vật thân mềm có mai, vỏ hoặc không; động vật không xương sống khác sống dưới nước thuộc nhóm 030700, sống tươi, ướp lạnh, ướp đông; sấy khô, phơi khô, muối hoặc ngâm nước muối.

+ Tôm sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông, sấy khô, phơi khô các loại.

+ Cua sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông các loại.

+ Mực, mực ống sấy, tươi, ướp lạnh, ướp đông, sấy khô, phơi các loại.

+ Các mặt hàng khác thuộc nhóm 0300.

● **BAN CHỦ BỊ THÀNH LẬP HIỆP HỘI CB VÀ XNK THỦY SẢN VIỆT NAM** đã họp phiên thứ 2 tại tp. Hồ Chí Minh ngày 6/2/1998.

Theo báo cáo, tính đến ngày 5/2/1998 đã có 45 doanh nghiệp và 1 đơn vị nộp đơn xin ra nhập Hiệp hội. Các doanh nghiệp đã đăng kí xin gia nhập Hiệp hội thuộc đủ các thành phần kinh tế hoạt động chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản trên địa bàn cả nước; chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành năm 1997.

Trong cuộc họp, các thành viên giành nhiều thời gian thảo luận, đóng góp ý kiến để sửa đổi bản Điều lệ Hiệp hội, đặc biệt là về cơ cấu cán bộ lãnh đạo, Ban chấp hành các vấn đề tài chính, trụ sở và tài sản của Hiệp hội.

Để có thể tổ chức Đại hội thành lập vào đầu tháng 4/1998, Hội nghị thấy rằng cần phải hoàn tất các hồ sơ trong tháng 2/1998 để trình Chính phủ xin phép thành lập Hiệp hội ■

Tin của Hà Trang, Văn Triệu, Lương Mạnh, Tất Đạt



● Ngày 6/2/1998 Thủ tướng Phan Văn Khải đã kí Quyết định số 27/1998/QĐ-TTg về việc **THÀNH LẬP VỤ PHÁP CHẾ THUỘC BỘ THỦY SẢN.**

Quyết định nêu rõ, Vụ Pháp chế giúp Bộ trưởng Bộ Thủy sản về công tác pháp chế của Bộ.

Nhiệm vụ cụ thể của Vụ Pháp chế do Bộ trưởng Bộ Thủy sản qui định.

Quyết định có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày kí văn bản.

● **HỘI NGHỆ CÁ VIỆT NAM** đã họp hội nghị thường niên tại Hà Nội ngày 15/1/1998. Hội nghị nhận định, sau một năm triển khai thực hiện Nghị quyết Hội Nghệ cá Việt Nam lần thứ II, hoạt động của Hội đã bám sát được nhiệm vụ chính trị của ngành. Hội và các chi hội đã vận động ngư dân phát triển nghề khai có hiệu quả và sắp xếp lại nghề cá ven bờ.

Về tổ chức, tính đến hết năm 1997 Hội đã thành lập được 6 tỉnh hội, với 93 chi hội và gần 1 vạn hội viên. Ngoài ra còn có 19 đơn vị hội viên tập thể trực thuộc Hội.

Về hoạt động quốc tế, nổi bật nhất là Hội đã phối hợp với các Vụ chức năng của Bộ tổ chức thành công cuộc họp Hội đồng SEAFDEC lần thứ 29, Hội thảo chất lượng sản phẩm sau thu hoạch và thông qua sự giúp đỡ thường xuyên của SEAFDEC Hội đã cử 27 đoàn gồm 67 người thuộc các đơn vị trong ngành đi dự hội nghị, hội thảo, đào tạo về khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản...

Về công tác năm 1998, Hội nghị quyết nghị đặt công tác xây dựng tổ chức và phát triển Hội là nhiệm vụ hàng đầu, trọng tâm là các tỉnh trọng điểm nghề cá, phát triển số lượng đi đôi với củng cố chất lượng, nhất là chi hội. Tiếp tục vận động giúp đỡ các hội viên trong sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, hội nghị coi đây là động lực để củng cố, phát triển Hội, nâng cao uy tín của Hội. Song song với các công tác trên cần tranh thủ hơn nữa sự hợp tác quốc tế, đào tạo. Cần có những hoạt động thiết thực để tạo nguồn tài chính.

Hội nghị kiến nghị Ban Cán sự Đảng Bộ Thủy sản cần xem xét lại hoạt động của 2 hội trong ngành để qui về một đầu mối.

● **ĐỀ TÀI ĐIỀU TRA TỔNG HỢP NGUỒN**

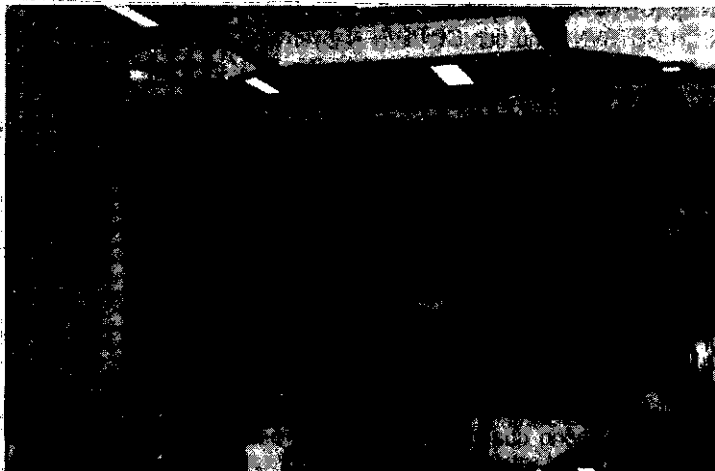
LỢI SINH VẬT BIỂN QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA đã được Hội đồng khoa học của Bộ Thủy sản tổ chức nghiệm thu ngày 26/12/1997.

Qua 4 năm triển khai (1993-1997) đề tài đã xác lập các số liệu cơ bản về tình hình khí tượng hải văn, khu hệ sinh vật... Riêng về khu hệ sinh vật ở vùng biển quần đảo Trường Sa đã tìm được 223 loài động vật phù du làm thức ăn cho cá, 175 loài rong biển, 438 loài động vật đáy, 323 loài san hô, 414 loài cá. Về nguồn lợi sinh vật quanh các đảo cũng đã phát hiện nhiều loài mới ở Việt Nam. Đã có số liệu và trữ lượng các loài rong, động vật đáy có giá trị kinh tế và đề xuất một số biện pháp khai thác và bảo vệ. Cũng qua việc thực hiện, đề tài cũng đã nắm được thành phần cá kinh tế chủ yếu làm cơ sở cho hướng nghiên cứu xác định các loại nghề cho vùng biển quần đảo Trường Sa.

Để có những luận cứ chắc chắn làm cơ sở cho việc định hướng khai thác, bảo vệ nguồn lợi sinh vật biển quần đảo Trường Sa, nhóm tác giả đề tài đề nghị Nhà nước tiếp tục đầu tư nghiên cứu tổng hợp vùng biển này. Trước mắt, từ năm 1998 - 2000 tiếp tục khảo sát về nguồn lợi cá nổi kết hợp với thu thập tài liệu môi trường theo kế hoạch.

● Ngày 20/1/1998, tại Hà Nội, **TỔNG CÔNG Tİ THỦY SẢN VIỆT NAM** đã tổ chức Hội nghị bàn biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1998. Đến dự có Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng, các cơ quan giúp việc của Bộ. Về thực hiện kế hoạch năm 1997, Hội nghị nhận định: năm 1997 Tổng công ti gặp nhiều khó khăn, nhất là 6 tháng cuối năm, nổi bật là tác động khủng hoảng tiền tệ trên thị trường, Code vào EU, ảnh hưởng của cơn bão số 5... nhưng Tổng công ti vẫn thực hiện tốt kế hoạch về giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu, sản xuất chế biến, đầu tư đổi mới công nghệ. Bước đầu tạo được sức mạnh về tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường, đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Về kế hoạch năm 1998, Hội nghị cho rằng, để đạt được tổng doanh số XNK 260 triệu USD (trong đó XK 229 triệu USD), chế biến XK 21.000 tấn, chế biến nội địa 8.310 tấn, đầu tư xây dựng với giá trị 10 triệu USD và các chỉ tiêu nộp ngân sách, lợi nhuận, khấu hao, lao động.... Tổng công ti cần triển



NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM - 1998

Năm 1998 nhiệm vụ của ngành rất nặng nề, các chỉ tiêu kế hoạch cao hơn so với năm 1997, trong khi phải nỗ lực khắc phục hậu quả cơn bão số 5. Chủ trương phát triển đánh bắt hải sản xa bờ và an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển được đặt ra với mức độ cao. Ngoài việc vận động công nhân, lao động trong ngành thi đua thực hiện nhiệm vụ của ngành, Công đoàn Thủy sản Việt Nam phải tổ chức tốt Đại hội lần thứ II CĐTSVN, và tiến tới đại hội công đoàn toàn quốc.

Để thực hiện nhiệm vụ trên, nhiệm vụ chủ yếu của CĐTSVN năm 1998 là:

Về công tác tư tưởng, văn hóa

Tập trung tuyên truyền về đại hội công đoàn các cấp từ cơ sở đến toàn quốc. Tổ chức tốt ngày truyền thống của ngành, các hoạt động văn hóa, thể thao chào mừng đại hội công đoàn các cấp. Cùng với chính quyền có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, nghiệp vụ cho công nhân lao động.

Về thi đua và tham gia quản lý

Bảo đảm trên 80% các cơ sở công đoàn ở các doanh nghiệp tổ chức được đại hội CNVC, kí thoả ước lao động tập thể, kí kết hợp đồng lao động. Phát động, tổ chức tốt phong trào thi đua với mục tiêu năng suất, chất lượng, hiệu quả lập thành tích chào mừng đại hội công đoàn các cấp.

Công đoàn TSVN sẽ phối hợp với Bộ Thủy sản tổ chức gặp mặt những người lao động giỏi, quản lý giỏi năm 1997 vào quý II/1998 trên cơ sở tổng kết phong trào thi đua "Lao động giỏi, quản lý giỏi", "Lao động sáng tạo".

Ngoài ra công đoàn còn tiếp tục triển khai và giám sát thực hiện Bộ Luật lao động, nghiên cứu, đề xuất các vấn đề về an toàn và vệ sinh lao động trong ngành thủy sản.

Tham gia sắp xếp lại các doanh nghiệp.

Về công tác tổ chức

Chỉ đạo chặt chẽ và tổ chức tốt đại hội công đoàn các cấp trong ngành. Thành lập các công đoàn tổng công ti, tiếp nhận nốt các công đoàn cơ sở trực thuộc về CĐTSVN. Tác động tích cực với liên đoàn lao động các tỉnh để thành lập và chỉ đạo hoạt động công đoàn thủy sản địa phương ở những nơi chưa thành lập.

Tăng cường xây dựng các công đoàn cơ sở, bảo đảm 70-80% công đoàn cơ sở đạt tiêu chuẩn vững mạnh. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn, có chính sách động viên, khuyến khích cán bộ hoạt động công đoàn. củng cố, kiện toàn bộ máy cơ quan CĐTSVN.

Về hoạt động xã hội

Tập trung phát triển và đẩy mạnh hoạt động Quỹ nhân đạo Nghề cá Việt Nam. Tiếp tục các hoạt động uống nước nhớ nguồn, tương thân tương ái giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn.

Về công tác nữ công

Tiếp tục chỉ đạo phong trào "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"; phối hợp với Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ ngành thủy sản để đẩy mạnh hoạt động nữ công.

Đẩy mạnh các hoạt động thanh tra, kiểm tra và các công tác khác.

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 6 BCH CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM

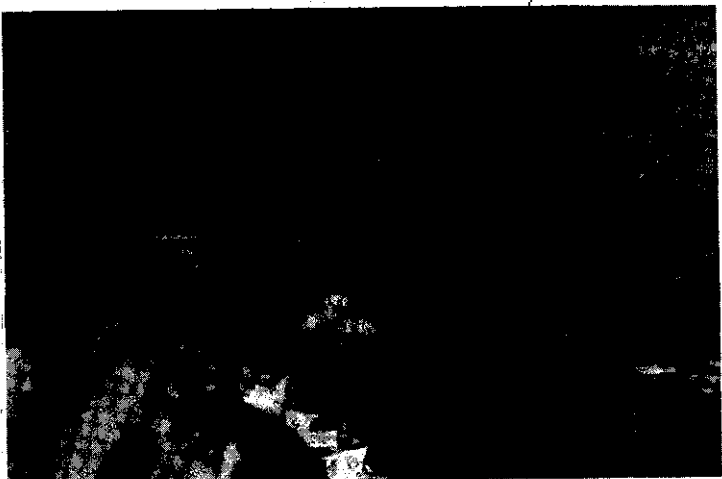
Vừa qua, tại Hà Nội, Công đoàn Thủy sản Việt Nam (CĐTSVN) đã tổ chức Hội nghị lần thứ 6 BCH CĐTSVN, Chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Thị Hồng Minh chủ trì Hội nghị. Bí thư Ban Cán sự, Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc, Phó Chủ tịch TLĐLĐ Việt Nam Nguyễn An Lương đã đến dự và phát biểu ý kiến với Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và quyết nghị các nội dung:

- Thông qua báo cáo tổng kết năm 1997 và nhiệm vụ công tác năm 1998 của CĐTSVN.

- Quyết định triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ II CĐTSVN vào tháng 7/1998, với số lượng 220 đại biểu.

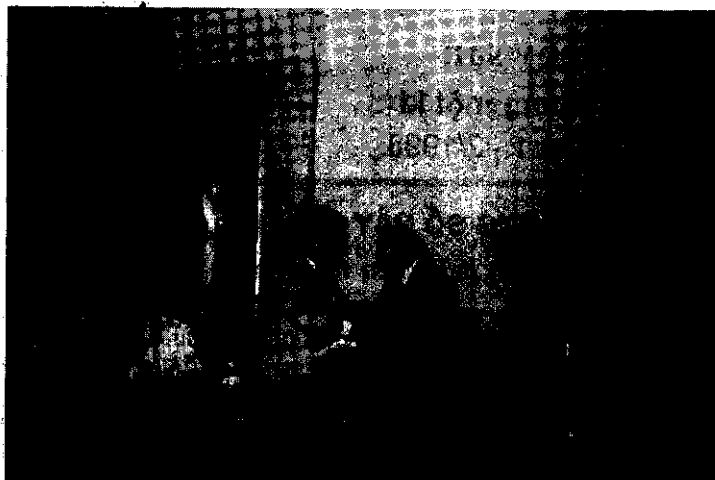
- Thông qua dự thảo đề cương báo cáo Đại hội lần thứ II CĐTSVN.



- Giao cho Ban thường vụ chuẩn bị nhân sự BCH CĐTSVN nhiệm kì II (1998 - 2003) để trình Hội nghị lần thứ 7 BCH CĐTSVN xem xét.

● Từ ngày thành lập Quỹ nhân đạo Nghé cá Việt Nam đến nay, Quỹ đã mở 3 đợt quyên góp, tổng số tiền thu được 904.476.000đ. Trên 497.984.000 đ đã cứu trợ lao động nghề cá gặp rủi ro do thiên tai gây ra, mua phao cứu sinh gửi tặng ngư dân nghèo ở một số địa phương thường bị thiên tai.

Ảnh bên: Phó Chủ tịch TĐLĐVN, Chủ tịch Công đoàn Viên chức Việt Nam Nguyễn An Lương thay mặt CĐVCVN ủng hộ 20 triệu đồng cho Quỹ NĐNCVN.



NĂM 1997, CÔNG ĐOÀN SEAPRODEX MIỀN TRUNG CÓ NHIỀU KHỞI SẮC

Phát huy truyền thống liên tục được công nhận danh hiệu Công đoàn vững mạnh, năm 1997 Công đoàn công ti có nhiều hoạt động hiệu quả.

Ngay từ đầu năm Công đoàn phối hợp với chính quyền tổ chức được hội nghị công nhân viên chức, hội nghị đưa ra nhiều sáng kiến có giá trị trong phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc và đời sống người lao động; đã kí kết thoả ước lao động tập thể, 100% công nhân, lao động được kí kết hợp đồng lao động. Với đơn vị lớn có trên 1000 lao động, có nhiều công đoàn bộ phận, những đơn vị làm được như công ti SEAPRODEX miền Trung không phải là nhiều.

Hàng quý, để giám sát việc thực hiện thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động, Công đoàn và chính quyền tổ chức đều đặn giao ban nên nhưng sai sót được uốn nắn, những phát sinh mới được bổ sung cho phù hợp.

Với sự phối hợp chặt chẽ giữ Công đoàn và chính quyền, năm qua 100% công nhân, lao động có đủ việc làm, thu nhập bình quân đạt 650.000đ/người/tháng.

Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỉ niệm 15 năm thành lập Công ti, với nội dung "Lao động giỏi, quản lí giỏi" diễn ra sôi nổi. Căn cứ vào đặc điểm của từng bộ phận đã đề ra tiêu chuẩn thi đua phù hợp, định kì có sơ kết, tổng kết và khen thưởng vì vậy đã động viên được công nhân, lao động hăng hái thi đua. Năm 1997, mặc dù có khó khăn về thị trường, khủng hoảng tiền tệ trong khu vực... nhưng Công ti đã hoàn thành kế hoạch trước 40 ngày, hết năm các chỉ tiêu đều đạt từ 103,44% đến 125% kế hoạch đề ra. Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, thực hành tiết kiệm được đẩy mạnh, thống kê 9 tháng năm 1997

toàn đơn vị đã làm lợi trên 800 triệu đồng, đây là con số không nhỏ.

Phong trào nữ công có nhiều hoạt động phong phú, năm qua đã tập trung chỉ đạo với 2 chuyên đề lớn: Phụ nữ với công tác kế hoạch hóa gia đình - chống tệ nạn xã hội và phong trào Nữ công nhân, lao động và việc làm đạt hiệu quả. Đã xuất bản được tập thơ Tình khúc mẹ và con, tác giả là nữ CNLĐ của Công ti.

Một mặt nổi nữa của Công đoàn Seaprodex miền Trung là quan tâm đến đời sống người lao động, ngoài việc cùng chính quyền bảo đảm việc làm, thu nhập để hỗ trợ người lao động khi nghỉ hưu, mất sức, mất việc làm, bị tai nạn,... Công đoàn đã xây dựng quỹ hỗ trợ người lao động trong nội bộ bằng sức đóng góp của công nhân, lao động và có qui chế sử dụng. Về đời sống tinh thần có nhiều hoạt động như tổ chức hội diễn đầu xuân, tham quan di tích lịch sử, văn hóa....

Phong trào đến ơn, đáp nghĩa, từ thiện được duy trì, chăm sóc tốt 13 Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tặng 6 sổ tiết kiệm, 100% công nhân, lao động Công ti tham gia đóng góp cho Quỹ nhân đạo Nghé cá Việt Nam, Quỹ tình nghĩa, Quỹ tình thương, mua sổ sổ vi tương lai con em chúng ta, ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 5.... Tổng số tiền 100,225 triệu đồng, 202 kg quần áo, 16,5 kg giấy dép. Với thành tích nhiều năm qua và năm 1997 Công ti đã được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen...

Tổng kết năm 1997, 83,3% công đoàn bộ phận đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh, phát triển thêm 194 đoàn viên, giới thiệu được 9 đoàn viên ưu tú để kết nạp Đảng...

Với sự đóng góp của tập thể CNLĐ năm 1997, Công ti được Bộ Thủy sản tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc, cơ truyền thống của ngành, Công đoàn công ti được Công đoàn TSVN đề nghị Tổng Liên đoàn LĐVN tặng cờ thi đua ■

Trang Công đoàn có sự cộng tác của VPCĐTSVN, Trịnh Tín, PV

Tạp chí Thủy sản

Xuất bản 2 tháng một kì

Số 1 (64) tháng 1 - 2/1998

Fisheries review

Bimonthly

Nº 1 (64) Jan. - Feb. /1998

TRONG SỐ NÀY

• Đưa ngành thủy sản phát triển nhanh hơn, tốt hơn *** 1

• Năm 1998, ngành thủy sản phải đẩy mạnh khai thác, nuôi trồng, chế biến... *** 3

• Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc thăm một số cơ sở nghề cá và làm việc với UBND thành phố Hải Phòng *** 6

• Kinh tế thủy sản - Một chặng đường
Ngô Anh Tuấn 7

• Chấm dứt hiện tượng đưa tạp chất vào nguyên liệu thủy sản
Đức Trung 10

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

• Đầu tư tín dụng như thế nào đối với ngư dân Bình Thuận
Trần Trọng Thương 11

• Cá rô phi đơn tính - Hiện trạng và hướng phát triển
Phạm Anh Tuấn 13

VẤN ĐỀ THAM KHẢO

• Năm Hổ nói chuyện tôm hùm
Phuong Thảo 15

• Ngày xuân nói chuyện cá cảnh
Diệp Sơn 17

• Cá mập (nhám) - thợ săn biển
Lê Trọng 19

NGHỀ CÁ NƯỚC NGOÀI

• Kỹ thuật nuôi thâm canh tôm càng xanh ở Quảng Đông
Thái Bá Hồ 20

BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

KHUYẾN NGƯ

TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

IN THIS ISSUE

• The development of fisheries sector with higher speed and more sustainable ***

• In the year 1998, the fisheries sector should focus for development of exploitation aquaculture, processing ... **

• Minister Ta Quang Ngoc visited some fishing villages and discussed with the People's Committee of Hai Phong City **

• Fishery economy - one stage on the way
Ngo Anh Tuan

• Stop of putting strange substances to fishery material
Duc Trung

EXCHANGE OF OPINIONS

• The ways for input credit to fish-men in Binh Thuan
Tran Trong Thuan

• The sex-reversion Tylapia - current situation and tendency for development
Pham Anh Tuan

REFERENCE

• In the Tiger Year speaking about Tiger Lobster
Phuong Tha

• In Spring Season speaking about Ornament Fish
Diep Son

• Shark - Marine Hunter
Le Trong

FISHERIES ABROAD

• Technology for intensive culture of Rosenberg in Quang Dong (China)
Thai Ba Ho

PROTECTION OF FISHERIES RESOURCE

FISHERIES EXTENSION

NEWS ON FISHERIES ACTIVITIES

TRADE UNION ACTIVITIES

Toà soạn: 10 Đường Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 8 345457. Fax: 048.326702
Tổng biên tập: PTS. Tạ Quang Ngọc

Headquarter: 10 Nguyen Cong Hoan road, Ba Dinh Dist, Hanoi
Telephone: 8 345457. Fax: 048.326702
Editor-in-Chief: Dr. Ta Quang Ngoc